

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật. Đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn năng động và tỷ lệ thuận với quá trình phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất được tăng cao, đặc biệt là vấn đề chuyển mục đích sử dụng đất và diện tích đất cho xây công trình, đất nhà ở, ... Diện tích đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp ngày càng thu hẹp (do chuyển mục đích sử dụng đất), áp lực sử dụng đất phi nông nghiệp ngày càng lớn (do quá trình đô thị hóa tăng nhanh) trong khi đó diện tích sử dụng của các loại đất có giới hạn. Do vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, bảo vệ cải tạo tài nguyên đất đai và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người sử dụng đất luôn là vấn đề cấp thiết và phải được hoạch định một cách khoa học, cụ thể và thực hiện đúng theo qui định của pháp luật. Việc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất. Việc chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trong những năm gần đây tình hình kinh tế-xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, công tác quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên luôn được xem trọng. Khai thác sử dụng đất đai có hiệu quả là một trong những yếu tố góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy để có giải pháp hợp lý và khoa học trong việc khai thác tài nguyên đất đai nhằm mang lại hiệu quả kinh tế, sử dụng đất bền vững và đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của huyện thì cần có sự điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện đến năm 2020 cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp trên và mục tiêu phát triển của huyện và của tỉnh trong giai đoạn tới.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011 – 2015 của huyện Cầu Ngang đã được phê duyệt theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, tuy nhiên việc thực hiện quy hoạch còn tồn tại một số vấn đề nhất định, cụ thể: kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 có một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt mục tiêu định hướng quy hoạch được duyệt. Đồng thời quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã được lập có nhiều nội dung không phù hợp với định hướng Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Trà Vinh (đang tổ chức thực hiện) và Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cầu

Ngang đến năm 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.

Do đó, việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh huyện Cầu Ngang được xem là một yêu cầu cấp thiết nhằm giúp UBND huyện có căn cứ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và có đầy đủ cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng và khai thác tài nguyên đất đai phù hợp với tiềm năng, thế mạnh, điều kiện phát triển của địa phương và xu thế phát triển của xã hội trong những năm tiếp theo. Đồng thời việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu để hạn chế việc sử dụng đất chồng chéo, lãng phí, bất hợp lý, ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch được xem là một yêu cầu cấp thiết, UBND huyện Cầu Ngang tổ chức thực hiện dự án “*Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang*” để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

### **1. Mục tiêu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

- Thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là thực hiện một trong những nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện, xây dựng định hướng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện đến năm 2020.

- Chi tiết hóa các chỉ tiêu sử dụng đất của cấp tỉnh phân bổ cho huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện.

- Chủ động bố trí nhu cầu sử dụng đất và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất cho các quy hoạch chuyên ngành có sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo cho việc khai thác, sử dụng tài nguyên đất đai được tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến kêu gọi đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,.. phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

## **2. Nội dung của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang.**

Nội dung báo cáo thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Gồm 4 phần:

- Phần I: Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- Phần II: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ điều chỉnh quy hoạch.
- Phần IV: Giải pháp thực hiện.

## **3. Sản phẩm của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang.
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 huyện Cầu Ngang, tỷ lệ 1:25000.
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang, tỷ lệ 1:25000.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang, tỷ lệ 1:25000.
- Các văn bản pháp lý có liên quan trong quá trình thực hiện.
- Đĩa CD lưu trữ các sản phẩm trên.

## **PHẦN 1**

### **SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất;

Công văn số 400/UBND-NN ngày 05/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Công văn số 249/STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/3/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cấp huyện;

Công văn số 4389/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 16/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016;

Công văn số 3530/UBND-NN ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016;

Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang;

Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011-2020;

Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020;

Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020;

Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cầu Ngang đến năm 2020 theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;

Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Trà Vinh;

Niên giám thống kê 2011-2015 huyện Cầu Ngang;

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cầu Ngang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020;

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2010 huyện Cầu Ngang; Kiểm kê đất đai năm 2014 huyện Cầu Ngang và thống kê đất đai năm 2015, 2016 huyện Cầu Ngang;

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Trà Vinh;

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Cầu Ngang;

Quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cầu Ngang;

Đồ án Quy hoạch xã nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường**

#### **2.1.1 Điều kiện tự nhiên**

##### **a) Vị trí địa lý**

Huyện Cầu Ngang nằm về phía Đông Nam của tỉnh Trà Vinh, nằm tiếp giáp sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu. Trung tâm hành chính huyện đặt tại thị trấn Cầu Ngang, nằm cách trung tâm hành chính tỉnh Trà Vinh khoảng 25 km theo Quốc lộ 53 về phía Tây Bắc. Theo hồ sơ địa giới hành chính 364/CT, vị trí hành chính của huyện được mô tả khái quát như sau:

- Phía Đông: giáp huyện Châu Thành.
- Phía Tây: giáp huyện Châu Thành và huyện Trà Cú.
- Phía Nam: giáp huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.
- Phía Bắc: giáp huyện Châu Thành và tỉnh Bến Tre.

Huyện Cầu Ngang có 15 đơn vị hành chính cấp xã (13 xã và 02 thị trấn) trực thuộc gồm: thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long, các xã: Kim Hòa, Hiệp Hòa, Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Mỹ Hòa, Thuận Hòa, Nhị Trường, Trường Thọ, Long Sơn, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây và Thạnh Hòa Sơn. Tổng diện tích tự nhiên là 32.836,39 ha chiếm 14,31% diện tích tự nhiên của tỉnh.

Huyện Cầu Ngang nằm bên bờ Sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu, có Quốc lộ 53 đi qua là điều kiện thuận lợi để huyện giao thương với các huyện khác trong và ngoài tỉnh, thu hút đầu tư đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

##### **b) Địa hình, địa mạo**

Địa hình huyện Cầu Ngang mang đặc thù của vùng đồng bằng ven biển, đất đai khá bằng phẳng với cao trình phổ biến từ 0,40 m - 0,60 m. Đặc biệt có những giồng cát hình cánh cung chạy dài theo hướng song song bờ biển với cao trình > 1,50 m.

Phần diện tích canh tác của huyện Cầu Ngang có cao trình từ 0,40 - 0,60 m, tập trung ở các xã như: Kim Hòa, Trường Thọ, Nhị Trường, một phần xã Vinh Kim, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa, thị trấn Cầu Ngang, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn, Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Bắc và thị trấn Mỹ Long; cao trình < 0,20 m gồm các vùng trũng cục bộ ở các xã: Hiệp Hòa, Nhị Trường, Hiệp Mỹ Đông và Mỹ Long Nam.



Nhìn chung, địa hình khu vực phía Tây Quốc lộ 53 của huyện Cầu Ngang thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và trồng cây lâu năm. Khu vực phía Đông và Đông Nam thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

### **c) Khí hậu**

Huyện Cầu Ngang mang những đặc điểm chung của khí hậu đồng bằng Nam bộ, có chế độ khí hậu gió mùa cận xích đạo với nền nhiệt cao đều quanh năm, lượng mưa lớn phân hoá theo mùa. Một năm có hai mùa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5, kết thúc vào tháng 11; Mùa khô bắt đầu từ tháng 12, kết thúc vào tháng 4 năm sau. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trong những năm gần đây lượng mưa phân bố không đều, thời gian nắng nóng đã kéo dài.

- *Chế độ nhiệt:* Lượng bức xạ nhiệt cao, ít biến động, nhiệt độ trung bình/tháng từ 25- 28°C, cao nhất vào tháng 4, thấp nhất vào tháng 12, tháng 1. Biên độ nhiệt ngày đêm tương đối nhỏ, cao nhất vào tháng 3 biên độ nhiệt là 7,30°C và thấp nhất vào tháng 11 biên độ nhiệt là 5,40°C.

- *Lượng bức xạ:* Tổng lượng bức xạ quang hợp dồi dào, phân phối khá đều qua các tháng và ổn định qua các năm. Lượng bức xạ tăng dần từ cuối tháng 12 đến giữa tháng 4, lượng bức xạ đạt cao nhất là 8.400 cal/cm<sup>2</sup>/tháng và sau đó giảm dần đến tháng 9 đạt thấp nhất là 5.300 cal/cm<sup>2</sup>/tháng.

- *Lượng mưa:* Lượng mưa trung bình năm đạt khoảng 1.500 mm<sup>3</sup>/năm. Thời gian mưa bắt đầu vào trung tuần tháng 5 dương lịch và chấm dứt vào đầu tháng 11 dương lịch với 2 đỉnh mưa rơi vào tháng 6 và tháng 10, tháng 10 có lượng mưa tập trung cao nhất (hơn 250 mm<sup>3</sup>/tháng).

- *Độ ẩm không khí:* Do chịu ảnh hưởng của khối không khí biển nên độ ẩm khá cao, độ ẩm lúc 7 giờ sáng đạt trên 90%. Độ ẩm không khí tăng dần trong mùa mưa và giảm dần trong mùa khô. Ngoài tháng 4, các tháng còn lại đều có độ ẩm tối cao (trên 95%), độ ẩm tối thiểu đạt từ 70-90%.

Nhìn chung, điều kiện khí hậu của huyện Cầu Ngang với các đặc điểm của vùng nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt độ cao và độ ẩm tương đối ổn định, nắng và bức xạ mặt trời thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên do lượng mưa thường tập trung theo mùa, kết hợp với các yếu tố địa hình ở những vùng trũng thấp cục bộ thường xảy ra tình trạng úng ngập.

### **d) Thủy văn**

Huyện chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ thủy văn sông Cỏ Chiên và hệ thống các sông, rạch nhỏ chằng chịt trên địa bàn.

- *Chế độ thủy văn*: Chế độ thủy văn của huyện chịu sự tác động của thủy triều Biển Đông thông qua sông Cỏ Chiên vào sông Thâu Râu, sông Vinh Kim chi phối nguồn nước trong kênh rạch nội đồng. Đồng thời có ảnh hưởng một phần của hệ thống thủy lợi từ huyện Châu Thành, huyện Trà Cú làm cho một phần diện tích các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Trường Thọ, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn có lúc bị ảnh hưởng chế độ thủy văn từ sông Sông Hậu.

Chế độ triều biển Đông đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên toàn địa bàn huyện thông qua các kênh rạch ảnh hưởng lên đồng ruộng. Đây là chế độ bán nhật triều không đều, ngày lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường sau ngày 1 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém sau ngày 7 và 23 âm lịch, biên độ mỗi lần triều cường, triều kém kéo dài từ 2 - 3 ngày.

- *Mạng lưới sông, rạch*: Huyện Cầu Ngang chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ triều biển Đông với các hệ thống sông rạch chằng chịt, đáng kể nhất là sông Cỏ Chiên, sông Thâu Râu, sông Vinh Kim có ý nghĩa quan trọng trong lưu thông, vận chuyển đường thủy và nhất là vai trò thủy lợi trong sản xuất nông nghiệp.

+ Sông Thâu Râu bắt đầu từ sông Cỏ Chiên chạy theo hướng Tây, khá uốn khúc đến Ô Lắc chia 02 nhánh: nhánh rạch Ông Ốc - kênh Thủy Trưng chạy lên phía Bắc thông với kênh Cầu Ngang; nhánh rạch Ô Lắc - Tân Lập chạy về hướng Tây Nam đến cống Tân Lập. Sông này khá rộng và sâu, vào trong cạn và hẹp dần, biên độ triều khá cao thuận lợi cho tiêu thoát nước.

+ Sông Vinh Kim bắt nguồn từ sông Cỏ Chiên chạy theo hướng Nam nối thông sông Cầu Ngang và kênh Thống Nhất. Sông này khá thẳng, rộng và sâu, biên độ triều cao nên tiêu nước tốt. Do nằm xa cửa biển và nước thượng nguồn đổ về trên sông Cỏ Chiên mạnh nên độ mặn thời gian mặn của sông này thấp hơn sông Thâu Râu.

+ Kênh Thống Nhất bắt nguồn từ sông Cần Chông, đoạn qua huyện dài 8 km, từ giáp huyện Châu Thành chạy theo hướng Đông và nối kênh Cầu Ngang. Do ảnh hưởng của chế độ triều trên sông Hậu và các công trình ngăn mặn Nam Măng Thít nên kênh này là nguồn tiếp ngọt chủ lực cho hoạt động sản xuất nông nghiệp ở khu vực phía Tây Hương lộ 17.

Ngoài ra, huyện còn có các tuyến kênh Nhị Trường - Long Hiệp, Ngọc Biên - Thạnh Hòa Sơn, các tuyến kênh, sông, rạch và các hệ thống thủy lợi góp phần phục vụ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện có tác dụng tích cực, làm chuyển biến rất lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của huyện.



## 2.1.2 Các nguồn tài nguyên

### a) Tài nguyên đất

Đất đai huyện Cầu Ngang được hình thành do quá trình bồi lắng của vật liệu trầm tích biển trong thời kỳ biển lùi. Hàm lượng, chất lượng và sự phân bố vật liệu phù sa cùng với hoạt động kiến tạo đã dẫn đến sự hình thành các loại đất khác nhau.

Theo kết quả khảo sát và lập bản đồ đất tỉnh Trà Vinh (tỷ lệ 1/50.000) năm 2016 trong đó huyện Cầu Ngang có một số loại đất như sau:

**Bảng 1: Phân loại đất huyện Cầu Ngang theo kết quả điều tra năm 2016**

STT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
<b>A. Diện tích điều tra</b>			<b>30.655,15</b>
<b>I</b>	<b>Đất cát</b>		2.464,56
	Đất cát giồng	Cz	2.464,56
<b>II</b>	<b>Đất mặn</b>		<b>13.376,87</b>
1	Đất mặn trung bình	M	1.730,74
2	Đất mặn ít	Mi	9.445,97
3	Đất mặn sú, vẹt, đước	Mm	691,19
4	Đất mặn nhiều	Mn	1.508,98
<b>III</b>	<b>Đất phù sa</b>		<b>1.087,63</b>
	Đất phù sa phủ trên nền cát biển	P/C	1.087,63
<b>IV</b>	<b>Đất phèn</b>		<b>6.814,27</b>
1	Đất phèn hoạt động sâu, mặn trung bình và ít	Sj2M	5.911,92
2	Đất phèn hoạt động sâu, mặn nhiều	Sj2Mn	165,92
3	Đất phèn tiềm tàng nông, mặn nhiều	Sp1Mn	4,63
4	Đất phèn tiềm tàng sâu, mặn trung bình và ít	Sp2M	731,81
<b>V</b>	<b>Đất lầy</b>		<b>3.203,42</b>
	Đất lầy	Vp	3.203,42
<b>VI</b>	<b>Sông rạch</b>		
	Sông rạch	SON	3.708,39
<b>B. Diện tích không điều tra</b>			<b>2.181,24</b>
<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>			<b>32.836,39</b>

(Nguồn bản đồ đất tỉnh Trà Vinh năm 2016)

- Đất cát giồng: theo kết quả từ bản đồ đất tỉnh Trà Vinh điều tra năm 2016 thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có khoảng 2.464,56 ha, chiếm 8,04% diện tích đất điều tra. Đất có địa hình cao đặc trưng chạy theo hình cánh cung song song với bờ biển. Hạn chế chính trong sử dụng canh tác là đất rất nghèo dinh dưỡng và thiếu nguồn nước tưới.

- Đất phù sa: theo kết quả từ bản đồ đất tỉnh Trà Vinh điều tra năm 2016 thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có khoảng 1.087,63 ha, chiếm 3,55% diện tích đất điều tra, chủ yếu là diện tích đất phù sa phủ trên nền cát biển.

- Đất mặn: theo kết quả từ bản đồ đất tỉnh Trà Vinh điều tra năm 2016 thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có khoảng 13.376,87ha, chiếm 43,64% diện tích đất điều tra. Trong đó:

+ Đất mặn trung bình: 1.730,74 ha, chiếm 5,65% diện tích đất điều tra.

+ Đất mặn ít: 9.445,97 ha, chiếm 30,81% diện tích đất điều tra.

+ Đất mặn sù, vệt, đước: 691.19 ha, chiếm 2,25% diện tích đất điều tra.

+ Đất mặn nhiều: 1.508,98 ha, chiếm 4,92% diện tích đất điều tra.

- Đất phèn: theo kết quả từ bản đồ đất tỉnh Trà Vinh điều tra năm 2016 thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có khoảng 6.814,27 ha, chiếm 22,23% diện tích đất điều tra. Trong đó:

+ Đất phèn hoạt động sâu, mặn trung bình và ít: 5.911,92 ha, chiếm 19,29% diện tích đất điều tra, tập trung ở các xã như: Nhị Trường, Trường Thọ, Hiệp Hòa, Kim Hòa và một phần ở Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam và Mỹ Hòa.

+ Đất phèn hoạt động sâu, mặn nhiều: 165,92 ha, chiếm 0,54% diện tích đất điều tra, nằm rải rác ở Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam

+ Đất phèn tiềm tàng nông, mặn nhiều: 4,63 ha, chiếm 0,02% diện tích đất điều tra, nằm rải rác ở xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hòa Sơn.

+ Đất phèn tiềm tàng sâu, mặn trung bình và ít: 731,81 ha, chiếm 2,39% diện tích đất điều tra, tập trung ở xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, Vinh Kim.

### **b) Tài nguyên nước**

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt chủ yếu của huyện được cung cấp từ sông Cổ Chiên, sông Thâu Râu, sông Vinh Kim và nguồn nước mưa. Do tác động của thủy triều đưa nước mặn từ từ xâm nhập vào nội đồng làm nhiễm mặn nước mặt khu vực cửa sông nên khả năng cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất gặp khó khăn.

- Nước dưới đất: nước dưới đất của huyện khá phong phú và phân bố ở độ sâu từ 60 - 400 m, phổ biến từ 90 - 120 m. Khả năng khai thác 97.000m<sup>3</sup>/ngày.

Do đặc điểm địa hình có hệ thống sông rạch chằng chịt nên tài nguyên nước mặt của huyện rất phong phú và đa dạng đảm bảo cho việc tưới tiêu và phục vụ nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản.

### **c) Tài nguyên khoáng sản**

Theo báo cáo, khoan thăm dò thì hiện nay chưa phát hiện tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Hiện nay, huyện có nguồn cát khai thác từ các lưu vực của

sông Cỏ Chiên nhưng trữ lượng không lớn, cần được quy hoạch và đầu tư khai thác hợp lý.

#### **d) Tài nguyên rừng**

Kết quả thông kê đất đai năm 2015, huyện Cầu Ngang có 842,53 ha rừng, chiếm 2,56% diện tích tự nhiên, tập trung ở xã Mỹ Long Nam, xã Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long và xã Vinh Kim. Những năm gần đây huyện rất chú trọng trong công tác bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ trên địa bàn huyện, góp phần ổn định môi trường, bảo vệ vùng sản xuất bên trong. Rừng của huyện Cầu Ngang vừa có ý nghĩa phòng hộ chắn gió, sóng biển, cân bằng hệ sinh thái rừng ngập mặn, vừa là nguồn tài nguyên của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung.

#### **đ) Tài nguyên sinh vật**

Tài nguyên sinh vật của huyện Cầu Ngang đa dạng, phong phú về chủng loại, tập trung trong rừng và tại các cửa sông, biển. Hiện trong rừng có 27 loài bò sát, 8 loài lưỡng cư, 16 loài thú và 60 loài chim. Tại khu vực cửa sông có 185 loài thực vật nổi, 93 loài động vật nổi, 90 loài động vật đáy. Tại vùng biển có 661 loài cá. Tại vùng ven bờ và cửa sông có 214 loài cá, 20 loài tôm. Tài nguyên sinh vật phong phú đã góp phần phát triển mạnh ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy sản tại huyện Cầu Ngang những năm qua.

#### **e) Tài nguyên nhân văn**

Huyện Cầu Ngang với cộng đồng dân cư sinh sống gồm phần lớn đồng bào Kinh (chiếm khoảng 65% dân số), đồng bào dân tộc Khmer (chiếm khoảng 35% dân số) và số ít dân tộc khác. Với sự phong phú và đa dạng về văn hóa, có phong tục tập quán và nếp sinh hoạt trong đời sống có khác nhau, nhưng luôn sống đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau vừa giữ gìn được bản sắc dân tộc, vừa phát huy truyền thống nhân văn.

Sự đa dạng về văn hóa luôn được giữ gìn và bảo tồn được thể hiện bởi các đặc trưng văn hóa của Tết cổ truyền, các lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc tôn giáo của dân tộc Khmer (Chol Chnam Thmây, Sen Dolta và OK-Om-Bok). Ngoài ra, còn các ngày lễ tôn giáo chung của các dân tộc (ngày lễ Phật Đản, Chúa giáng sinh) là dịp giao thoa sinh hoạt chung của cộng đồng. Đặc biệt là lễ hội cúng biển, hay còn gọi là lễ hội Nghinh Ông diễn ra sôi động vào những ngày thượng tuần tháng 5 âm lịch trở thành nét đẹp tâm linh của ngư dân miền biển. Văn hóa Lễ hội và Tết cổ truyền của các dân tộc luôn gắn liền với các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

### **2.1.3 Thực trạng môi trường**

Hiện nay môi trường sinh thái trên địa bàn huyện là còn khá tốt, tuy nhiên cần nghiêm túc xem xét một số thực trạng nếu không được khắc phục kịp thời, sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường trong thời gian tới.

Là một huyện đang trên đà phát triển, nên các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp ngày càng tăng; việc kiểm soát khí thải, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn là việc làm cấp thiết cần thường xuyên. Mặt khác, mật độ dân số trên địa bàn huyện ngày càng tăng, các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chất thải trong sinh hoạt làm cho môi trường ngày càng có nguy cơ ô nhiễm, nếu như các cấp chính quyền không quan tâm tăng cường công tác kiểm tra giám sát sẽ là vấn đề có ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư trong huyện.

- **Thực trạng môi trường nước:** bao gồm nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm. Nguồn nước mặt đang có nguy cơ bị ô nhiễm do ý thức sinh hoạt của người dân chưa được nâng cao, tuy đã được đầu tư tổ chức thu gom rác ở các chợ, tập trung dân cư nhưng vẫn còn tình trạng ô nhiễm ở các sông đang ngày càng đáng báo động. Mạng lưới thu gom rác còn thưa chỉ tập trung ở trung tâm huyện, xã, các tuyến giao thông chính còn lại rác thải được người dân xử lý, chôn lấp, thiêu hủy theo truyền thống. Bên cạnh đó do nước thải trong sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải trong chế biến và nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý tốt, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, phân bón hóa học chưa được hướng dẫn, khuyến cáo thường xuyên,... cũng đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho nguồn nước mặt. Nguồn nước ngầm ở một số nơi trên địa bàn huyện cũng đang bị giảm chất lượng do nhiễm Amonia và Coliforms khá cao do các nguyên nhân: nước rỉ từ các bãi chôn lấp chất thải (đặc biệt là chất thải rắn), từ nước mưa chảy tràn và thấm thấu, từ các giếng khoan bơm tay bị hỏng chưa được trám lấp kịp thời. Một thực trạng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho nguồn nước ngầm là từ các nghĩa trang, nghĩa địa mai táng bằng hình thức chôn lấp vừa gây ô nhiễm vô cơ, vừa gây ô nhiễm hữu cơ và kể cả mầm bệnh đi vào nguồn nước ngầm là một thực trạng cần phải được nghiên cứu, tìm ra giải pháp khắc phục.

- **Thực trạng môi trường không khí:** chất lượng môi trường không khí của huyện còn khá tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện có 05 bãi rác tập trung nhưng vẫn chưa được đầu tư xử lý rác thải theo đúng quy định nên nước thải và mùi hôi đã gây ảnh hưởng đến môi trường, đến đời sống, sức khỏe của người dân trong vùng lân cận.

- **Thực trạng ô nhiễm môi trường đất:** Thực tế môi trường đất trên địa bàn huyện chưa có sự ảnh hưởng rõ nét so với nguồn nước và môi trường không khí.

Tuy nhiên, thời gian gần đây cũng đã có phần bị ảnh hưởng do việc sử dụng các hóa chất trong nông nghiệp, do các hoạt động trong công nghiệp và trong sinh hoạt của con người đã thải ra các tổ chất độc hại di chuyển theo nguồn nước, không khí và cuối cùng sẽ lắng lại trên bề mặt đất, xâm nhập sâu vào trong đất gây ô nhiễm. Vấn đề này sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người thông qua các loại thực phẩm như rau, củ, quả; ngoài ra ô nhiễm môi trường đất còn làm giảm chất lượng đất, gây ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng cây trồng, làm giảm chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp.

Xuất phát từ các vấn đề trên cần phải có các giải pháp trong bảo vệ môi trường, các giải pháp về sử dụng đất thích hợp. Bên cạnh đó cần khuyến khích người dân trồng rừng, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón có nguồn gốc sinh học, sử dụng thức ăn trong nuôi thủy sản thật hợp lý, ... để đảm bảo an toàn cho môi trường đất, nước và không khí của huyện trong tương lai.

## **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cầu Ngang lần thứ X (2011-2015) trong bối cảnh chung có nhiều khó khăn: giá cả vật tư sản xuất nông nghiệp có lúc tăng cao, giá các mặt hàng nông sản không ổn định; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn thường xảy ra; một số công trình trọng điểm trên địa bàn huyện đã được phê duyệt nhưng tạm đình hoãn, kéo dài thời gian thi công thực hiện. Trong bối cảnh chung đó, được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy và sự giúp đỡ của các Sở, Ban ngành và sự đoàn kết, thống nhất cao của Đảng bộ và nhân dân huyện cùng quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết và đạt được những thành tựu quan trọng:

### **2.2.1 Thực trạng phát triển kinh tế**

Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng bình quân 5 năm (2011-2015) đạt 14% (đạt chỉ tiêu NQ). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành nông - ngư - lâm nghiệp còn 43,80%, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp xây dựng lên 19,26%, dịch vụ 36,94%.

**Bảng 2: Hiện trạng giá trị sản xuất 3 khu vực kinh tế giai đoạn 2011-2015**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Ngành kinh tế	Giá trị sản xuất các năm theo giá thực tế				
	2011	2012	2013	2014	2015
Khu vực kinh tế nông nghiệp	2.252.335	2.414.952	2.629.381	2.905.917	3.085.608
Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng	577.172	629.070	703.254	774.667	855.279

Khu vực kinh tế thương mại- dịch vụ	1.769.945	2.049.761	2.293.048	2.698.741	2.818.332
--	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

### a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Nông nghiệp giữ vai trò chủ yếu trong phát triển kinh tế của huyện. Thời gian qua, huyện đã tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp-nhu-lâm nghiệp và phát triển nông thôn hiệu quả và đạt được những kết quả quan trọng. Giá trị sản xuất của các ngành theo số liệu thống kê năm (2011-2015) của huyện Cầu Ngang đều tăng cụ thể:

- **Ngành nông nghiệp:** Trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp trong giai đoạn 2011-2015, nhìn chung giá trị sản xuất có xu hướng tăng từ 1,26 - 1,42 lần so từng lĩnh vực.

**Bảng 3: Bảng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011-2015**

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngành nông nghiệp	Giá trị sản xuất các năm theo giá thực tế				
	2011	2012	2013	2014	2015
<b>A. Trồng trọt</b>	<b>1.601.563</b>	<b>1.788.094</b>	<b>2.016.430</b>	<b>2.126.398</b>	<b>2.268.634</b>
-Lúa	787.999	754.443	866.054	916.705	888.146
-Ngô	38.535	40.670	39.324	38.018	41.798
- Cây chất bột lấy củ	30.519	35.429	33.921	38.152	44.378
- Cây rau, đậu	495.646	548.217	679.187	704.692	732.518
- Cây công nghiệp hàng năm	154.777	290.077	264.372	305.087	416.750
- Cây hàng năm khác	15.000	8.741	8.748	8.759	4.954
- Cây công nghiệp lâu năm	28.480	25.378	30.168	43.430	45.044
- Cây ăn quả	39.175	37.714	80.439	59.087	86.882
- Cây lâu năm khác	-	-	-	3.258	3.569
- Sản phẩm phục vụ trồng trọt	11.432	11.425	14.217	12.467	8.164
<b>B. Chăn nuôi</b>	<b>474.358</b>	<b>410.154</b>	<b>396.064</b>	<b>542.887</b>	<b>593.880</b>
- Gia súc	408.635	342.172	327.104	466.842	480.648
- Gia Cầm	65.483	67.829	67.224	74.779	81.981
- Chăn nuôi khác	240	153	1.736	1.265	31.251
- Sản phẩm không qua giết thịt	16.357	14.145	13.604	17.293	18.742
- Sản phẩm phụ chăn nuôi	2.000	2.057	2.063	2.158	2.175
<b>C. Dịch vụ phục vụ trồng trọt và chăn nuôi</b>	<b>176.414</b>	<b>216.704</b>	<b>216.887</b>	<b>236.632</b>	<b>223.094</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)



+ *Về trồng trọt*: có lợi thế về đa dạng hóa cây trồng, trong những năm qua giá trị sản xuất ngành trồng trọt đã không ngừng tăng, chủ yếu là cây lương thực đến cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây lâu năm và cả cây trồng phụ khác.

Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đến năm 2015 đạt 2.268.634 triệu đồng (theo đơn giá thực tế) tăng 667.071 triệu đồng so với năm 2011.

Diện tích trồng lúa trong thời gian qua giảm do chuyển một phần diện tích sản xuất kém hiệu quả sang nuôi thủy sản, trồng màu nhưng năng suất lúa luôn đạt từ 5,2-6,5 tấn/ha, sản lượng 5 năm đạt 806.600 tấn, (tăng hơn nhiệm kỳ trước 31%), chất lượng lúa gạo ngày được cải thiện, có 13.903 ha thực hiện mô hình lúa chất lượng cao và 3.344 ha lúa cánh đồng lớn. Giá trị sản xuất lúa tăng 1,13 lần so với năm 2011.

Cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày, năm 2015 diện tích xuống giống gieo trồng đạt được 15.517 ha. Trong đó, màu lương thực 2.696 ha; màu thực phẩm 9.215 ha; cây công nghiệp ngắn ngày 3.606 ha. Một số cây màu chủ lực như đậu phộng thu hoạch được 3.454 ha, năng suất bình quân đạt từ 6,20 - 6,50 tấn/ha; bắp giống có 398 ha, năng suất đạt từ 7-9 tấn/ha; còn lại các loại màu như dưa hấu, bí đỏ, ớt và một số rau màu khác. Đặc biệt, diện tích đậu xanh do công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam đầu tư và bao tiêu sản phẩm đã sản xuất được 24,7 ha, năng suất bình quân đạt 1,5-2 tấn/ha.

Cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả trên địa bàn huyện bao gồm: cây dừa, cây điều, xoài, cam, quýt, ... Nhìn chung, giá trị sản xuất qua các năm đều tăng.

+ *Về chăn nuôi*: Ngành chăn nuôi của huyện trong những năm qua đã được quan tâm, từng bước thực hiện phương thức chăn nuôi công nghiệp, tập trung với các giống có năng suất cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Năm 2015, giá trị sản xuất của ngành đạt 593.880 triệu đồng tăng 1,25 lần so với năm 2011.

Đàn vật nuôi trên địa bàn huyện có xu hướng giảm số lượng đàn trâu, dê, thỏ, vịt, ngỗng, ngang. Tuy nhiên, có xu hướng tăng số lượng đàn bò, lợn và gà. Cụ thể tổng đàn gia súc, gia cầm của huyện giai đoạn 2011-2015 như sau:

**Bảng 4: Bảng thống kê đàn vật nuôi giai đoạn 2011-2015**

*Đơn vị tính: con*

Chăn nuôi	Thống kê đàn vật nuôi qua các năm				
	2011	2012	2013	2014	2015
Trâu	970	606	515	471	420
Bò	37.134	31.314	34.112	35.534	40.207
Lợn	41.841	50.082	47.914	48.877	48.642
Dê	388	227	-	-	-
Thỏ	2.835	499	-	-	-

Gà	367.000	424.000	431.000	497.000	546.540
Vịt, ngỗng, ngan	188.000	225.000	195.000	177.000	167.800

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

- **Ngành lâm nghiệp:** Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp không đáng kể so với toàn bộ cơ cấu của ngành sản xuất nông - lâm - thủy, hải sản. Song, giá trị sản xuất trong những năm gần đây đã không ngừng tăng. Năm 2015 đạt 93.693 triệu đồng (theo giá thực tế), tăng 10.058 triệu đồng so với năm 2011.

- **Ngành thủy sản:** Thủy sản cũng được quan tâm đầu tư phát triển, nhất là ở lĩnh vực nuôi trồng, đặc biệt là nuôi tôm sú và nuôi tôm thẻ chân trắng, sản lượng nuôi trồng đạt 24.105 tấn. Khai thác biển, sản lượng 5 năm đạt 113.400 tấn. Giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản nhìn chung phát triển chưa ổn định. Cụ thể:

**Bảng 5: Bảng giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2011-2015**

Đơn vị tính: triệu đồng

Nuôi trồng thủy sản	Giá trị sản xuất ngành thủy sản theo giá thực tế				
	2011	2012	2013	2014	2015
Nuôi trồng	2.493.980	850.703	1.220.121	2.594.473	2.130.381
Khai thác	386.988	417.818	749.011	660.959	689.418
Dịch vụ	2.858	2.376	2.345	2.116	463
<b>Tổng</b>	<b>2.883.826</b>	<b>1.270.897</b>	<b>1.971.477</b>	<b>3.257.548</b>	<b>2.820.262</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

Giá trị sản xuất thuộc các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và dịch vụ thủy sản chưa tăng ổn định qua các năm. Năm 2012 tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản giảm 1.612.929 triệu đồng so với năm 2011, đến năm 2013, 2014 giá trị sản xuất của ngành có hướng tăng, năm 2015 giá trị sản xuất lại giảm còn 2.820.262 triệu đồng thấp hơn năm 2014 là 437.286 triệu đồng.

### **b) Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng**

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển khá, nhiều cơ sở được đầu tư mới như: May mặc, tôm khô, chế biến lương thực, thực phẩm, nước đá,... Trong năm 2015, phát triển mới 22 cơ sở sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, nâng tổng số toàn huyện hiện có 1.126 cơ sở với 2.986 lao động. Trong đó có 02 làng nghề: làng nghề Bánh tét Trà Cuôn; khai thác đánh bắt, sơ chế, chế biến thủy sản Mỹ Long. Kết hợp với Trung tâm Khuyến công mở 02 lớp truyền nghề và dạy nghề tách vỏ hạt điều tại xã Mỹ Hòa và Hiệp Mỹ Đông.

Lĩnh vực xây dựng giai đoạn 2011-2015 cũng có chiều hướng tăng nhanh. Năm 2011 đạt 291.041 triệu đồng, đến năm 2015 tăng lên 318.837 triệu đồng. Xây dựng trên địa bàn huyện chủ yếu là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như: Công

trình Quốc lộ 53, rẫy-cá kèo, đồng Trà Côn, đồng Đon, khu nuôi tôm công nghiệp, hồ chứa thí điểm cung cấp nước tưới tiêu trồng màu vùng đất giồng cát xã Long Sơn, công trình Đồng Năng, ... nạo vét trên 500 công trình kênh cấp III và 207 công trình kênh cấp II, thực hiện nâng cấp láng nhựa và đan l hóa gần 100 km đường giao thông liên ấp, liên xã, duy tu, sửa chữa và xây dựng mới 20 cầu giao thông.

Nhìn chung tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn chậm so với yêu cầu, ngoài những khó khăn vướng mắc trong khâu bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, còn có những nguyên nhân chủ quan, khách quan chi phối là các chủ đầu tư và các đơn vị điều hành dự án có sự phối hợp chưa chặt chẽ, giá thép, xăng dầu và một số vật liệu xây dựng tăng cao, các ngân hàng thương mại áp dụng chủ trương cho vay thế chấp tài sản làm cho việc vay vốn của các nhà thầu gặp khó khăn nên đã xuất hiện tình trạng giãn tiến độ thi công, ...

Những kết quả đạt được của khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng đến năm 2015 đạt được những kết quả sau:

**Bảng 6: Bảng giá trị sản xuất ngành công nghiệp-xây dựng giai đoạn 2011-2015**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Ngành kinh tế	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp-xây dựng theo giá thực tế				
	2011	2012	2013	2014	2015
Công nghiệp chế biến	217.595	252.458	339.207	396.743	460.454
Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	68.536	70.399	72.262	74.125	75.988
Xây dựng	291.041	306.213	291.785	303.799	318.837
<b>Tổng</b>	<b>577.172</b>	<b>629.070</b>	<b>703.254</b>	<b>774.667</b>	<b>855.279</b>

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)*

Trong giai đoạn 2011-2015 giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng của huyện không ngừng tăng. Năm 2011 đạt 577.172 triệu đồng, năm 2015 tăng lên 855.279 triệu đồng. Với các sản phẩm chủ yếu xay xát lương thực, chế biến tôm khô, sản xuất nước đá, may mặc, sản xuất than, sửa chữa cơ khí, mộc da dụng cùng với các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện.

### **c) Khu vực kinh tế thương mại-dịch vụ**

- Thương mại và dịch vụ của huyện từng bước phát triển theo hướng phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Đến năm 2015 trên toàn huyện có 5.835 cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực thương mại và dịch vụ, du lịch, nhà hàng và khách sạn nhiều hơn 717 cơ sở so với năm 2011.

- Theo kết quả thống kê năm (2011-2015) của huyện, giá trị sản xuất của các ngành đều tăng qua các năm. Ngành thương mại và khách sạn, nhà hàng của huyện năm 2015 giá trị sản xuất đạt 1.493.247 triệu đồng tăng 574.386 triệu đồng so với

năm 2011; Ngành vận tải, bưu điện và du lịch năm 2015 giá trị sản xuất đạt 318.337 triệu đồng tăng 128.377 triệu đồng so với năm 2011 và tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ trên địa bàn huyện năm 2015 đạt 1.006.748 triệu đồng tăng 345.624 triệu đồng so với năm 2011. Cụ thể giá trị sản xuất theo giá thực tế của khu vực kinh tế thương mại- dịch vụ đạt được qua các năm như sau:

**Bảng 7: Bảng giá trị sản xuất khu vực kinh tế thương mại- dịch vụ giai đoạn 2011-2015**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Ngành kinh tế	Giá trị sản xuất thương mại- dịch vụ theo giá thực tế				
	2011	2012	2013	2014	2015
Ngành thương mại và khách sạn, nhà hàng	918.861	1.025.625	1.176.722	1.388.532	1.493.247
Ngành vận tải, bưu điện và du lịch	189.960	229.886	263.148	303.461	318.337
Mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	661.124	794.250	853.178	1.006.748	1.006.748
<b>Tổng</b>	<b>1.769.945</b>	<b>2.049.761</b>	<b>2.293.048</b>	<b>2.698.741</b>	<b>2.818.332</b>

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011-2015 huyện Cầu Ngang)*

Trong tương lai, với sức mạnh của nền công nghiệp hóa nông nghiệp và đô thị hóa nông thôn, thương mại- dịch vụ là một trong những ngành có nhiều tiềm năng phát triển trong huyện.

- Dịch vụ phát triển nhanh đảm bảo lưu thông hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong huyện. Dịch vụ vận tải cũng phát triển khá ổn định cả về đường bộ lẫn đường thủy, năm 2015 số lượng hành khách được vận chuyển có 1.431,20 nghìn người, tăng so với năm 2011 là 893,2 nghìn người. Trong đó: đường bộ đạt 1.169,67 nghìn người, đường thủy đạt 261,53 nghìn người. Số lượng hàng hóa được vận chuyển năm 2015 có 1.512 nghìn tấn, tăng 557 nghìn tấn so với năm 2011.

- Các loại dịch vụ bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng phát triển mạnh, đáp ứng được yêu cầu thông tin liên lạc và về vốn cho nhu cầu phát triển sản xuất của các tổ chức kinh tế và nhân dân.

### **2.2.2. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

#### **a) Dân số**

Theo số liệu thống kê, dân số năm 2015 có 134.738 nhân khẩu, với 32.893 hộ. Bao gồm dân tộc Kinh, Khmer, dân tộc khác cùng chung sống.

Mật độ dân số trung bình 421 người/km<sup>2</sup>. Sự phân bố dân cư trên địa bàn không đều, chủ yếu dân cư tập trung tại trung tâm huyện, xã, ở các giồng cát và ven trục đường giao thông chính. Các xã, thị trấn có mật độ dân số cao là: Thị trấn

Cầu Ngang là 3.071 người/km<sup>2</sup>, thị trấn Mỹ Long là 1.212 người/km<sup>2</sup>, xã Mỹ Hòa là 553 người/km<sup>2</sup>.

**Bảng 8: Mật độ dân số huyện Cầu Ngang năm 2015**

Tên đơn vị hành chính	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )	Tên đơn vị hành chính	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
<b>Toàn huyện</b>	<b>406</b>	8. xã Hiệp Hòa	457
1. Thị trấn Cầu Ngang	3.071	9. xã Thuận Hòa	513
2. Thị trấn Mỹ Long	1.212	10. xã Long Sơn	383
3. xã Mỹ Long Bắc	342	11. xã Nhị Trường	433
4. xã Mỹ Long Nam	175	12. xã Trường Thọ	432
5. xã Mỹ Hòa	553	13. xã Hiệp Mỹ Đông	332
6. xã Vinh Kim	448	14. xã Hiệp Mỹ Tây	397
7. xã Kim Hòa	429	15. xã Thạnh Hòa Sơn	358

(Nguồn: Niên giám thống kê 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

Cơ cấu dân số của huyện phân theo giới tính:

- Nam: 66.429 người, chiếm 49,30%.

- Nữ: 68.310 người, chiếm 50,70%.

Công tác chăm sóc sức khỏe, cũng như tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tỉ lệ gia tăng tự nhiên năm 2015 là 15,47 ‰, giảm 9,9 ‰ so với năm 2011. Tỉ lệ tử năm 2015 giảm còn 4,26‰, thấp hơn 0,22 ‰ so với năm 2011.

**b) Lao động, việc làm, thu nhập**

Năm 2015, tổng dân số trong độ tuổi lao động có 88.786 người, chiếm 65,89 % tổng dân số trên địa bàn huyện. Trong đó, có 84.267 người trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động và 4.519 người trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

**Bảng 9: Tổng hợp nguồn lao động huyện Cầu Ngang**

Đơn vị tính: người

Nguồn lao động	Nguồn lao động của huyện Cầu Ngang qua các năm				
	2011	2012	2013	2014	2015
<b>Số người trong độ tuổi lao động</b>	<b>87.058</b>	<b>87.061</b>	<b>87.794</b>	<b>88.288</b>	<b>88.786</b>
<b>1. Có khả năng lao động</b>	<b>83.045</b>	<b>82.935</b>	<b>83.316</b>	<b>83.785</b>	<b>84.267</b>
- Làm việc trong các ngành kinh tế	61.789	61.707	61.991	62.304	62.691
- Đang đi học	11.119	11.104	11.155	11.218	11.298

- Đang làm nội trợ	5.049	5.042	5.066	5.095	5.108
- Không có việc làm	3.112	3.108	3.122	3.139	3.132
- Không làm việc	1.975	1.973	1.982	1.993	1.985
<b>2. Mất khả năng lao động</b>	<b>4.462</b>	<b>4.456</b>	<b>4.477</b>	<b>4.503</b>	<b>4.519</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

Nguồn dân số trong độ tuổi lao động của huyện dồi dào, chiếm 65,89% dân số. Nhưng qua kết quả thống kê của huyện, lao động tham gia vào các ngành kinh tế có 62.691 người, chiếm 46,53% tổng dân số. Trong đó: lao động trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có 2.219 người; lao động trong lĩnh vực thương mại- dịch vụ có 9.161 người; một phần công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, phân đông còn lại lao động tham gia vào các làng nghề truyền thống, các lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra còn có một số ít tham gia đi xuất khẩu lao động nước ngoài và lao động ngoài tỉnh.

Thực hiện các mục tiêu, chương trình xóa đói giảm nghèo tiếp tục được đặc biệt quan tâm. Huyện đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo - giải quyết việc làm và các lớp dạy nghề ngắn hạn. Thực hiện hoàn thành dự án thành lập trung tâm dạy nghề của huyện trình tỉnh phê duyệt. Kết quả, năm 2015 tỉ lệ hộ nghèo còn 18,78%, giảm 3,39 % so với năm 2011; tỉ lệ hộ cận nghèo năm 2015 còn 10,36%.

### **2.2.3. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

#### **a) Giao thông**

- **Giao thông bộ:** Trong những năm gần đây, mạng lưới giao thông của huyện phát triển tương đối khá, nhiều công trình giao thông đã được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp mở rộng. Trong đó:

+ Quốc lộ: Đường Quốc lộ 53 chạy theo hướng Bắc Nam từ huyện Châu Thành đến giáp ranh thị xã Duyên Hải (đi qua xã Kim Hòa, xã Vinh Kim, xã Mỹ Hòa, thị trấn Cầu Ngang, xã Thuận Hòa, xã Long Sơn, xã Hiệp Mỹ Tây) dài khoảng 26 km. Đường tránh Quốc lộ 53 qua địa bàn xã Mỹ Hòa; Long Sơn và Hiệp Mỹ Tây dài khoảng 5 km. Hiện trạng, phần thuộc xã Long Sơn đã nghiệm thu đưa vào sử dụng; phần thuộc xã Mỹ Hòa và Hiệp Mỹ Tây đang được tổ chức thi công.

+ Tỉnh lộ: Tỉnh lộ 915B chạy theo hướng Bắc Nam cặp sông Cổ Chiên dài khoảng 22 km, qua địa bàn xã Vinh Kim; Mỹ Long Bắc; thị trấn Mỹ Long; Mỹ Long Nam.



+ Huyện lộ: toàn huyện có 10 tuyến, tổng chiều dài khoảng 94 km. Trong đó, Hương lộ 5 đi qua địa bàn xã Mỹ Long Bắc, Hương lộ 12 đi qua địa bàn xã Long Sơn, Hương lộ 17 đi qua địa bàn xã Kim Hòa; Hiệp Hòa; Trường Thọ, Hương lộ 18 đi qua địa bàn xã Nhị Trường, Hương lộ 19 đi qua địa bàn xã Mỹ Hòa; Mỹ Long Bắc; thị trấn Mỹ Long, Hương lộ 20 đi qua địa bàn xã Nhị Trường; Long Sơn, Hương lộ 21 đi qua địa bàn xã Long Sơn; Thạnh Hòa Sơn, Hương lộ 22 qua địa bàn xã Hiệp Mỹ Tây; Thạnh Hòa Sơn, Hương lộ 23 qua địa bàn xã Mỹ Long Bắc; Mỹ Long Nam, Hương lộ 35 đi qua địa bàn xã Mỹ Hòa; Hiệp Mỹ Đông.

+ Ngoài ra, huyện còn có hệ thống đường bê tông, đường đất liên xã, liên ấp, kết nối các khu dân cư tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, và vận chuyển hàng hóa, huyện cần đầu tư nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường để hoàn thiện hơn.

- **Giao thông thủy:** Huyện Cầu Ngang có hệ thống giao thông thủy khá thuận lợi. Trong đó, Sông Cỏ Chiên và cửa Cung Hầu có ý nghĩa quan trọng, đây là điều kiện để huyện giao thương thuận lợi với các huyện và khu vực. Ngoài ra, Sông Chà Và - Thâu Râu thông với sông Cỏ Chiên có khả năng cho phương tiện có trọng tải lớn khoảng 60 tấn lưu thông dễ dàng; hệ thống kênh Thống Nhất - kênh Cầu Ngang có khả năng cho phương tiện có trọng tải 30 tấn lưu thông thuận lợi. Sự liên kết của các sông này tạo nên mạng lưới giao thông thủy thông suốt trong vùng.

#### **b) Thủy lợi**

Hệ thống thủy lợi của huyện đã được Trung ương, các cấp, các ngành quan tâm đầu tư. Công tác nạo vét, gia cố đê bao được thực hiện thường xuyên, trong giai đoạn (2010-2015) đã nạo vét trên 500 công trình kênh cấp III và 207 công trình kênh cấp II, đến nay hệ thống thủy lợi cơ bản gần hoàn chỉnh. Toàn huyện diện tích đất thủy lợi có 923,35 ha, chiếm 2,81% diện tích tự nhiên bao gồm hệ thống kênh: cấp I, II, III, cùng với nhiều sông, rạch và kênh nội đồng khác, đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

#### **c) Năng lượng**

Hệ thống lưới điện đã được quan tâm đầu tư trong thời gian qua. Huyện đã hoàn thành dự án cung cấp điện cho 20.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc khmer tỉnh Trà Vinh. Đến nay toàn huyện cơ bản đã hòa chỉnh việc phủ lưới điện quốc gia, hộ sử dụng điện chiếm 99% so tổng số hộ. Bên cạnh đó, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các đường dây trung thế, hạ thế, trạm biến áp để đảm bảo đủ điện phục vụ cho sản xuất trồng màu và nuôi thủy sản của nhân dân.

#### **d) Bưu chính - Viễn thông**

Mạng lưới bưu chính-viễn thông tiếp tục phát triển và mở rộng. huyện có 01 bưu điện trung tâm, 15 điểm bưu điện văn hóa xã. Bên cạnh hệ thống viễn thông VNPT cũng đã phát triển mạnh, internet đã được sử dụng rộng rãi trong nhân dân. Hệ thống mạng điện thoại di động Vina phone, Mobile phone, Viettel, ... đã phủ sóng trong toàn huyện tạo bước phát triển mới trong cộng đồng đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và giao lưu.

#### **d) Văn hóa- thể thao**

- **Về văn hóa:** hoạt động văn hóa- văn nghệ, thông tin- truyền thanh có bước phát triển, góp phần quan trọng trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, đáp ứng nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh, có 86% gia đình văn hóa, 79 ấp khóm, 5 xã và 2 thị trấn văn hóa. Hiện nay toàn huyện có 4/15 xã có nhà văn hóa xã.

- **Về thể thao:** Phong trào thể dục, thể thao của huyện tiếp tục được duy trì và phát triển. Phong trào phát động nhân dân tham gia rèn luyện thân thể mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, đã tập hợp 35.500 lượt người thường xuyên tham gia tập luyện. Ngoài các môn thể thao truyền thống như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các môn thể thao như đua ghe ngo, đua thuyền cũng được sự quan tâm ủng hộ nhiệt tình của quần chúng nhân dân. Cơ sở luyện tập thể dục, thể thao cũng đang từng bước được đầu tư, đến nay toàn huyện có 12 sân bóng tuy chưa đạt theo quy chuẩn nhưng phần nào đã tạo điều kiện giúp người dân vui chơi, tập luyện.

#### **e) Cơ sở y tế**

Mạng lưới y tế trên địa bàn huyện được đầu tư phát triển cả về số lượng và chất lượng. Toàn huyện có 60 cơ sở y tế, trong đó: 01 bệnh viện đa khoa, 02 phòng khám đa khoa khu vực; 13 trạm y tế, xã phường, thị trấn và 44 phòng khám tư nhân với tổng số giường bệnh là 333 giường bệnh. Cán bộ y tế có 272 người, trong đó ngành y có 233 người và ngành dược có 39 người. Về chuyên môn: bác sĩ 60 người, y sĩ và kỹ thuật viên có 63 người, y tá và hộ lý 85 người, nữ hộ sinh 255 người, dược sĩ 7 người, dược sĩ trung cấp và kỹ thuật viên 32 người.

Hoạt động khám chữa bệnh ngày càng được quan tâm nâng cao chất lượng, công tác phòng chống dịch bệnh thường xuyên được tăng cường giám sát bệnh sốt xuất huyết, Rubella, ...Ngành đã tập trung phòng chống tốt không để xảy ra ổ dịch, không có trường hợp tử vong.

#### **g) Cơ sở giáo dục - đào tạo**

Mạng lưới trường, lớp được tiếp tục điều chỉnh hợp lý, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và nhu cầu học tập của nhân dân. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với việc xây dựng nông thôn mới ngày càng

được các ngành, các cấp quan tâm đầu tư. Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn được quan tâm củng cố, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, đa dạng hóa nội dung, chương trình và hình thức học tập góp phần tích cực trong việc xã hội hóa giáo dục toàn huyện.

Theo kết quả thống kê của huyện Cầu Ngang, năm 2015 toàn huyện hiện có 66 cơ sở giáo dục và đào tạo, trong đó cơ sở giáo dục có 65 trường: Nhà trẻ-mẫu giáo có 16 trường; tiểu học có 30 trường; trung học cơ sở có 15 trường; trung học phổ thông có 4 trường và 01 trung tâm giáo dục thường xuyên-day nghề. Trong năm 2015 huyện có 03 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số toàn huyện có 13 trường đạt chuẩn. 15/15 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2015; huyện được tiếp tục công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS; 5 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học (thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long, xã Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Bắc và Vinh Kim).

#### **h) Chợ**

Xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương trong những năm gần đây, nên nhu cầu trao đổi mua bán của người dân trên địa bàn là rất lớn. Xuất phát từ thực trạng đó nên cơ sở hạ tầng khu vực chợ trung tâm huyện và các chợ trung tâm cụm xã đã được đầu tư, nâng cấp đảm bảo yêu cầu hiện tại của người dân trên địa bàn. Tuy nhiên, với xu thế phát triển trong thời gian tới cần đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các khu vực chợ xã nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

### **2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

Cầu Ngang là huyện nằm về phía Đông Nam của tỉnh Trà Vinh, nằm tiếp giáp sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu. Nhìn về tổng thể đây là vùng đất có thể phát triển đa dạng hình thức canh tác trồng lúa, trồng cây lâu năm, trồng màu, nuôi thủy sản bởi nguồn nước ngọt và lợi. Huyện có những dải phù sa màu mỡ với những cánh đồng lúa rộng lớn thuộc các xã: Nhị Trường, Trường Thọ, Thuận Hòa, Hiệp Hòa và Kim Hòa với diện tích canh tác 14.937,83 ha. Canh tác trồng màu với diện tích 584,25 ha và vườn cây lâu năm với diện tích 4.252,12 ha nằm rải khắp các xã trên địa bàn huyện, bên cạnh với lợi thế nguồn nước lợi từ cửa Cung hầu thích hợp canh tác thủy sản làm phong phú thêm nền nông nghiệp của huyện chủ yếu ở các xã gần cửa Cung Hầu: Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Thanh Hòa Sơn, và một phần xã Vinh Kim với diện tích 6.370,38 ha.

Thời gian gần đây, do ảnh hưởng chung của biến đổi khí hậu mưa bão xuất hiện với tần suất nhiều hơn, xâm mặn, hạn hán làm ảnh hưởng đến tình hình sử dụng đất trên địa bàn huyện nói riêng và khu vực, thế giới nói chung.

- Diện tích lúa, trồng màu, trồng cây lâu năm bị ảnh hưởng nắng nóng kéo dài thiếu nước ngọt canh tác, nước mặn xâm nhiễm lớn và thời gian dài làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và thời gian gieo trồng không đảm bảo theo lịch thời vụ, mưa, bão thất thường gây sạt, lở, ngập úng cục bộ làm ảnh hưởng đến diện tích canh tác.

- Nồng độ mặn trong nước và đất tăng nhất là khoảng từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, ảnh hưởng đến canh tác nuôi thủy sản ở các xã giáp cửa Cung Hầu và ven sông Cổ Chiên.

Để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ: nâng cao nhận thức của nhân dân về nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, sử dụng các nguồn tài nguyên thật tiết kiệm, hiệu quả, tăng cường công tác trồng rừng phòng hộ ven sông, cửa biển, tạo ra một vành đai xanh bảo vệ sản xuất, cuộc sống và môi trường bền vững.

### **III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH**

#### **3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai**

Trong những năm gần đây do chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và sự tác động của nền kinh tế thị trường, sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, kéo theo nhu cầu sử dụng đất tăng lên ở tất cả mọi lĩnh vực. Việc quản lý sử dụng một cách có hiệu quả tài nguyên đất không chỉ có ý nghĩa quyết định phát triển kinh tế - xã hội của huyện, mà còn tham gia tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển chung của tỉnh.

##### **3.1.1 Khảo sát, đánh giá đất đai**

Năm 1992, chương trình đất Cừu Long thực hiện công tác khảo sát, đánh giá, lập bản đồ đất tỷ lệ 1/25.000 cho huyện và đến nay kết quả của tài liệu này vẫn đang được sử dụng làm cơ sở nghiên cứu cho các báo cáo đánh giá về đất. Hiện tại chưa có đề tài nghiên cứu hoặc báo cáo nào mới về đánh giá đất đai trên địa bàn huyện.

##### **3.1.2 Công tác đo đạc, bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSDĐ**

Được sự quan tâm và đầu tư của Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác đo đạc, bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSDĐ đã được triển khai

kip thời, cơ bản huyện đã có đủ các tài liệu, hồ sơ địa chính phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, trong đó:

- Cấp theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP của Chính phủ 3.176 hộ, 4.159 giấy với diện tích 932,71 ha, nâng tổng số đến nay cấp được 90.399 giấy cho 30.159 hộ, diện tích 25.475,07 ha, đạt 98,01%.

- Cấp theo Nghị định 88/1994/NĐ-CP của Chính phủ được 273 hộ, 318 giấy với diện tích 15,88 ha, nâng tổng số cấp được 5.025 giấy cho 2.284 hộ với diện tích 280,57 ha, đạt 98,93%.

Kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian qua đã thực sự đóng góp một phần quan trọng trong việc ổn định, phát triển và giữ gìn an ninh trật tự xã hội của huyện.

### **3.1.3. Công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất**

- Công tác thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai 5 năm được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai, nhằm phản ánh hiện trạng sử dụng đất đai trên địa bàn huyện làm cơ sở để lãnh đạo huyện có định hướng chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo kỳ kiểm kê đất đai được lập bằng phương pháp số (file chuẩn DGN), nằm trong hệ tọa độ VN-2000, cấp huyện (1/25.000), cấp xã (1/5.000).

### **3.1.4. Công tác Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) được UBND huyện tổ chức thực hiện cho cấp huyện và cấp xã, hồ sơ quy hoạch sử dụng đất của các cấp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang, được lập năm 2010 ở tỷ lệ 1/25.000 (được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh).

Tài liệu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp xã (của 10 xã) được lập và phê duyệt theo hồ sơ quy hoạch xã nông thôn mới (quy hoạch 3 trong 1).

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện (kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017 ) đã được tổ chức lập và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

### **3.1.5. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2015, huyện Cầu Ngang có 32.836,39 ha đất tự nhiên.

#### **- Diện tích đất theo đối tượng sử dụng:**

+ Hộ gia đình và cá nhân sử dụng là 26.388,27 ha, chiếm 80,36% diện tích tự nhiên.

+ Tổ chức kinh tế trong nước sử dụng 154,37 ha, chiếm 0,47% diện tích tự nhiên.

+ Cơ quan, đơn vị của Nhà nước 794,74 ha, chiếm 2,42% diện tích tự nhiên.

+ Tổ chức sự nghiệp công lập 59,88 ha, chiếm 0,18% diện tích tự nhiên.

+ Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo 174,32 ha, chiếm 0,53% diện tích tự nhiên.

#### **- Diện tích đất theo đối tượng được giao để quản lý:**

UBND cấp xã quản lý 1.634,34 ha chiếm 4,98% và Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý 3.630,47 ha chiếm 11,06% diện tích tự nhiên của huyện. Toàn bộ diện tích đất này do UBND xã, thị trấn và các tổ chức khác quản lý vào mục đích công cộng: giao thông, thủy lợi, sông, rạch, đất trụ sở cơ quan, quốc phòng, ..

Cơ cấu sử dụng của 02 nhóm đất chính của huyện Cầu Ngang theo hệ thống chỉ tiêu phân loại của Luật đất đai năm 2013 như sau:

Tổng diện tích tự nhiên: 32.836,39 ha bằng 100% tổng quỹ đất.

+ Nhóm đất nông nghiệp: 27.012,82 ha chiếm 82,26% diện tích tự nhiên.

+Nhóm đất phi nông nghiệp: 5.823,57 ha chiếm 17,74% diện tích tự nhiên.

Công tác cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất nhìn chung được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các trường hợp người dân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất sang làm nhà ở, lên liếp lập vườn.v... không thông qua xin chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

### **3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất**

#### **3.2.1. Phân tích hiện trạng các loại đất**

Hiện trạng sử dụng đất năm 2015 của huyện Cầu Ngang như sau:



Tổng diện tích tự nhiên của huyện 32.836,39 ha, chiếm 14,31% diện tích tự nhiên của tỉnh. Được phân bố theo các đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn trực thuộc huyện như sau:

**Bảng 10: Diện tích tự nhiên phân bố theo đơn vị hành chính cấp xã**

Đơn vị tính: ha

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng diện tích tự nhiên	Diện tích theo từng nhóm đất chính		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
1	Thị trấn Cầu Ngang	198,05	119,58	78,47	
2	Thị trấn Mỹ Long	539,58	157,31	382,27	
3	Hiệp Hòa	2.259,37	2.074,92	184,45	
4	Mỹ Long Bắc	2.606,94	1.661,16	945,78	
5	Mỹ Long Nam	4.223,16	2.469,31	1.753,85	
6	Hiệp Mỹ Đông	1.767,13	1.581,57	185,56	
7	Hiệp Mỹ Tây	1.857,48	1.632,03	225,45	
8	Kim Hòa	2.247,32	2.058,35	188,97	
9	Long Sơn	3.120,32	2.912,78	207,54	
10	Mỹ Hòa	1.754,26	1.594,55	159,71	
11	Nhị Trường	2.758,79	2.565,70	193,09	
12	Thạnh Hòa Sơn	2.287,62	2.075,44	212,18	
13	Vinh Kim	3.417,44	2.588,52	828,92	
14	Thuận Hòa	1.579,63	1.460,40	119,23	
15	Trường Thọ	2.219,30	2.060,88	158,42	
<b>TỔNG</b>		<b>32.836,39</b>	<b>27.012,50</b>	<b>5.823,89</b>	

(Nguồn: kết quả thống kê đất đai năm 2015 huyện Cầu Ngang và cập nhật đất quốc phòng hiện trạng năm 2015)

Trong tổng diện tích tự nhiên 32.836,39 ha, huyện Cầu Ngang có 737,64 ha thuộc khu vực đô thị (chiếm 2,25% diện tích tự nhiên), 32.098,75 ha thuộc khu vực nông thôn (chiếm 97,75% diện tích tự nhiên) toàn huyện.

- Đất nông nghiệp: 27.012,50 ha, chiếm 82,26% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp: 5.823,89 ha, chiếm 17,74% diện tích tự nhiên toàn huyện.

#### **a) Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp**

Nhóm đất nông nghiệp có diện tích 27.012,50 ha, chiếm 82,26 % diện tích tự nhiên toàn huyện, tập trung nhiều ở xã Long Sơn với 2.912,78ha (chiếm 10,78% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện) và thấp nhất ở thị trấn Cầu Ngang với 119,58 ha (chiếm 0,44% diện tích đất nông nghiệp trong toàn huyện). Trong nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất chính sau:

- Đất trồng lúa: diện tích 14.937,83 ha, chiếm 55,30% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất lúa nước phân bố cao nhất ở xã Trường Thọ có 2.009,62 ha, (chiếm 13,45% tổng diện tích lúa nước toàn huyện) và thấp nhất ở thị trấn Cầu Ngang với 9,62 ha (chiếm 0,06% tổng diện tích lúa nước toàn huyện).

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích 584,25 ha, chiếm 2,16% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất trồng cây hàng năm khác phân bố cao nhất ở xã Hiệp Hòa có 62,40 ha và thấp nhất ở thị trấn Cầu Ngang với 2,09 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích 4.252,12 ha, chiếm 15,74% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất trồng cây lâu năm phân bố cao nhất ở xã Vinh Kim có 585,33 ha và thấp nhất ở thị trấn Cầu Ngang với 47,57 ha.

- Đất rừng phòng hộ: diện tích 842,53 ha, chiếm 3,12% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất rừng phòng hộ tập trung ở các xã dọc sông Cỏ Chiên và cửa Cung Hầu, diện tích đất rừng lớn nhất ở xã Mỹ Long Nam có 591,20 ha và thấp nhất ở thị trấn Mỹ Long có 58,76 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích 6.370,06 ha, chiếm 23,58% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất nuôi trồng thủy sản phân bố cao nhất ở xã Mỹ Long Nam có 1.334,07 ha và thấp nhất ở thị trấn Mỹ Long với 3,04 ha.

- Đất nông nghiệp khác: diện tích 25,72 ha, chiếm 0,10% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, đất nông nghiệp khác phân bố cao nhất ở xã Long Sơn có 23,87 ha.

### **b) Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp trong toàn huyện có 5.823,89 ha, chiếm 17,74% diện tích tự nhiên trong toàn huyện, đất phi nông nghiệp phân bố nhiều nhất ở xã Mỹ Long Nam với 1.753,85 ha (chiếm 30,12 % diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện) và thấp nhất ở thị trấn Cầu Ngang với 78,47 ha (chiếm 1,34% diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện). Trong nhóm đất phi nông nghiệp bao gồm các loại đất chính sau.

- Đất quốc phòng: diện tích 6,47 ha, chiếm 0,11% đất phi nông nghiệp toàn huyện, phân bố ở các xã Mỹ Long Nam, xã Long Sơn, thị trấn Mỹ Long và thị trấn Cầu Ngang. Diện tích đất các Ban chỉ huy quân sự các xã do UBND xã quản lý nên không thống kê vào đất quốc phòng.

- Đất an ninh: diện tích 4,06 ha, chiếm 0,07% đất phi nông nghiệp toàn huyện, phân bố ở các xã Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, Nhị Trường, Trường Thọ, Long Sơn và thị trấn Cầu Ngang.

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 1,84 ha, chiếm 0,03% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: diện tích 7,34 ha, chiếm 0,13% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất phát triển hạ tầng: diện tích 1.546,07 ha, chiếm 26,54% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: diện tích 3,87 ha, chiếm 0,07% đất phi nông nghiệp toàn huyện. Các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Vinh Kim, Mỹ Hòa, Hiệp Mỹ Tây và Thanh Hòa Sơn chưa có đất văn hóa.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: diện tích 4,56 ha, chiếm 0,08% đất phi nông nghiệp toàn huyện. Các xã, thị trấn đều có cơ sở y tế trên địa bàn.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: diện tích 36,72 ha, chiếm 0,63% đất phi nông nghiệp toàn huyện. Các xã, thị trấn đều có trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và huyện có 4 trường trung học phổ thông. Nhìn chung một số trường chưa đạt chuẩn quốc gia cần tiếp tục được nâng cấp và mở rộng.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao: diện tích 11,87 ha, chiếm 0,20% đất phi nông nghiệp toàn huyện. Các xã Kim Hòa, Nhị Trường và Hiệp Mỹ Đông chưa có diện tích đất thể dục và thể thao.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: diện tích 1,46 ha, chiếm 0,03% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất giao thông: diện tích 553,53 ha, chiếm 9,51% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất thủy lợi: diện tích 923,35 ha, chiếm 15,86% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất công trình năng lượng: diện tích 3,20 ha, chiếm 0,05% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: diện tích 1,12 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất chợ: diện tích 6,38 ha, chiếm 0,11% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích 4,93 ha, chiếm 0,08% đất phi nông nghiệp toàn huyện. Huyện có 05 bãi thu gom rác thải ở các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Long Bắc, Thuận Hòa và thị trấn Mỹ Long.

- Đất ở tại nông thôn: diện tích 271,95 ha, chiếm 4,67% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất ở tại đô thị: diện tích 52,01 ha, chiếm 0,89% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 12,93 ha, chiếm 0,22% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất xây dựng trụ sở, tổ chức sự nghiệp: diện tích 17,98 ha, chiếm 0,31% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất cơ sở tôn giáo: diện tích 104,98 ha, chiếm 1,80% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: diện tích 77,33 ha, chiếm 1,33% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: diện tích 1,77 ha, chiếm 0,03% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất tín ngưỡng: diện tích 5,35 ha, chiếm 0,09% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất sông rạch: diện tích 3.708,89 ha, chiếm 63,69% đất phi nông nghiệp toàn huyện.

**c) Đất đô thị:** Đất đô thị trên địa bàn huyện có diện tích 737,64 ha chiếm 2,25 % diện tích tự nhiên toàn huyện, đây là toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long.

### **3.2.2. Phân tích, đánh giá biến động đất đai**

Việc theo dõi biến động đất đai trong thời gian gần đây đã được các cấp có thẩm quyền quan tâm. Nhưng do tình hình biến động đất đai ở các nơi tương đối lớn và mang tính tự phát, nên công tác theo dõi đánh giá còn nhiều hạn chế và bất cập. Cụ thể, tổng diện tích tự nhiên của huyện cầu Ngang thống kê đất đai năm 2015 có 32.836,39 ha, so với kết quả kiểm kê đến 31/12/2014 có 32.836,38 ha, tăng 0,01 ha. So với kết quả kiểm kê đất đai năm 2010, diện tích tự nhiên tăng 927,60 ha.

#### **a) Phân tích, đánh giá biến động đất đai so với kiểm kê đất đai 2014**

Tổng diện tích tự nhiên huyện Cầu Ngang theo kết quả thống kê đất đai năm 2015 là 32.836,39 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 tăng 0,01 ha. Nguyên nhân tăng là do kết quả tổng hợp theo quy định chính xác đến 0,001 ha nên tổng diện tích tự nhiên của huyện thống kê năm 2015 được xác định lại là 32.836,39 ha.

Trong thành phần đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp có một số biến động. Cụ thể:

- **Biến động về đất nông nghiệp:** năm 2015 diện tích đất nông nghiệp của huyện có 27.012,50 ha, giảm 1,23 ha so với kiểm kê năm 2014. Trong đó:

+ Đất trồng lúa: năm 2015, diện tích đất trồng lúa giảm 0,19 ha so với năm 2014.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: năm 2015, diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 0,41 ha so với năm 2014.

+ Đất trồng cây lâu năm: năm 2015, diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 0,15 ha so với năm 2014.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: năm 2015, đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,45 ha so với năm 2015.

Ngoài ra, các chỉ tiêu đất rừng phòng hộ, đất nông nghiệp khác sử dụng ổn định diện tích so với kết quả kiểm kê năm 2014.

Nguyên nhân biến động trong nhóm đất nông nghiệp: đất trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 đều giảm để chuyển diện tích sang mục đích đất phi nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở của nhân dân và xây dựng một số công trình phát triển hạ tầng. Ngoài ra còn có sự biến động trong nội bộ đất nông nghiệp để thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

- **Biến động về đất phi nông nghiệp:** năm 2015, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện có 5.823,57 ha, tăng 1,24 ha so với năm 2014. Trong đó:

+ Đất đất an ninh; đất bãi thải, xử lý chất thải; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất tôn giáo và đất nghĩa địa sử dụng ổn định so với năm 2014.

+ Đất quốc phòng: năm 2015, diện tích đất quốc phòng của huyện tăng 0,32 ha so với năm 2014.

+ Đất thương mại dịch vụ: năm 2015, diện tích đất thương mại dịch vụ của huyện tăng 0,04 ha so với năm 2014.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: năm 2015, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện tăng 0,33 ha so với năm 2014.

+ Đất phát triển hạ tầng: năm 2015, diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện tăng 0,06 ha so với năm 2014.

+ Đất ở tại nông thôn: năm 2015, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện tăng 0,55 ha so với năm 2014.

+ Đất ở tại đô thị: năm 2015, diện tích đất ở tại đô thị của huyện tăng 0,01 ha so với năm 2014.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: năm 2015, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện tăng 0,02 ha so với năm 2014.

+ Đất tín ngưỡng: năm 2015, diện tích đất tín ngưỡng của huyện tăng 0,03 ha so với năm 2014.

Nguyên nhân biến động trong nhóm đất phi nông nghiệp: đất phi nông nghiệp tăng do đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, bố trí diện đất cho xây dựng các công trình phát triển hạ tầng và đất ở cho hộ gia đình cá nhân.

**b) Phân tích, đánh giá biến động đất đai so với thông kê đất đai năm 2010** (số liệu đầu kỳ của QHSDD đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2015 của huyện Cầu Ngang).

Kết quả thống kê đất đai năm 2010, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Cầu Ngang có 31.908,79 ha. Hiện trạng năm 2015, diện tích tự nhiên của huyện có 32.836,39 ha, tăng 927,60 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2010. Nguyên nhân chính làm tăng diện tích tự nhiên của huyện được phân tích như sau:

- Tính lại diện tích chòm, hờ sau khi ghép biên các xã lại làm tăng diện tích của huyện tăng 126,88 ha.

- Xác định lại ranh giới sông rạch phần cửa Cung Hầu và sông Cổ Chiên ở các xã Mỹ Long Nam, xã Mỹ Long Bắc, xã Vinh Kim và thị trấn Mỹ Long. Diện tích sông, rạch tăng 800,72 ha.

- Phương pháp tổng hợp số liệu và phân loại chỉ tiêu thống kê loại đất của kiểm kê đất 2010 và kiểm kê đất đai năm 2014 khác nhau. Số liệu thống kê hàng năm cụ thể là thống kê đất đai năm 2010 và thống kê đất đai năm 2015 được thực hiện trên sự kế thừa của hai kỳ kiểm kê và bổ sung biến động đất đai trong năm nên có sự chênh lệch tăng diện tích so với thông kê đất đai năm 2010.

**Biến động về đất nông nghiệp:** năm 2010 đất nông nghiệp của huyện có 26.861,22 ha. Hiện trạng năm 2015 đất nông nghiệp có 27.012,50 ha. So với kết quả kiểm kê năm 2010, đất nông nghiệp tăng 151,28 ha. Thực tế qua 05 năm khai thác sử dụng, đất nông nghiệp đã chuyển một phần lớn diện tích sang mục đích đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu xây dựng, bố trí các công trình phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và nhu cầu xây dựng nhà ở của nhân dân. Đồng thời cũng có biến động trong nội bộ đất nông nghiệp để thực hiện chuyển dịch cơ sản xuất.

Diện tích đất nông nghiệp tăng chủ yếu do nguyên nhân khai thác sử dụng diện tích đất bãi bồi ven sông được bồi lắng để trồng rừng làm tăng đáng kể trong nhóm đất nông nghiệp và một phần tăng từ việc tính lại diện tích chòm, hờ sau khi ghép biên của các xã và thị trấn và tính toán chuẩn xác theo phương pháp kiểm kê, thông kê đất đai mới. Từ đó làm cho diện tích đất nông nghiệp năm 2015 cao hơn



diện tích đất nông nghiệp năm 2010. Biến động các loại đất nông nghiệp cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: năm 2010 đất trồng lúa có 16.860,10 ha. Hiện trạng năm 2015 có 14.937,83 ha, thấp hơn 1.922,27 ha so với năm 2010. Theo kết quả kiểm kê năm 2014 và thống kê năm 2015 đất trồng lúa thực giảm 3.740,89 ha (trong đó giảm do chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản là chủ yếu diện tích giảm khoảng 2.567,00 ha; đất trồng cây lâu năm 862,85 ha; đất trồng cây hàng năm khác 140,69 ha; đất nông nghiệp khác 0,59 ha; đất phi nông nghiệp 169,53 ha. Bên cạnh việc giảm diện tích để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành và của người dân, đất trồng lúa có tăng ở những nơi có điều kiện, diện tích tăng khoảng 1.818,62 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: năm 2010 đất trồng cây hàng năm khác có 1.045,48 ha. Đến năm 2015, đất trồng cây hàng năm khác biến động giảm 461,23 ha. Nguyên nhân giảm do phục vụ xây dựng các công trình phát triển hạ tầng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang đất nuôi trồng thủy sản và rừng phòng hộ.

- Đất trồng cây lâu năm: năm 2010 đất trồng cây lâu năm có 3.713,34 ha. Đến năm 2015, đất trồng cây lâu năm biến động tăng 538,78 ha. Nguyên nhân tăng do chuyển mục đích sử dụng từ đất lúa, trồng cây hàng năm khác và tăng do kết quả tính toán lại diện tích các xã. Tuy nhiên, đất trồng cây lâu năm cũng giảm trong thời gian qua do phục vụ xây dựng các công trình phát triển hạ tầng và xây dựng nhà ở của nhân dân.

- Đất lâm nghiệp: năm 2010 đất lâm nghiệp bao gồm đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ có diện tích 889,80 ha. Hiện trạng năm 2015 có 842,53 ha, giảm 47,27 ha. Theo kết quả kiểm kê năm 2014 và thống kê năm 2015 đất lâm nghiệp thực giảm 188,50 ha (trong đó giảm chủ yếu sang đất trồng lúa 1,69 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,35 ha; đất trồng cây lâu năm 14,05 ha; đất nuôi trồng thủy sản 23,11 ha; giảm khác 149,30 ha. Bên cạnh việc giảm đất lâm nghiệp cũng tăng khoảng 141,23 ha, diện tích tăng chủ yếu ở một số nơi bãi bồi ven sông 117,44 ha và một phần diện tích tăng từ đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản.

- Đất nuôi trồng thủy sản: năm 2010 đất nuôi trồng thủy sản có 4.350,11 ha. Hiện trạng năm 2015 có 6.370,06 ha, tăng 2.019,95 ha. Theo kết quả kiểm kê năm 2014 và thống kê năm 2015 đất nuôi trồng thủy sản thực tăng 3.045,00 ha (trong đó tăng do nhận từ đất trồng lúa 2.567,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 16,54 ha; đất trồng cây lâu năm 338,88 ha; đất rừng sản xuất 0,07 ha; rừng phòng hộ 22,41 ha; đất nông nghiệp khác 1,90 ha; đất phi nông nghiệp 97,57 ha. Bên cạnh

việc tăng diện tích, đất nuôi trồng thủy sản cũng giảm đi một phần diện tích khoảng 1.025,05 ha, để chuyển sang đất trồng lúa 635,92 ha; đất trồng cây hàng năm khác 29,32 ha; đất trồng cây lâu năm 250,27 ha và một phần diện tích chuyển sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân và phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Đất nông nghiệp khác: năm 2010 đất nông nghiệp khác có 2,39 ha. Năm 2015, đất nông nghiệp khác biến động tăng 23,33 ha. Nguyên nhân, do đáp ứng nhu cầu chăn nuôi gia súc tập trung, trại giống thủy sản... của các doanh nghiệp, công ty trên địa bàn huyện.

**Biến động về đất phi nông nghiệp:** năm 2010 đất phi nông nghiệp có diện tích 5.030,34 ha. Hiện trạng năm 2015, đất phi nông nghiệp có 5.823,89 ha. So với thống kê đất đai năm 2010, đất phi nông nghiệp tăng 793,55 ha. Trong thực tế, đất phi nông nghiệp có tăng để xây dựng các công trình công cộng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí, xây dựng nhà ở của nhân dân và nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế của địa phương và do tính toán chính xác lại diện tích các loại đất ở các xã đặc biệt là diện tích sông rạch. Biến động các loại đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: năm 2010 đất quốc phòng có 5,67 ha. Năm 2015, đất quốc phòng biến động tăng 0,80 ha do xây dựng đồn biên phòng xã Mỹ Long Nam và ban chỉ huy quân sự ở Long Sơn.

- Đất an ninh: năm 2010 đất an ninh có 5,67 ha. Năm 2015, đất an ninh biến động tăng 0,89 ha do chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang để xây dựng các trụ sở công an xã (xã Hiệp Hòa, Nhị Trường, Trường Thọ, Long Sơn) ngoài khuôn viên trụ sở UBND xã.

- Đất thương mại, dịch vụ: năm 2015 đất thương mại, dịch vụ tăng 1,84 ha so với thống kê đất đai năm 2010, do thống kê năm 2010 chưa thống kê riêng cho chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: năm 2015, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giảm 0,21 ha so với năm 2010. Nguyên nhân do năm 2015 thống kê đất riêng phần đất thương mại, dịch vụ nên đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giảm.

- Đất phát triển hạ tầng: năm 2010 đất phát triển hạ tầng có 1.412,95 ha, năm 2015 đất phát triển hạ tầng biến động tăng 133,12 ha. Nguyên nhân do xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí, đi lại, sản xuất của nhân dân.

- Đất di tích lịch sử- văn hóa: năm 2010 đất di tích lịch sử-văn hóa có 2,86 ha, năm 2015 diện tích đất lịch sử-văn hóa giảm 2,86 ha. Nguyên nhân giảm là do thống kê lại diện tích 2,86 ha vào đất tôn giáo và văn hóa (xã Mỹ Long Bắc và Hiệp Mỹ Tây).

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: năm 2010 đất bãi thải, xử lý chất thải có 1,94 ha, năm 2015 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 2,99 ha. Nguyên nhân tăng là do xây dựng các bãi thu gom rác thải tập trung ở các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Long Bắc và thị trấn Mỹ Long.

- Đất ở tại nông thôn: năm 2010 đất ở tại nông thôn có 265,58 ha, năm 2015 diện tích đất ở tại nông thôn tăng 271,95 ha. Nguyên nhân tăng là do nhu cầu xây dựng nhà ở của nhân dân.

- Đất ở tại đô thị: năm 2010 đất ở tại đô thị có 51,6 ha, năm 2015 diện tích đất ở tại đô thị tăng 0,41 ha. Nguyên nhân tăng là do nhu cầu xây dựng nhà ở của nhân dân.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: năm 2010 đất xây dựng trụ sở cơ quan có 15,03 ha, năm 2015 đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 2,10 ha. Trong thực tế, đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do mở rộng các trụ sở UBND xã nhưng do thống kê đất đai năm 2015 tách thêm loại đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp nên đất xây dựng trụ sở cơ quan còn lại giảm hơn so với năm 2010.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: năm 2010, diện tích đất là 78,34 ha, năm 2015 biến động giảm 1,01 ha do người dân tận dụng các diện tích đất trống để trồng cây lâu năm, trồng lúa, trồng cây hàng năm khác và một phần giảm do xây dựng các tuyến giao thông nên diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm so với năm 2010.

- Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng: năm 2010 hai loại đất này có diện tích là 94,61 ha, năm 2015 biến động tăng 15,72 ha. Nguyên nhân tăng là do nhu cầu mở rộng ở các chùa, nhà thờ, thánh thất.

#### **IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

##### **4.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Cầu Ngang**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện đã phê duyệt theo quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh . Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch

sử dụng đất cấp huyện đã có bám sát các chỉ tiêu đã được phê duyệt, nhưng theo kết quả thống kê đất đai năm 2015 cho thấy việc quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất 05 năm đầu (2011-2015) còn hạn chế. Một số mục tiêu sử dụng đất đến năm 2015 theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện chưa đạt yêu cầu. Cụ thể đánh giá cho từng chỉ tiêu như sau:

**Bảng 11: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ đầu (2011-2015)**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Loại đất	Hiện trạng sử dụng đất năm 2015	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2015	So sánh
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>32.836,39</b>	<b>31.908,79</b>	<b>927,60</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>27.012,50</b>	<b>26.540,26</b>	<b>472,24</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.937,83	16.786,55	-1.848,72
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>9.870,32</i>	<i>13.168,98</i>	<i>-3.298,66</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.252,12	3.488,63	763,49
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	842,53	682,08	160,45
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	-	252,72	-252,72
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.370,06	4.315,29	2.054,77
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.823,89</b>	<b>5.368,43</b>	<b>455,46</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,47	8,09	-1,62
2.2	Đất an ninh	CAN	4,06	2,77	1,29
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	57,00	-57,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,84	-	1,84
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,34	13,46	-6,12
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.546,07	1.605,08	-59,01
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,87	3,58	0,29
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,56	5,23	-0,67
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,73	43,41	-6,68
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,87	18,43	-6,56
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	2,86	-2,86
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,93	8,98	-4,05
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	271,95	363,72	-91,77
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	52,01	66,50	-14,49
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,93	19,19	-6,26
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	104,98	94,61	10,37
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,33	81,49	-4,16
2.14	Đất tín ngưỡng	TIN	5,35		5,35
2.15	Đất sông	SON	3.708,89	3.031,89	677,00

3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	0,10	-0,10
---	------------------	-----	---	------	-------

(Nguồn: theo hồ sơ QHSDD đến năm 2020, kế hoạch SDD 05 năm kỳ đầu 2011-2015 của huyện Cầu Ngang; thống kê đất đai năm 2015 và cập nhật hiện trạng đất quốc phòng năm 2015)

**Tổng diện tích tự nhiên:** theo phương án quy hoạch được duyệt, đến năm 2015 tổng diện tích tự nhiên của huyện có 31.908,79 ha, kết quả kiểm kê, thống kê đất đai diện tích tự nhiên của huyện có 32.836,39 ha, cao hơn 927,60 ha. Các chỉ tiêu đất đai đến năm 2015 huyện đã thực hiện đạt những kết quả sau:

**\* Đất nông nghiệp:**

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2015 đất nông nghiệp của huyện Cầu Ngang có 26.540,26 ha, trong giai đoạn quy hoạch, đất nông nghiệp thực hiện chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình (phát triển hạ tầng; đất cơ sở sản xuất kinh doanh; đất quốc phòng) và nhu cầu đất xây dựng nhà ở của nhân dân.

Đồng thời trong nội bộ đất nông nghiệp có thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp nhằm tạo sự đa dạng trong sản phẩm và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nông sản tại địa phương. Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất nông nghiệp cao hơn so với chỉ tiêu đề ra là 472,24 ha. Nguyên nhân do thống kê tính toán lại diện tích đất nông nghiệp tăng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất lúa nước có 16.786,55 ha, định hướng giảm 73,55 ha so đầu kỳ quy hoạch năm 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 đất lúa nước toàn huyện có 14.937,83 ha, thấp hơn 1.848,72 ha so với phương án quy hoạch được duyệt. Trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch đất trồng lúa giảm vượt 1.775,17 ha so với kế hoạch, giảm nhiều ở xã Vinh Kim (320,47 ha); Thạnh Hòa Sơn (358,98 ha). Thực hiện chưa đạt mục tiêu quy hoạch, chưa đảm bảo diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, tuy nhiên do được quan tâm về kỹ thuật nên năng suất vẫn đảm bảo an ninh lương thực.

Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa nước: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất chuyên trồng lúa nước có 13.168,98 ha, định hướng giảm 46,67 ha so đầu kỳ quy hoạch 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 đất chuyên trồng lúa nước toàn huyện có 9.870,32 ha, thấp hơn 3.298,66 ha so với phương án quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do một phần diện tích đất trồng lúa nằm rải rác, nhỏ lẻ, canh tác không hiệu quả, người dân mạnh dạn chuyển đổi mô hình canh tác chủ yếu là chuyển nuôi trồng thủy sản nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Bên cạnh người dân còn tự ý

chuyển đổi nuôi thủy sản nhưng không làm thủ tục chuyển mục đích nên thực tế diện tích đất trồng lúa giảm nhiều so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất trồng cây lâu năm có 3.488,63 ha, định hướng giảm 224,71 ha so đầu kỳ quy hoạch năm 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 đất trồng cây lâu năm toàn huyện có 4.252,12 ha, cao hơn 736,49 ha so với phương án quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhiều công trình phát triển hạ tầng sử dụng đất trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện; ngoài ra, do thực hiện kiểm kê 2014, chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm được xác định lại, tách ra khỏi chỉ tiêu mà theo kiểm kê 2010 đã tính gộp, đặc biệt là đất ở.

- Đất rừng phòng hộ: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất rừng phòng hộ có 682,08 ha, định hướng tăng 45,00 ha so đầu kỳ quy hoạch năm 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 đất trồng rừng phòng hộ toàn huyện có 842,53 ha, cao hơn 160,45 ha so với phương án quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân tăng là do đã thống kê đất rừng sản xuất vào. Trong thực tế, diện tích đất rừng chưa tăng theo quy hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất rừng sản xuất có 252,72 ha, định hướng giữ ổn định diện tích đất rừng sản xuất so đầu kỳ quy hoạch năm 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 huyện Cầu Ngang thống kê không còn diện tích đất rừng sản xuất, do đã thống kê chung vào diện tích đất rừng phòng hộ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất nuôi trồng thủy sản có 4.315,29 ha, định hướng giảm 34,82 ha so đầu kỳ quy hoạch năm 2010.

Kết quả thực hiện đến năm 2015 đất nuôi trồng thủy sản toàn huyện có 6.370,06 ha, cao hơn 2.054,77 ha so với phương án quy hoạch được duyệt. Diện tích tăng chủ yếu ở các xã thuộc khu vực phía đông Quốc lộ 53 gồm các xã như: Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn có điều kiện phát triển nuôi trồng thủy sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

#### **\* Đất phi nông nghiệp:**

Theo phương án quy hoạch được duyệt đến năm 2015 đất phi nông nghiệp của huyện có 5.368,43 ha, tăng 455,14 ha so đầu kỳ. Kết quả thực hiện đến năm 2015, đất phi nông nghiệp có 5.823,89 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt 455,46 ha. Trong giai đoạn quy hoạch, đất phi nông nghiệp có tăng diện tích do đất nông



nghiệp chuyển sang để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình (phát triển hạ tầng; đất cơ sở sản xuất kinh doanh; đất quốc phòng) và nhu cầu đất xây dựng nhà ở của nhân dân. Đồng thời, do thực hiện kiểm kê, thống kê chính xác diện tích nên đất diện tích đất phi nông nghiệp (đất sông, rạch) tăng. Cụ thể kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất quốc phòng đến năm 2015 có 8,09 ha, định hướng quy hoạch tăng 2,42 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 6,47 ha, thấp hơn 1,62 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đất quốc phòng tăng 0,80 ha, đạt 33,06% so với kế hoạch (trong đó tăng tại xã Mỹ Long Nam (2,01 ha); xã Long Sơn (0,37 ha); đồng thời trong giai đoạn đất quốc phòng giảm 1,90 ha tại xã Mỹ Long Bắc. Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch một số công trình đất quốc phòng vẫn chưa đầu tư, thực hiện như: trạm kiểm soát Vàm Lầu; thao trường huấn luyện Mỹ Long Nam, Mỹ Hòa.

- Đất an ninh: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất an ninh đến năm 2015 có 2,77 ha, định hướng quy hoạch tăng 0,75 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 4,06 ha, cao hơn 1,29 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do đất an ninh tăng ở các xã Hiệp Hòa (0,27 ha), Nhị Trường (0,44 ha), Trường Thọ (0,08 ha) và Long Sơn (0,10 ha).

- Đất khu công nghiệp: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất khu công nghiệp đến năm 2015 có 57,00 ha, định hướng quy hoạch tăng 57,00 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 chưa có, thấp hơn 57,00 ha so với quy hoạch được duyệt do chưa xây dựng cụm tiểu thủ công nghiệp Vàm Lầu, Mỹ Long Nam (năm 2010 chưa có chỉ tiêu đất cụm công nghiệp).

- Đất thương mại, dịch vụ: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu sử dụng đất thương mại, dịch vụ không có diện tích, do trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2010 đất thương mại, dịch vụ được thống kê vào chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Đến kiểm kê năm 2014 chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ được tách ra một phần diện tích từ đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Kết quả thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2015 đất thương mại, dịch vụ có 1,84 ha, tăng 1,84 ha so với năm 2010.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2015 có 13,46 ha, định hướng quy hoạch tăng 5,91 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 7,34 ha, thấp hơn 6,12 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân, do một số chỉ tiêu sử dụng đất trong kiểm kê, thống kê năm 2014, một số chỉ tiêu cụ thể như: đất năng lượng; đất thủy lợi (công ty cấp thoát nước); đất ở tại đô thị (một số nhà hàng, khách sạn); ... , được tách ra

từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của kiểm kê năm 2010. Ngoài ra, kiểm kê năm 2014, tách thêm chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ và một số công trình, dự án chưa thực hiện theo quy hoạch.

- Đất phát triển hạ tầng: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng đến năm 2015 có 1.605,08 ha, định hướng quy hoạch tăng 192,85 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 1.546,07 ha, cao hơn 59,01 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân, do kiểm kê năm 2014 một số chỉ tiêu sử dụng đất như: Đất năng lượng; đất thủy lợi (trạm cấp nước sinh hoạt) được tách ra từ cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của kiểm kê năm 2010; ngoài ra, một số tuyến đường tránh Quốc lộ 53 đã thực hiện làm cho đất giao thông tăng cao. Trong đó một số chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng chính như:

+ Đất cơ sở văn hóa: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất cơ sở văn hóa đến năm 2015 có 3,58 ha, định hướng quy hoạch tăng 3,03 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 3,87 ha, cao hơn 0,29 ha so với quy hoạch được duyệt; diện tích tăng chủ yếu tập trung tại xã Nhị Trường (2,82 ha); Hiệp Mỹ Đông (0,11 ha); Mỹ Long Nam (0,24 ha). Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch một số nhà văn hóa, công viên khu vui chơi ở các xã chưa thực hiện cụ thể như: xã Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hòa Sơn, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Vinh Kim, Mỹ Hòa.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất cơ sở y tế đến năm 2015 có 5,23 ha, định hướng quy hoạch tăng 1,65 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 4,56 ha, thấp hơn 0,67 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đất xây dựng cơ sở y tế tăng 0,98 ha, đạt 59,39% so với kế hoạch. Diện tích hiện trạng thấp hơn 0,67 ha so với quy hoạch, kế hoạch do chưa thực hiện xây dựng các công trình y tế như: mở rộng phòng khám đa khoa khu vực xã Nhị Trường, trung tâm ATVSTP, trung tâm ĐSKHHGD và mở rộng trạm y tế các xã theo kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2015 có 43,41 ha, định hướng quy hoạch tăng 15,87 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 36,73 ha, thấp hơn 6,68 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 9,19 ha, đạt 57,91% so với kế hoạch. Diện tích hiện trạng năm 2015 thấp hơn 6,68 ha so với quy hoạch, kế hoạch do một số công trình, dự án chưa thực hiện như: Trường THPT Kim Hòa, Trường THCS Long Sơn, ....

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất cơ sở thể dục thể thao đến năm 2015 có 18,43 ha, định hướng quy hoạch tăng 8,11 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 11,87 ha, thấp hơn 6,56 ha so với quy

hoạch được duyệt. Trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tăng 1,55 ha, đạt 19,11% so với kế hoạch, diện tích tăng chủ yếu ở thị trấn Cầu Ngang (0,33 ha); xã Mỹ Long Nam (1,54 ha); Thuận Hòa (0,23 ha); Hiệp Mỹ Tây 0,18 ha. Đồng thời trong giai đoạn đất cơ sở thể dục thể thao giảm 0,61 ha tại xã Nhị Trường. Ngoài ra trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch vẫn còn một số khu thể thao chưa thực hiện ở các xã như: khu thể thao xã, Hiệp Hòa, Hiệp Mỹ Đông, Kim Hòa, Long Sơn.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2015 có 8,98 ha, định hướng quy hoạch tăng 7,04 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 4,93 ha, thấp hơn 4,05 ha so với quy hoạch được duyệt. Vậy trong kỳ quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải thực hiện tăng 2,99 ha, đạt 42,47% so với kế hoạch, do đã thực hiện xong bãi rác tại xã Mỹ Long Bắc (2,45 ha); thị trấn Mỹ Long; xã Kim Hòa và Hiệp Hòa. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch vẫn còn một số bãi rác chưa được đầu tư như bãi rác tập trung ở xã Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn và bãi rác trung chuyển ở các xã Hiệp Mỹ Tây, Long Sơn.

- Đất ở tại nông thôn: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất ở tại nông thôn năm 2015 có 363,72 ha, định hướng quy hoạch tăng 98,14 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 271,95 ha, thấp hơn 91,77 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do phân kỳ sử dụng đất, đất ở tại nông thôn diện tích dự kiến tăng khá cao, dự kiến tăng từng năm trên địa bàn các xã khoảng 2,00 ha. Tuy nhiên, qua kết quả thống kê năm 2015 đất ở tại nông thôn toàn huyện tăng khoảng 0,88 ha. Do đó đất ở tại nông thôn thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Đất ở tại đô thị: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất ở tại đô thị năm 2015 có 66,50 ha, định hướng quy hoạch tăng 14,90 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 52,01 ha, thấp hơn 14,49 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do phân kỳ sử dụng đất, đất ở tại đô thị diện tích dự kiến tăng khá cao, dự kiến tăng từng năm trên địa bàn thị trấn Cầu Ngang 2,50 ha. Tuy nhiên, qua kết quả thống kê năm 2015 đất ở tại đô thị tăng khoảng 0,10 ha. Do đó đất ở tại đô thị thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2015 có 19,19 ha, định hướng quy hoạch tăng 2,62 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 12,93 ha, thấp hơn 6,26 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do chưa thực hiện mở rộng và làm mới một số công trình trụ sở UBND xã như: mở rộng trụ sở UBND xã Kim Hòa (0,30 ha); xã Mỹ Long Bắc (1,06 ha); xã Trường Thọ (0,21 ha); làm mới trụ sở UBND xã Long Sơn 0,50 ha. Đồng thời, kiểm kê năm 2014 đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự

nghiệp tách thành đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

- Đất xây dựng cơ sở tôn giáo: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở tôn giáo năm 2015 có 94,61 ha (năm 2010 quy hoạch đất tôn giáo bao gồm đất cơ sở tôn giáo và đất cơ sở tín ngưỡng), định hướng sử dụng ổn định so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 104,98 ha, cao hơn 10,37 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do sai khác về phương pháp tính diện tích giữa kiểm kê đất đai năm 2010 và kiểm kê năm 2014; diện tích có sự chênh lệch lớn chủ yếu ở xã Thanh Hòa Sơn (10,41 ha) và xã Nhị Trường (5,37 ha).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2015 có 81,49 ha, định hướng quy hoạch tăng 3,15 ha so đầu kỳ. Hiện trạng năm 2015 có 77,33 ha, thấp hơn 4,16 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện xây dựng các nghĩa địa tập trung như xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Thuận Hòa, xã Long Sơn, Thanh Hòa Sơn và Vinh Kim.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: năm 2010 đất cơ sở tín ngưỡng được quy hoạch chung trong chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo. Hiện trạng năm 2015 có 5,35 ha, cao hơn 5,35 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất sông, rạch: theo phương án quy hoạch chỉ tiêu sử dụng đất sông năm 2015 có 3.031,89 ha, dự kiến giảm 45,02 ha so với đầu kỳ năm 2010. Hiện trạng năm 2015 có 3.708,89 ha, cao hơn 677,00 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân là xác định lại ranh giới sông rạch phần cửa Cung Hầu và sông Cổ Chiên ở các xã Mỹ Long Nam, xã Mỹ Long Bắc, xã Vinh Kim và thị trấn Mỹ Long. Diện tích sông, rạch tăng 800,72 ha. Bên cạnh đó trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đất sông giảm một phần diện tích để phát triển rừng phòng hộ một số khu vực bãi bồi.

\* **Đất chưa sử dụng:** theo phân kỳ quy hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng diện tích 17,23 ha (trong đó: đất nông nghiệp 16,69 ha; đất phi nông nghiệp 0,54 ha). Theo số liệu thống kê năm 2015 trên địa bàn huyện không còn diện tích đất chưa sử dụng, thực hiện đạt 100% quy hoạch, kế hoạch.

#### **4.1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn (2011-2015)**

#### **4.1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn (2011-2015)**

#### **\*Kết quả chuyển mục đích các loại đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch (2011-2015) huyện Cầu Ngang chuyển 382,67. Kết quả kiểm kê năm 2014 và thống kê năm 2015 đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là 378,62 ha, đạt 98,94% so với kế hoạch. Trong đó:

- Đất lúa nước dự kiến chuyển 81,93 ha, kết quả thực hiện chuyển 151,54 ha, đạt 184,96% so với kế hoạch.

- Đất trồng cây lâu năm dự kiến chuyển 182,51 ha, kết quả thực hiện chuyển 102,43 ha, đạt 56,12% so với kế hoạch.

- Đất rừng phòng hộ dự kiến chuyển 0,02 ha, kết quả chưa thực hiện chuyển.

- Đất nuôi trồng thủy sản dự kiến chuyển 105,13 ha, kết quả thực hiện chuyển 77,13 ha, đạt 77,37 so với kế hoạch.

**\* Kết quả chuyển đổi cơ cấu nội bộ đất nông nghiệp**

Theo kế hoạch diện tích chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp là 143,31 ha, chủ yếu là đất trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản, kết quả thực hiện đến năm 2015 diện tích đất trồng lúa nước đã chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 2.567,00 ha, đạt cao so kế hoạch.

**Bảng 12: So sánh kết quả chuyển mục đích trong giai đoạn (2011-2015)**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch (2011-2015)	Kết quả thực hiện			So sánh
				Tổng	Giai đoạn (2011-2014)	Năm 2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)=(5)-(4)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>382,67</b>	<b>378,62</b>	<b>377,66</b>	<b>0,96</b>	<b>-4,05</b>
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	81,93	151,54	151,31	0,23	69,61
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	182,51	102,43	101,83	0,6	-80,08
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,02	-	-	-	-0,02
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	105,13	77,13	77,07	0,06	-28,00
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>						
	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS	143,31	2.567,00	2.567,00	-	2.423,69

(Nguồn: theo QHSDD đến năm 2020, kế hoạch SDD 05 năm kỳ đầu 2011-2015 của huyện Cầu Ngang)

**4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

Qua 05 năm thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) được phê duyệt của huyện, nhìn chung huyện đã thực hiện bám sát theo quy hoạch và đạt được nhiều kết quả khả quan nhưng còn



các chỉ tiêu chưa đạt theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Cụ thể:

#### **4.2.1 Đánh giá những mặt được, những tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

##### **a) Những mặt đạt được**

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện được phê duyệt là cơ sở pháp lý để các cấp thực hiện công tác quản lý đất đai và là căn cứ bố trí sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... Trên cơ sở đó các cấp, các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phải tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tạo cơ sở, tiền đề để huyện Cầu Ngang nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tạo sự đồng bộ, hài hòa hạn chế sự chông chéo lên nhau trong sử dụng đất giữa các ngành. Đồng thời, tạo cơ sở phân bổ nguồn vốn hợp lý kịp thời nên trong 05 năm huyện đã thực hiện được nhiều công trình dự án trong kế hoạch đã phê duyệt.

- Đất nông nghiệp giảm, chuyển sang đất phi nông nghiệp là phù hợp với định hướng quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên, do nhiều công trình chưa triển khai thực hiện nên diện tích đất nông nghiệp còn cao hơn so với chỉ tiêu đề ra.

- Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện được phê duyệt, trong 05 năm kỳ đầu (2011-2015) có 336 công trình dự án cần thực hiện. Qua kết quả điều tra thực địa, rà soát các công trình, hiện trạng đến năm 2015 kết quả thực hiện được 216 công trình. Trong đó 194 công trình được duyệt trong giai đoạn (2011-2015) và 22 công trình được duyệt giai đoạn (2016-2020). *(Đính kèm phụ lục 01: Danh mục các công trình, dự án đã thực hiện (trong danh mục đăng ký QHSDD 2010-2020) huyện Cầu Ngang).*

##### **b) Những tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

Qua thực tế triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Cầu Ngang đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương. Trong quá trình khai



thác sử dụng đất, dựa trên quan điểm tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, do đó diện tích đất được thu hồi đều tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, ít có xảy ra khiếu kiện.

Tuy nhiên, qua so sánh, phân tích kết quả giữa thực hiện và chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một số chỉ tiêu chưa đạt so với kế hoạch. Cụ thể:

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản chưa đúng với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt còn diễn ra phổ biến ở địa phương nhưng chưa được xử lý kịp thời. Từ đó làm cho việc chuyển dịch trong cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp vẫn chưa đảm bảo, đất trồng lúa giảm mạnh, khoảng 1.848,72 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước giảm 3.298,66 ha, diện tích đất trồng lúa nước còn lại tăng 1.449,94 ha), tăng diện tích đất nuôi trồng thủy sản 2.054,77 ha.

- Nhiều công trình quy hoạch rất cần thiết, có lộ trình thực hiện và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhưng do ngân sách không đảm bảo, bị động về nguồn vốn đầu tư nên khi triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra, nhất là đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng dẫn đến tình trạng nhiều công trình đã được phê duyệt nhưng khó mời gọi đầu tư.

- Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Các tổ chức, cá nhân chưa đăng ký nhu cầu sử dụng đất kịp thời. Chủ yếu là khi có nhu cầu sử dụng, lập các thủ tục xin điều chỉnh, bổ sung quy hoạch. Do đó, thực trạng sử dụng đất không đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

**Bảng 13: Công trình chưa thực hiện trong giai đoạn 2011-2015**

STT	HẠNG MỤC	ĐỊA ĐIỂM
1	Bãi rác tập trung Cụm xã	Xã Thạnh Hòa Sơn
2	Trung tâm ATVSTP	Thị trấn Cầu Ngang
3	Trung tâm dân số KHHGD	Thị trấn Cầu Ngang
4	Trường Tiểu học Hiệp Hòa B	Xã Hiệp Hòa
5	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hòa	Xã Mỹ Hòa

6	Khu thể thao cấp xã các xã	Thị trấn Mỹ Long; Xã Mỹ Long Bắc; Xã Hiệp Hòa; Xã Hiệp Mỹ Đông; Xã Kim Hòa; Xã Long Sơn; Xã Thuận Hòa; Xã Trường Thọ; Xã Vinh Kim; Xã Hiệp Mỹ Tây; Xã Nhị Trường
7	Ban chỉ huy quân sự xã	Xã Hiệp Mỹ Tây
8	Trụ sở ủy ban nhân dân các xã	Xã Mỹ Long Bắc; Xã Trường Thọ
9	Cụm tiểu thủ công nghiệp Nhị Trường	Xã Nhị Trường
10	Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Hòa	Xã Mỹ Hòa
11	Công ty may Trà Cuôn	Xã Vinh Kim
12	Các nghĩa địa tập trung	Xã Hiệp Mỹ Đông; Xã Hiệp Mỹ Tây; Xã Thuận Hòa; xã Thạnh Hòa Sơn; xã Vinh Kim
13	Nhà văn hóa xã ở các xã	Xã Nhị Trường; Xã Kim Hòa; Xã Mỹ Long Bắc; Xã Thuận Hòa; Xã Thạnh Hòa Sơn; xã Hiệp Hòa; xã Hiệp Mỹ Tây
14	Trạm y tế xã ở các xã	Xã Trường Thọ; Xã Hiệp Mỹ Tây; xã Mỹ Long Bắc
15	Chợ các xã	Xã Mỹ Long Bắc; Hiệp Hòa; Thạnh Hòa Sơn; Mỹ Hòa
16	Các cơ sở kinh doanh xăng dầu	Xã Hiệp Mỹ Tây; xã Hiệp Hòa; xã Hiệp Mỹ Đông; xã Mỹ Long Bắc; xã Thạnh Hòa Sơn
17	Các lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Xã Hiệp Mỹ Tây; xã Mỹ Long Bắc; xã Thuận Hòa
18	Nhiều tuyến đường giao thông nông thôn	Huyện Cầu Ngang
19	Nhiều tuyến kênh, trạm nước sinh hoạt	Huyện Cầu Ngang
20	Trường mầm non trên địa bàn các xã	Huyện Cầu Ngang
21	Kênh Năm Triều	Xã Mỹ Long Bắc

(Nguồn quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2015 huyện Cầu Ngang)

#### **4.2.2 Việc thực hiện các công trình cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đã được HDND tỉnh**

Trong thời gian qua, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 05 Nghị quyết về việc thực hiện các công trình cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: Nghị quyết số 31, 32/NQ-HĐND ngày 05/12/2014; Nghị quyết số 07, 08/NQ-HĐND ngày 17/7/2015; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2015. Tuy nhiên, Nghị quyết số 07, 08/NQ-HĐND ngày 17/7/2015; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 đã được rà soát tổng hợp vào phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện.

Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác trên địa

bàn huyện Cầu Ngang đến ngày 31/12/2015 theo Nghị quyết số 31, 32/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, kết quả đạt được như sau:

- Theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của HDND tỉnh Trà Vinh về danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có 12 công trình, dự án thu hồi đất trong năm. Đến tháng 12 năm 2015 trên địa bàn Cầu Ngang đã thực hiện được 4/12 công trình, dự án, đạt 33,33%.

**Bảng 14: Danh mục công trình đã thực hiện và chưa thực hiện theo Nghị quyết số 31**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm
<b>I. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện</b>		
1	Mở rộng Trường THCS Sơn Vọng (Hạng mục: Bồi hoàn)	Xã Kim Hòa
2	Đường liên ấp (cổng 10U) xã Hiệp Mỹ Đông	Xã Hiệp Mỹ Đông
3	Hồ chứa thí điểm cung cấp nước tiêu phục vụ trồng màu vùng đất giồng cát xã Long Sơn	Xã Long Sơn
4	Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Long	Huyện Cầu Ngang
<b>II. Danh mục công trình, dự án chưa thực hiện</b>		
1	Đường Tân Hiệp từ Quốc lộ 53-Xóm Chòi, xã Kim Hòa	Xã Kim Hòa
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Hiệp Mỹ Tây	Xã Hiệp Mỹ Tây
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Mỹ Long Bắc	Xã Mỹ Long Bắc
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Nhị Trường	Xã Nhị Trường
5	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang
6	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang
7	Sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	Xã Hiệp Mỹ Đông
8	Trạm y tế xã Thuận Hòa (Hạng mục: Bồi hoàn đất)	Xã Thuận Hòa

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2015; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

- Theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Trà Vinh về danh mục các công trình, dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thì trên địa bàn huyện Cầu Ngang có 5 công trình, dự án cần thực hiện. Đến tháng 12 năm 2015 trên địa bàn Cầu Ngang đã thực hiện được 4/5 công trình, dự án, đạt 80,00%.

**Bảng 15: Danh mục công trình đã thực hiện và chưa thực hiện theo Nghị quyết số 32**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm
<b>I. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện</b>		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp huyện Cầu Ngang (khu vực 2 gồm các xã: Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa)	Xã Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa
2	Mở rộng Trường tiểu học Hiệp Hòa B, xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang	Xã Hiệp Hòa
3	Mở rộng Trường THCS Sơn Vọng (Hạng mục: Bồi hoàn)	Xã Kim Hòa
4	Hồ chứa thí điểm cung cấp nước tiêu phục vụ trồng màu vùng đất giồng cát xã Long Sơn	Xã Long Sơn
<b>II. Danh mục công trình, dự án chưa thực hiện</b>		
1	Sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	Xã Hiệp Mỹ Đông

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2015; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

#### **4.2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

- Việc công bố, công khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của các cấp đã được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, do người dân chưa quan tâm và hiểu rõ được tầm quan trọng của việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, chưa nắm hết các chủ trương, kế hoạch trong định hướng sử dụng đất. Chưa chủ động đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn thời gian qua đã tác động nhiều đến cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của huyện. Chuyển mục đích sử dụng đất trong cơ cấu đất nông nghiệp không theo quy hoạch, đất trồng lúa chuyển mục đích sang nuôi trồng thủy sản nhiều làm cho diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng cao so với năm 2010 ở một số xã; Cụ thể: xã Vinh Kim tăng 325,93 ha; Kim Hòa tăng 121,66 ha; Hiệp Hòa 255,16 ha.

- Việc bố trí nguồn vốn chưa được chủ động, các công trình trọng điểm, đặc biệt các cụm tiểu thủ công nghiệp chưa thu hút được các nhà đầu tư.

- Bên cạnh đó, nhiều công trình đăng ký trong quy hoạch, kế hoạch mang tính cơ hội nhằm định hướng, tranh thủ các nguồn lực tài chính của nhà nước, của tư nhân, một số chỉ tiêu sử dụng đất đưa ra dự báo khá cao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại thiếu vốn đầu tư để phát triển hạ tầng, dẫn đến việc thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế.

### **4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.**

Qua quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn (2011-2015) huyện Cầu Ngang đã đúc kết được một số bài học kinh nghiệm cơ bản để tổ chức thực hiện tốt hơn điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 như sau:

- Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị Sở, Ngành, huyện trong tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thành công của mỗi kỳ quy hoạch, kế hoạch.

- Tình hình kinh tế, xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyên đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất, đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói chung, quy hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Qua thực tế quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất, có thể thấy quy hoạch sử dụng đất dễ bị điều chỉnh theo yêu cầu của nhà đầu tư và chưa có biện pháp mạnh trong xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích quy hoạch. Do đó cần bổ sung quy định về chấp hành quy hoạch sử dụng đất, nâng cao tầm quan trọng của tài liệu quy hoạch trong công tác quản lý điều hành của chính quyền các cấp.

- Áp dụng nhiều biện pháp tuyên truyền để người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tránh trường hợp chuyển mục đích không theo quy hoạch.

## PHẦN II

### PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

##### 1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

###### 1.1.1 Khái quát phương hướng phát triển

Phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, tập trung phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn 2016-2020. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo ngang tầm với nhiệm vụ mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đề ra.

Phát triển dựa vào nội lực, tiềm năng của các lĩnh vực có lợi thế của huyện, tiếp tục xác định phát triển nông nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện; củng cố và xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, đặt mục tiêu đến năm 2030 xây dựng xong một nền kinh tế nông nghiệp và nông thôn hiện đại, bên cạnh công nghiệp từng bước chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản xuất của huyện.

Phát triển kinh tế gắn với các lĩnh vực văn hóa xã hội, bảo vệ môi trường; tạo chuyển biến mới về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao thu nhập, mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công.

Huyện có vị trí nằm cặp sông Cỏ Chiên và cửa Cung Hầu là địa bàn trọng yếu phòng thủ an ninh, quốc phòng của quốc gia do đó cần kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh.

###### 1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội

###### a) Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; huy động mọi nguồn lực xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao; đưa nền kinh tế xã hội phát triển nhanh và bền vững; giữ gìn và phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tạo



nền tảng vững chắc để đến năm 2020 huyện trở thành địa phương có nền nông nghiệp, nông thôn hiện đại, cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, công nghiệp, thương mại dịch vụ cơ bản phát triển.

### **b) Mục tiêu phát triển cho các lĩnh vực**

- Mục tiêu về phát triển kinh tế: Phần đầu giá trị sản xuất của huyện giai đoạn 2015-2020 đạt trên 14,55%/năm.

- Mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị: Phát triển, cải tạo và mở rộng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Mục tiêu về phát triển văn hóa xã hội: Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng toàn diện các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, thể thao, gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

- Mục tiêu về an ninh, quốc phòng: Đảm bảo vững chắc nhiệm vụ phòng thủ quốc gia và giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Mục tiêu bảo vệ môi trường: Bảo vệ tốt môi trường sống tại các khu dân cư và trong sản xuất, không để xảy ra các sự cố về môi trường, khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái vốn có của huyện.

- Mục tiêu về chống biến đổi khí hậu: Xây dựng hệ thống đê sông, kè sông ngăn triều cường và xâm nhập mặn. Nghiên cứu đưa vào sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi đa thích nghi, có khả năng chống chịu với sự khắc nghiệt của thời tiết: nắng, mưa, gió, bão, nhiệt độ tăng, ...

### **1.2. Quan điểm sử dụng đất**

Trên cơ sở các đặc trưng về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội, thực trạng sử dụng đất và tình hình biến động sử dụng đất và về mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020 và định hướng xa hơn. Vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý đất đai cần dựa trên sự thống nhất các quan điểm sau:

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc, rút ngắn khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

- Khai thác triệt để, sử dụng toàn bộ quỹ đất đai vào các mục đích cụ thể, không để tình trạng đất có điều kiện sản xuất kém, bỏ hoang.

- Đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị cần phải được chú trọng đầu tư và thực hiện có trọng điểm,

nhanh nhằm tạo tiền đề cho các ngành kinh tế phát triển, nhưng không đặt ra những chỉ tiêu và yêu cầu quá cao, vượt quá nhu cầu của địa phương và khả năng đầu tư.

- Đối với đất sản xuất nông nghiệp cần bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tiến hành các biện pháp thâm canh cao, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, đảm bảo nhu cầu an toàn lương thực. Khoanh nuôi, trồng rừng phòng hộ ven sông rạch, cửa Cung Hầu chống sạt lở, ngăn chặn xâm nhập mặn, đảm bảo môi trường không khí chất lượng tốt.

Gắn khai thác sử dụng với nhiệm vụ bồi dưỡng tái tạo, làm tăng độ phì cho đất... chống suy thoái đất, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm sử dụng đất bền vững lâu dài. Ngoài ra việc khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo vấn đề quốc phòng an ninh, quán triệt phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng**

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, hiện trạng sử dụng đất năm 2015 của huyện cũng như mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020 mà Đại hội Đảng bộ huyện Cầu Ngang đã đặc ra, định hướng sử dụng đất theo khu chức năng đến năm 2020 như sau:

- **Khu vực chuyên trồng lúa nước:** Cầu Ngang là huyện có nền sản xuất nông nghiệp là chính. Trong đó, sản xuất nông nghiệp trồng lúa và nuôi trồng thủy sản chiếm vai trò chủ đạo. Khu vực có điều kiện thích hợp phát triển chuyên trồng lúa nước chủ yếu nằm ở cánh đồng phía Tây quốc lộ 53, và một phần diện tích ở các xã Mỹ Hòa, Vinh Kim và Mỹ Long Bắc. Để đảm bảo an ninh lương thực trong thời gian tới của huyện nói riêng và của tỉnh cũng như của cả nước nói chung, định hướng đến năm 2020, cần tiếp tục giữ vững và khai thác tốt diện tích khu vực chuyên trồng lúa nước. Cụ thể: toàn phần diện tích trồng lúa của các xã: xã Nhị Trường, xã Trường Thọ, xã Mỹ Hòa, xã Kim Hòa, Xã Hiệp Hòa, xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, TT.Mỹ Long và xã Thạnh Hòa Sơn sẽ được khai thác sản xuất hiệu quả lúa 2 vụ trở lên. TT. Cầu Ngang và các xã còn lại tùy vào điều kiện tự nhiên (nguồn nước,..) có thể được duy trì canh tác lúa 1 vụ, hoặc canh tác kết hợp nhưng cơ bản vẫn phải đảm bảo điều kiện canh tác lúa tốt.

- **Khu vực trồng rừng phòng hộ:** Rừng phòng hộ trên địa bàn huyện có chức năng chính là bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, chắn sóng. Định hướng phát triển rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Cầu Ngang đến năm 2020 đảm bảo đúng theo phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ

và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2020. Khu vực phát triển rừng phòng hộ nằm ở các xã ven sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu như xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Long Nam và thị trấn Mỹ Long, đặc biệt là Cồn Bần và Cồn Nạn bao gồm đất rừng phòng hộ theo hiện trạng sử dụng và đất bãi bồi ven sông.

- **Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp:** Huyện Cầu Ngang có vị trí thuận lợi nằm tiếp giáp với thị xã Duyên Hải và huyện Trà Cú là những đơn vị hành chính có nền công nghiệp đang trên đà phát triển, bên cạnh huyện có lợi thế về hệ thống giao thông thủy- bộ thuận lợi nằm trên trục Quốc lộ 53, nguồn nguyên liệu lớn từ các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và lực lượng lao động trẻ dồi dào. Huyện huy tụ đủ các điều kiện cần thiết để phát triển các cụm công nghiệp theo hướng ưu tiên một số ngành nghề có tiềm năng và nguồn nguyên liệu tại chỗ: công nghiệp chế biến thủy sản, đậu phộng, hạt điều, lúa gạo xuất khẩu, may mặc... ở các xã Mỹ Long Bắc, xã Long Sơn và xã Hiệp Mỹ Tây.

- **Khu đô thị, thương mại-dịch vụ:** Quy mô khu đô thị của huyện Cầu Ngang có 737,64 ha gồm thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long. Định hướng đến năm 2020 tiếp tục phát triển 02 đô thị với hệ thống hạ tầng cơ sở hoàn chỉnh đảm bảo tổ chức không gian trục trung tâm đô thị kết nối với các không gian công cộng, các công trình là các điểm nhấn trong đô thị: chợ trung tâm, khu hành chính, khu công viên,... Thiết lập các không gian đệm, các hành lang bảo vệ các kiến trúc cần bảo tồn trong đô thị, Bảo tồn và tôn tạo các kiến trúc về văn hóa, tâm linh trong không gian trung tâm đô thị và các khu dân cư.

- **Khu du lịch:** huyện Cầu Ngang đã thu hút nhiều du khách tham quan bởi di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng như chùa Giác Linh (xã Mỹ Long Bắc) được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; chùa Phước Mỹ (xã Hiệp Mỹ Tây); di tích Bào Dài (xã Nhị Trường) và các làng nghề đặc trưng truyền thống của huyện như làng nghề bánh tét Trà Cuôn (xã Kim Hòa); làng nghề chế biến thủy sản (thị trấn Mỹ Long). Ngoài ra, huyện còn có nhiều lễ, hội văn hóa của các dân tộc hấp dẫn như: lễ hội Chol Chnam Thmây, Sen Dolta và Ok-Om-Bok của đồng bào dân tộc Khmer; lễ hội Nghinh Ông, lễ rước Bà Chúa Xứ (thị trấn Mỹ Long). Đặc biệt, do nằm tiếp giáp với sông Cổ Chiên thông ra biển là điều kiện rất thuận lợi cho các loài sinh vật nước lợ, nước mặn phát triển, hình thành các khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển hình thức khu du lịch sinh thái như: Hàng Dương (xã Mỹ Long Bắc); Cồn Bần (xã Mỹ Long Bắc); Cồn Nạn (xã Mỹ Long Nam) và khu vực thị trấn Mỹ Long có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch sinh thái kết hợp lễ hội dân gian truyền thống.

- **Khu ở, làng nghề sản xuất phi nông nghiệp nông thôn:** Định hướng bố trí đất ở đến năm 2020 là gắn với khu ở hiện có, ven các trục kênh rạch, các trục giao thông và trung tâm các xã. Dự kiến phân bố dân cư trên cơ sở cải tạo, đầu tư nâng cấp các điểm dân cư hiện hữu, hạn chế phát triển thêm điểm dân cư mới nhằm tiết kiệm quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng và cụm công nghiệp.

Định hướng phát triển làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn, tiếp tục tạo điều kiện cho 02 làng nghề: khai thác, đánh bắt, sơ chế, chế biến thủy sản ở thị trấn Mỹ Long và làng nghề bánh tét Trà Cuôn ở xã Kim Hòa, đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh đó, huyện cũng khuyến khích giữ gìn và phát triển một số làng nghề truyền thống như: nghề cốm dẹp, nghề hủ tiếu, đan đất,....

## **II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

#### **2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Những năm qua cùng với sự phát triển chung của tỉnh Trà Vinh, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Cầu Ngang từng bước đi lên và đạt những kết quả quan trọng. Định hướng thời gian tới phát triển nền kinh tế - xã hội huyện Cầu Ngang với tốc độ nhanh, bền vững, đưa kinh tế của huyện nhà phát triển ngang bằng so với các huyện khác trong tỉnh. Phát triển nông nghiệp - nông thôn là trọng tâm; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, TTCN - xây dựng; chú trọng phát triển thương mại - du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Do đó, phương án quy điều chỉnh hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020 căn cứ vào một số chỉ tiêu kinh tế xã hội đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cầu Ngang nhiệm kỳ (2015-2020) xác định và dự báo tình hình phát triển chỉ tiêu kinh tế đến năm 2020, cụ thể như sau:

- Giá trị sản xuất tăng bình quân 14,55%, trong đó: Ngành nông - ngư - lâm nghiệp tăng 1,71%, công nghiệp và xây dựng tăng 29,18%, dịch vụ tăng 18,43%..

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2020 theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ tương ứng với tỷ trọng các ngành nông nghiệp giảm xuống nhưng vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng của các ngành trong thời gian tới. Cụ thể: tỷ trọng nông - ngư - lâm nghiệp còn 30,25%, công nghiệp - xây dựng 32,72%, thương mại dịch vụ 37,03%.

- Tổng thu ngân sách trong dự toán tăng bình quân hàng năm 15%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 52 triệu đồng/người/năm.

## **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

### **a) Khu vực kinh tế nông nghiệp**

Với mục tiêu lâu dài là xây dựng và phát triển một nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, bền vững, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, đạt hiệu quả kinh tế. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng chuyển đổi các loại hình sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao trên cùng một đơn vị diện tích, sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu... Đến năm 2020, giá trị sản xuất khu vực kinh tế nông nghiệp đạt 5.918,27 tỷ đồng; trong đó xác định phát triển nông nghiệp lúa, gạo, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến là ngành kinh tế mũi nhọn.

- **Nông nghiệp:** thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tập trung rà soát xác định vùng trọng điểm lúa, màu. Đến năm 2020, giá trị sản xuất nông nghiệp là 2.363,47 tỷ đồng.

Xác định vùng lúa chuyên canh tập trung ở các xã phía Tây Quốc lộ 53, chú trọng tăng cường thâm canh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tiếp tục xây dựng “cánh đồng mẫu lớn”; tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ nhất là đưa các giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng biến đổi khí hậu; phát huy tốt chương trình IPM, “3 giảm, 3 tăng”, phòng trừ sâu bệnh, chú trọng cơ giới hóa thu hoạch và công nghệ bảo quản, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Đến năm 2020, sản lượng lúa đạt 161.700 tấn.

Tập trung đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích cây màu ở các xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa, Nhị Trường, Trường Thọ, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn,...

Tổ chức lại vùng chăn nuôi, từng bước hình thành và phát triển các khu vực chăn nuôi và cơ sở giết mổ tập trung theo hướng trang trại, đa dạng hóa con nuôi, nâng tổng số đàn bò lên 51.000 con, tiếp tục nâng cao chất lượng và giá trị đàn vật nuôi.

- **Thủy sản:** đầu tư phát triển nuôi thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Tái cơ cấu vùng nuôi tôm tập trung ở các xã: Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Nam, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn,.... Đẩy mạnh phát triển nuôi thủy sản ở cả 3 vùng nước mặn, lợ, ngọt, theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao như: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng, cá, nghêu sò, cua biển. Đối với vùng bãi bồi và cồn mới nổi thực hiện đa dạng các loại con nuôi có giá trị. Đến năm 2020 sản lượng thủy sản đạt 64.500 tấn (31.910 tấn tôm), giá trị sản xuất đạt 3.284,31 tỷ đồng.

- **Lâm nghiệp:** thực hiện chương trình trồng và khôi phục rừng phòng hộ ven sông, xây dựng và phát triển rừng sinh thái khu vực cồn Bần, cồn Nạn kết hợp

với dịch vụ du lịch. Khuyến khích nhân dân trồng cây phân tán, cây tre, sao, dầu,... để vừa cải thiện môi trường sinh thái vừa phục vụ cho các nhu cầu dân dụng. Đến năm 2020, giá trị sản xuất lâm nghiệp là 32,20 tỷ đồng.

### **b) Khu vực kinh tế công nghiệp-xây dựng**

Tiếp tục ưu tiên đầu phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trong thời gian tới. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các ngành chức năng để lập các dự án và đẩy mạnh công tác xúc tiến mời gọi đầu tư, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển một số ngành nghề có tiềm năng và nguồn nguyên liệu tại chỗ: công nghiệp chế biến thủy sản, đậu phộng, hạt điều, lúa gạo xuất khẩu, may mặc.... Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội; tăng cường quản lý, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí. Đến năm 2020, giá trị sản xuất khu vực kinh tế công nghiệp-xây dựng đạt 7.424,22 tỷ đồng, trong đó: công nghiệp đạt 2.354,31 tỷ đồng, xây dựng đạt 5.069,90 tỷ đồng.

### **c) Khu vực kinh tế thương mại-dịch vụ**

Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các loại hình thương mại-dịch vụ. Đẩy mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất nông – ngư nghiệp, dịch vụ vận tải, sửa chữa, ... Tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ cần thiết như: bảo hiểm, ngân hàng, bưu chính viễn thông. Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các chợ xã-thị trấn đạt chuẩn chợ văn minh, thúc đẩy giao thương lành mạnh, quản lý thị trường chống trốn thuế, hàng giả. Đến năm 2020, giá trị sản xuất khu vực kinh tế thương mại-dịch vụ đạt 3.855,55 tỷ đồng.

### **2.1.3 Chỉ tiêu phát triển xã hội**

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện an toàn đạt 99,6%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm tăng 1%.
- Hàng năm tạo việc làm mới cho 2.820 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm (trong vùng đồng bào có dân tộc Khmer 4%/năm).
- Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học đến trường đúng tuổi là 100%, THCS đạt 96,5%, THPT đạt 80%. Phần đầu có thêm 2 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, có thêm 7 trường đạt chuẩn quốc gia.
- 100% xã-thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Có 60% xã đạt chuẩn xã văn hóa, có trên 50% xã nông thôn mới và 100% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh có 99,8%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 86,36%.



- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại đô thị đạt trên 80%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt 100%.
- Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, huấn luyện diễn tập, giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng hàng năm.

## 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

### 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Trà Vinh. Theo đó, các chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trên địa bàn huyện Cầu Ngang được điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ như sau:

**Bảng 16: phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 cho huyện Cầu Ngang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.799,00</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.780,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>14.627,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	537,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.475,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.236,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.367,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.037,00</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,00
2.2	Đất an ninh	CAN	5,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	120,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,00
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,00
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.741,00
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>10,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>46,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>36,00</i>
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,00
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	307,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (ha)
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	59,00
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,00
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	19,00
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	105,00
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	82,00
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>738,00</b>
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG *</b>		
<b>1</b>	<b>Khu sản xuất nông nghiệp</b>	<b>KNN</b>	<b>18.582,00</b>
<b>2</b>	<b>Khu lâm nghiệp</b>	<b>KLN</b>	<b>1.718,00</b>
<b>3</b>	<b>Khu phát triển công nghiệp</b>	<b>KPC</b>	<b>191,00</b>
<b>4</b>	<b>Khu đô thị</b>	<b>DTC</b>	<b>738,00</b>
<b>5</b>	<b>Khu thương mại-dịch vụ</b>	<b>KTM</b>	<b>5,00</b>
<b>6</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>	<b>4.255,00</b>

\* **Đất nông nghiệp:** Đến năm 2020, đất nông nghiệp của huyện Cầu Ngang được cấp tỉnh phân bổ là 26.799,00 ha, chiếm 81,61% diện tích tự nhiên.

Trong đó: Đất trồng lúa 14.780 ha (*đất chuyên lúa nước là 14.627,00 ha*); đất trồng cây hàng năm khác là 537,00 ha; đất trồng cây lâu năm là 3.475,00 ha; đất rừng phòng hộ là 1.236,00 ha và đất nuôi trồng thủy sản là 6.367,00 ha.

\* **Đất phi nông nghiệp:** Đến năm 2020, đất phi nông nghiệp của huyện Cầu Ngang được cấp tỉnh phân bổ là 6.037,00 ha, chiếm 18,39% diện tích tự nhiên.

Trong đó: Đất quốc phòng là 20,00 ha; đất an ninh là 5,00 ha; đất cụm công nghiệp 120 ha; đất thương mại, dịch vụ là 4,00 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 29,00 ha; đất phát triển hạ tầng là 1.741 ha (*đất cơ sở văn hóa là 10,00 ha; đất cơ sở y tế là 7,00 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo là 46,00 ha; đất cơ sở thể dục và thể thao là 36,00 ha*); đất bãi thải, xử lý chất thải là 7,00 ha; đất ở tại nông thôn là 307,00 ha; đất ở tại đô thị là 59,00 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan là 14,00 ha; đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp là 19,00 ha; đất tôn giáo là 105,00 ha và đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 82,00 ha.

\* **Đất đô thị:** Đến năm 2020, đất đô thị của huyện Cầu Ngang được cấp tỉnh phân bổ là 738,00 ha (*gồm 02 thị trấn: Cầu Ngang và Mỹ Long*).

\* **Khu chức năng:** Đến năm 2020, điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ một số khu chức năng trên địa bàn huyện. Khu sản xuất nông nghiệp có 18.582 ha; khu lâm nghiệp có 1.718 ha; khu phát triển công nghiệp có 191 ha; khu đô thị có 738 ha; khu thương mại- dịch vụ có 5 ha; khu dân cư nông thôn có 4.255 ha.

### **2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực**

Đến năm 2020, diện tích tự nhiên của huyện là 32.836,39 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2015. Trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn từ nay đến nay 2020, dự báo nhu cầu sử dụng cho từng chỉ tiêu quy hoạch có nhu cầu sử dụng đất như sau:

**a) Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp:** Trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đến năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp huyện và ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; nhu cầu phát triển rừng phòng hộ ven sông Cổ Chiên, của Cung Hầu. Bên cạnh đó một yếu tố quan trọng để xác định diện tích đất nông nghiệp trong giai đoạn tới là các dự án đầu tư xây dựng, công trình trọng điểm, các cụm công nghiệp quy hoạch, ... nhu cầu đất nông nghiệp đến năm 2020 cần khoảng 27.005,00 ha đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp của huyện, trong đó:

- **Đất trồng lúa:** nhằm đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện nói riêng và của tỉnh nói chung, cũng như góp phần đảm bảo các mục tiêu kinh tế - xã hội mà đại hội Đảng bộ huyện Cầu Ngang nhiệm kỳ 2015-2020 đã đặt ra. Nhu cầu sử dụng đất cho mục đích trồng lúa trên toàn huyện đến năm 2020 khoảng 14.785,00 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2020, đất trồng cây hàng năm khác trên địa bàn huyện vẫn tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo hiện trạng. Nhưng do nhu cầu xây dựng một số công trình trọng điểm nên diện tích đất trồng cây hàng năm khác có giảm, đến năm 2020 cần khoảng 535,00 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** đến năm 2020 trên địa bàn huyện chủ yếu là cải tạo và bảo vệ vườn cây hiện có; chuyển dần đất vườn tạp kém hiệu quả sang trồng cây công nghiệp và cây ăn quả và chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích đất vườn tạp, kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản ở các xã có điều kiện thuận lợi như: xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Long Nam, xã Long Sơn, xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Thạnh Hòa Sơn. Nhìn chung thì đất trồng cây lâu năm đến năm 2020 giảm, để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nuôi trồng thủy sản và đáp ứng quy hoạch các công trình trọng điểm của huyện, nhưng vẫn giữ ở diện tích khoảng 4.023,00 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Thực hiện mục tiêu trồng rừng phòng hộ đến năm 2020 theo định hướng điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn (2011-2020) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong đó có huyện Cầu Ngang. Rừng phòng hộ trên địa bàn huyện được bảo vệ và phát triển ven biển và các sông để chắn sóng, hạn chế ngăn chặn xâm nhiễm mặn và góp phần bảo vệ môi trường cải thiện môi

trường không khí, giảm bức xạ ánh sáng. Đất rừng phòng hộ đến năm 2020 được bố trí khoảng 1.236,00 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện quy hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trong thời gian tới, huyện tập trung đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô ở cánh đồng Trà Côn, cánh đồng Tây, Cánh đồng Bào Năng. Nhu cầu phân bổ đất cho mục đích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 khoảng 6.391,00 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** Đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi gia súc tập trung, vườn ươm giống lâm nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn huyện Cầu Ngang. Đất nông nghiệp khác có khoảng 35,00 ha.

**b) Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp:** Tổng hợp rà soát kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch giai đoạn trước trên địa bàn huyện, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện cần tiếp tục đưa vào thực hiện 144 công trình, dự án chưa thực hiện theo quy hoạch 2011-2020 (*Đính kèm phụ lục 02: Danh mục các công trình, dự án quy hoạch 2011-2020 tiếp tục đưa vào điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 huyện Cầu Ngang*). Bên cạnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất mới, phát sinh của các Ngành, lĩnh vực, tổ chức cá nhân,... Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện cần bổ sung thêm nhiều công trình, dự án và nhu cầu đất ở của nhân dân.

Theo đó, đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện trong giai đoạn đến năm 2020 dự báo sẽ tăng thêm khoảng 390,00 ha. Tuy nhiên, do nhu cầu phát triển rừng phòng hộ ven sông, đất sông rạch giảm khảng 398,00 ha. Đến năm 2020 diện tích đất phi nông nghiệp đạt khoảng 5.830,00 ha, cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** để thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng trong giai đoạn tới, UBND huyện ưu tiên bố trí quỹ đất để quy hoạch xây dựng 06 cơ sở vật chất cho nhiệm vụ quốc phòng. Nhu cầu đến năm 2020 diện tích loại đất này đạt khoảng 20,00 ha.

- **Đất an ninh:** để đảm bảo nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh trong mọi tình huống trên địa bàn huyện nói riêng, của tỉnh Trà Vinh và cả nước nói chung đến năm 2020, huyện ưu tiên bố trí quỹ đất để quy hoạch cơ sở phục vụ ngành an ninh trên địa bàn huyện. Dự báo diện tích cần bố trí cho mục đích an ninh đến năm 2020 khoảng 3,70 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** từ kết quả rà soát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (2011-2015) và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đến năm 2020, nhu cầu quy hoạch cấp trên phân bổ, do đó cần quy hoạch quỹ đất bố trí 03 cụm công nghiệp (cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc; cụm công nghiệp Long Sơn; cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây) với tổng diện tích dự báo đến năm 2020 khoảng 120,00 ha.

- **Đất thương mại-dịch vụ:** trên cơ sở kết quả rà soát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ đầu (2011-2015)

huyện Cầu Ngang và kết quả thu thập nhu cầu sử dụng đất của các ngành, doanh nghiệp. Nhu cầu đến năm 2020 huyện cần bố trí khu thương mại-dịch vụ xã Thuận Hòa; khu thương mại-dịch vụ huyện Cầu Ngang; khu thương mại dịch vụ (khu Vàm Lầu); trung tâm thương mại huyện Cầu Ngang và trụ sở làm việc của chi nhánh Viettel Trà Vinh và xây dựng 19 cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn huyện. Đến năm 2020, nhu cầu đất thương mại dịch vụ khoảng 17,00 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất kinh doanh:** trên cơ sở kết quả rà soát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ đầu (2011-2015) huyện Cầu Ngang và kết quả thu thập nhu cầu sử dụng đất cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, theo đó dự kiến đến năm 2020 trên địa bàn huyện nhu cầu bố trí thêm 03 điểm sản xuất kinh doanh tập trung; 04 lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; 02 công ty may trên địa bàn xã Vinh Kim và công ty cổ phần khoa học nông nghiệp Minh Trân. Đến năm 2020, nhu cầu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có khoảng 26,00 ha.

- **Đất phát triển hạ tầng:** tổng hợp từ kết quả rà soát thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu và nhu cầu sử dụng đất của ngành công thương và một số ngành khác có liên quan đến năm 2020. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tới, nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển hạ tầng đến năm 2020 khoảng 1.740,00 ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Nhu cầu đến năm 2020 chủ yếu là đầu tư xây dựng trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi huyện. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa khoảng 10,00 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:* nhu cầu đến năm 2020 xây dựng nhà dưỡng lão ở xã Kim Hòa 0,09 ha. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội khoảng 0,09 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:* trên cơ sở kết quả rà soát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ đầu (2011-2015) huyện Cầu Ngang và kết quả thu thập nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế có nhu cầu mở rộng, làm mới 09 cơ sở y tế để đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ở địa phương và giảm sự quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Đến năm 2020, nhu cầu diện tích đất xây dựng cơ sở y tế khoảng 5,80 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* đáp ứng mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn mới và tiến tới xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia, trong thời gian tới ngành giáo dục đầu tư xây mới, mở rộng và nâng cấp 25 điểm trường trong huyện bao gồm 03 cấp học: mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở. Theo đó, nhu cầu diện tích cần bố trí cho ngành giáo dục đến năm 2020 khoảng 41,00 ha.



+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao:** nhu cầu đến năm 2020 đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao là tập trung mở rộng, làm mới các khu thể thao ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Cụ thể là nhu cầu mở rộng, làm mới 11 khu thể thao (mở rộng 01 khu thể thao và làm mới 10 khu thể thao). Đến năm 2020, nhu cầu xây dựng đất cơ sở thể dục và thể thao có khoảng 20,00 ha.

+ **Đất giao thông:** nhu cầu sử dụng đất giao thông đến năm 2020 là củng cố và phát triển mạng lưới giao thông đặc biệt là giao thông nông thôn, đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân. Nhu cầu mở rộng, nâng cấp, làm mới khoảng 84 công trình giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện. Trong đó, 02 bến xe, đường tỉnh lộ 912, đường huyện lộ 12,20,21 và nhiều công trình là các tuyến đường nhựa, đường đaml, đê biển Trà Vinh (tỉnh lộ 915B) và cầu cần được đầu tư xây dựng. Nhu cầu đất giao thông đến năm 2020 có khoảng 637,00 ha.

+ **Đất thủy lợi:** nhu cầu sử dụng vào mục đích thủy lợi đến năm 2020 trên địa bàn huyện chủ yếu là xây dựng các trạm nước sinh hoạt, mở rộng nạo vét các tuyến kênh nội đồng, kênh thuộc dự án Tầm Vu Lộ, đê bao ven sông Cổ Chiên. Nhu cầu đến năm 2020 có khoảng 55 công trình thủy lợi cần thực hiện, diện tích đất thủy lợi đến năm 2020 khoảng 1.007,00 ha.

+ **Đất công trình năng lượng:** thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đạt 99,6% hộ dân sử dụng điện an toàn trên địa bàn huyện. Nhu cầu sử dụng cần xây dựng trạm biến áp 110Kv đường dây đầu nối thuộc xã Long Sơn; đường điện 110Kv (phong điện) và các tuyến đường điện hạ thế 22 Kv trên địa bàn huyện. Nhu cầu diện tích đất công trình năng lượng đến năm 2020 khoảng 6,00 ha.

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** qua kết quả rà soát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và kết quả thu thập thông tin nhu cầu sử dụng đất của ngành bưu chính, viễn thông đến năm 2020 trên địa bàn huyện cần xây dựng 03 công trình: Anten phòng chống bão thuộc xã Mỹ Long Bắc; 02 nhà lắp đặt tổng đài ở xã Hiệp Mỹ Đông và xã Nhị Trường. Nhu cầu diện tích đất công trình bưu chính viễn thông đến năm 2020 khoảng 1,00 ha.

+ **Đất chợ:** nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng các chợ trên địa bàn huyện đạt chuẩn văn minh, đáp ứng nhu cầu giao thương của nhân dân, nhu cầu xây dựng các chợ đến năm 2020 khoảng 11 điểm chợ, diện tích đất chợ đến năm 2020 khoảng 9,00 ha.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cần phải đạt thế cân bằng của ba yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường. Từ thực tế cho thấy, nền kinh tế - xã hội của huyện đã không ngừng chuyển biến tích cực trong thời gian qua. Tuy nhiên, yếu tố môi trường của huyện lại đang chuyển biến theo chiều hướng xấu dần. Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2020 xây dựng 01 bãi rác tập trung cụm xã Thạnh Hòa Sơn-Hiệp Mỹ Tây-Long



Son, trên địa bàn xã Thạnh hòa Sơn. Nhu cầu đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2020 khoảng 7,00 ha.

- **Đất ở tại nông thôn:** đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn đến năm 2020, nhu cầu đất ở tại nông thôn có khoảng 303,00 ha.

- **Đất ở tại đô thị:** đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị đến năm 2020, nhu cầu đất ở tại đô thị ở 02 thị trấn có khoảng 59,00 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất để làm trụ sở của các Phòng, Ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đến năm 2020. Theo đó, nhu cầu cần mở rộng, nâng cấp 11 công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan. Nhu cầu đến năm 2020 đất xây dựng trụ sở cơ quan dự báo khoảng 20,00 ha.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo đến năm 2020 dự báo khoảng 105,00 ha.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Để đảm bảo tốt môi trường và cảnh quang chung quanh, nhu cầu bố trí đất để hình thành các khu đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là rất cần thiết trong thời gian tới. Đến năm 2020 nhu cầu bố trí thêm 08 nghĩa địa tập trung ở các xã. Nhu cầu đất sử dụng vào mục đích nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng dự báo khoảng 81,00 ha.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đến năm 2020 nhu cầu đất sinh hoạt cộng đồng cần xây dựng 14 nhà văn hóa các xã, ấp trên địa bàn huyện. Nhu cầu diện tích đất sinh hoạt cộng đồng đến năm 2020 khoảng 4,00 ha.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** đáp ứng nhu cầu đời sống tin thần, xây dựng công viên, khu vui chơi trên địa bàn huyện đến năm 2020, nhu cầu diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng khoảng 4,00 ha.

- **Đất tín ngưỡng:** Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2020 dự báo khoảng 5,00 ha.

### **2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

Sau khi cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất từ điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện phân bổ từng chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Hiện trạng tổng diện tích tự nhiên của huyện Cầu Ngang có 32.836,39 ha. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện vẫn không thay đổi so với hiện trạng, tuy nhiên trong cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp,

đất phi nông nghiệp đã có sự thay đổi để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, cụ thể:

**a) Các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp**

Sử dụng đất nông nghiệp theo hướng đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa nền nông nghiệp. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, trồng và bảo vệ rừng đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp có 27.012,50 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất nông nghiệp toàn huyện có 27.005,57 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 104,00 ha; TT. Mỹ Long có 177,63 ha; xã Kim Hòa có 2.047,93 ha; xã Hiệp Hòa có 2.063,12 ha; xã Vinh Kim có 2.569,93 ha; xã Mỹ Long Bắc có 1.600,05 ha; xã Mỹ Long Nam có 2.799,86 ha; xã Mỹ hòa có 1.573,52 ha; xã Thuận Hòa có 1.449,32 ha; xã Nhị Trườn có 2.549,41 ha; xã Trường Thọ có 2.038,73 ha; xã Long Sơn có 2.851,04 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 1.573,31 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1.564,23 ha và xã Thanh Hòa Sơn có 2.043,50 ha), chiếm 82,24% tổng diện tích tự nhiên, giảm 6,92 ha so với hiện trạng sử dụng.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất nông nghiệp không thay đổi so với hiện trạng có 26.605,67 ha. Tổng diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 406,82 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp; tổng diện tích tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 399,90 ha do nhận chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp (đất sông, rạch) để thực hiện điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ ven sông Cổ Chiên.

So với chỉ tiêu đất nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 26.799,00 ha. Đây là chỉ tiêu được xác định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ 206,57 ha, do quy hoạch rừng phòng hộ cấp sông Cổ Chiên (nhận chuyển mục đích từ đất sông, rạch sang đất rừng phòng hộ) nên quy hoạch đất nông nghiệp cấp huyện xác định cao hơn quy hoạch cấp tỉnh phân bổ.

**Bảng 17: Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 huyện Cầu Ngang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (NQ số 73/NQ-CP, Ngày 06/6/2018 )	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung	Diện tích ĐC.QHSDD đến năm 2020 (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.799,00</b>	<b>206,57</b>	<b>27.005,57</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.780,00	5,00	14.785,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>14.627,00</i>	<i>-342,00</i>	<i>14.285,00</i>
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>		<i>500,00</i>	<i>500,00</i>

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	537,00	-2,00	535,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.475,00	548,18	4.023,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.236,00	-	1.236,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.367,00	24,31	6.391,31
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH		35,08	35,08

Chi tiết từng chỉ tiêu đất nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 như sau:

- **Đất trồng lúa:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất trồng lúa có 14.937,83 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng lúa có 14.785,00 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 19,45 ha; TT. Mỹ Long có 32,84 ha; xã Kim Hòa có 1.618,88 ha; xã Hiệp Hòa có 1.438,74 ha; xã Vinh Kim có 1.545,39 ha; xã Mỹ Long Bắc có 960,02 ha; xã Mỹ Long Nam có 265,77 ha; xã Mỹ Hòa có 1.242,51 ha; xã Thuận Hòa có 873,96 ha; xã Nhị Trường có 2.000,14 ha; xã Trường Thọ có 1.781,64 ha; xã Long Sơn có 1.479,99 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 52,53 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 297,33 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 1.175,79 ha*), chiếm 45,03 % diện tích tự nhiên, giảm 152,83 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất trồng lúa không thay đổi so với hiện trạng có 14.785,00 ha. Diện tích đất trồng lúa giảm do chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 1,84 ha; đất nông nghiệp khác 0,64 ha; quốc phòng 2,24 ha; đất an ninh 0,74 ha; đất cụm công nghiệp 63,67 ha; đất thương mại-dịch vụ 1,32 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,85 ha; đất phát triển hạ tầng 65,36 ha; xử lý chất thải 1,83 ha; đất ở tại nông thôn 5,48 ha; đất ở tại đô thị 0,77 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 4,18 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,44 ha và đất sinh hoạt cộng đồng 0,47 ha.

So với chỉ tiêu đất trồng lúa điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định cao hơn chỉ tiêu phân bổ là 5,00 ha. Nguyên nhân, ĐCQH SDD cấp tỉnh có quy hoạch giảm diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích để phục vụ quy hoạch các công trình xác định cụ thể phân bổ trên địa bàn huyện và chuyển mục đích để tạo quỹ đất phát triển dự phòng cho một số chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện xác quy hoạch các công trình, dự án phi nông nghiệp cấp thiết từ cấp tỉnh phân bổ và nhu cầu sử dụng đất cấp huyện có diện tích quy mô, vị trí cụ thể, không quy hoạch quỹ đất dự phòng. Do đó, ĐCQH SDD huyện Cầu Ngang xác định đất trồng lúa cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch cấp tỉnh phân bổ là phù hợp, sát với nhu cầu sử dụng đất của huyện.

+ **Đất chuyên trồng lúa nước:** Diện tích đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn huyện chủ yếu tập trung ở cánh đồng phía Tây Quốc lộ 53 và một phần các xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Hòa, xã Vinh kim. Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất chuyên

trồng lúa nước có 9.870,32 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất chuyên trồng lúa nước có 14.285,00 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 7,74 ha; TT. Mỹ Long có 32,84 ha; xã Kim Hòa có 1.618,88 ha; xã Hiệp Hòa có 1.438,74 ha; xã Vinh Kim có 1.545,39 ha; xã Mỹ Long Bắc có 960,02 ha; xã Mỹ Long Nam có 91,89 ha; xã Mỹ Hòa có 1.242,51 ha; xã Thuận Hòa có 834,49 ha; xã Nhị Trường có 2.000,14 ha; xã Trường Thọ có 1.781,64 ha; xã Long Sơn có 1.468,68 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 47,72 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 38,51 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 1.175,79 ha), chiếm 43,50 % diện tích tự nhiên, tăng 4.414,68 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất chuyên trồng lúa nước không thay đổi so với hiện trạng có 9.754,52 ha. Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa nước tăng do nhận chuyên mục đích sử dụng từ đất trồng lúa nước còn lại 4.530,48 (chuyển đổi canh tác từ lúa 1 vụ sang lúa 2 vụ ở các xã có điều kiện tự nhiên còn đảm bảo thích hợp trồng lúa 2 vụ nằm phía Tây quốc lộ 53 và một phần các xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long và xã Mỹ Hòa). Đồng thời, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, đất chuyên trồng lúa nước cũng giảm 115,79 ha do quy hoạch chuyển mục đích sử dụng sang đất quốc phòng 1,94 ha; đất an ninh 0,74 ha; đất cụm công nghiệp 58,17 ha; đất thương mại-dịch vụ 0,74 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,85 ha; đất phát triển hạ tầng 43,49 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 1,83 ha; đất ở tại nông thôn 4,23 ha; đất ở tại đô thị 0,77 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 1,76 ha và đất sinh hoạt cộng đồng 0,27 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu đất chuyên trồng lúa nước cấp tỉnh phân bổ là 14.627,00 ha, do đó huyện đã rà soát tình hình sử dụng đất chuyên trồng lúa nước thực tế của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện và điều kiện tự nhiên các vùng thích hợp canh tác chuyên trồng lúa nước (thổ nhưỡng, thủy văn,...) cũng như nhu cầu quy hoạch xây dựng các công trình có sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước, qua đó quy hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định ưu tiên giảm diện tích đất chuyên trồng lúa nước để quy hoạch các công trình thiết yếu, diện tích còn lại tiếp tục canh tác lúa 2 vụ ở xã, thị trấn theo hiện trạng thống kê đất đai năm 2015 và cân đối chuyển đổi canh tác từ lúa 1 vụ sang lúa 2 vụ ở các xã có điều kiện thuận lợi nằm phía Tây quốc lộ 53 và một phần các xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long và xã Mỹ Hòa, tuy nhiên vẫn không đảm bảo đúng theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước quy hoạch cấp tỉnh phân bổ, thấp hơn 342,00 ha, các xã Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Thuận Hòa, Long Sơn có điều kiện tự nhiên (nguồn nước thường xuyên bị xâm nhiễm mặn vào mùa khô) nên chỉ đảm bảo canh tác lúa 1 vụ.

+ **Đất trồng lúa nước còn lại:** Diện tích đất trồng lúa nước còn lại trên địa bàn huyện chủ yếu tập trung ở cánh đồng phía Đông Quốc lộ 53. Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất trồng lúa nước còn lại có 5.067,51 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng lúa nước còn lại có 500,00 ha

(Trong đó: TT.Cầu Ngang có 11,71 ha; xã Mỹ Long Nam có 173,88 ha; xã Thuận Hòa có 39,47 ha; xã Long Sơn có 11,31 ha; xã Hiệp Mỹ Đông 4,81 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 258,82 ha), chiếm 1,52% diện tích tự nhiên, giảm 4.567,51 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất trồng lúa nước còn lại không thay đổi so với hiện trạng có 500,00 ha. Diện tích đất trồng lúa nước còn lại giảm do chuyển sang đất chuyên trồng lúa nước 4.530,48 ha (ở các xã Nhị Trường, Trường Thọ, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa, Kim Hòa, Long Sơn, Thanh Hòa Sơn, Thuận Hòa và Vinh Kim); đất nuôi trồng thủy sản 1,84 ha; đất nông nghiệp khác 0,64 ha; đất quốc phòng 0,30 ha; đất cụm công nghiệp 5,50 ha; đất thương mại dịch vụ 0,58 ha; đất phát triển hạ tầng 21,87 ha; đất ở tại nông thôn 1,25 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 4,18 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,68 ha và đất sinh hoạt cộng đồng 0,20 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất trồng cây hàng năm khác có 584,25 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng cây hàng năm khác có 535,00 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 1,38 ha; TT. Mỹ Long có 3,25 ha; xã Kim Hòa có 24,81 ha; xã Hiệp Hòa có 61,60 ha; xã Vinh Kim có 32,97 ha; xã Mỹ Long Bắc có 103,86 ha; xã Mỹ Long Nam có 52,98 ha; xã Mỹ hòa có 36,22 ha; xã Thuận Hòa có 29,31 ha; xã Nhị Trường có 25,71 ha; xã Trường Thọ có 14,45 ha; xã Long Sơn có 48,56 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 27,55 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 13,51 ha và xã Thanh Hòa Sơn có 58,85 ha), chiếm 1,63 % diện tích tự nhiên, giảm 49,25 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi so với hiện trạng có 535,00 ha. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 3,36 ha; đất quốc phòng 2,60 ha; đất cụm công nghiệp 19,37 ha; đất thương mại dịch vụ 0,20 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,46 ha; đất phát triển hạ tầng 11,27 ha; đất ở tại nông thôn 7,96 ha; đất ở tại đô thị 1,76 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,56 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,30 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,08 ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng có 0,33 ha.

So với chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện có 537 ha, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 2,00 ha. Nguyên nhân, do huyện xác định một số công trình, dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất trồng cây lâu năm có 4.252,12 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm có 4.023,18 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 39,12 ha; TT. Mỹ Long có 39,42 ha; xã Kim Hòa có 277,21 ha; xã Hiệp Hòa có 295,79 ha;



xã Vinh Kim có 556,49 ha; xã Mỹ Long Bắc có 235,48 ha; xã Mỹ Long Nam có 207,66 ha; xã Mỹ hòa có 271,26 ha; xã Thuận Hòa có 231,72 ha; xã Nhị Trường có 518,78 ha; xã Trường Thọ có 237,72 ha; xã Long Sơn có 496,89 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 188,03 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 205,60 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 222,02 ha), chiếm 12,25 % diện tích tự nhiên, giảm 228,93 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi so với hiện trạng có 4.023,18 ha. Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 86,38 ha (ở các vườn tạp, kém hiệu quả trên địa bàn các xã: Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Long Sơn, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây và Thạnh Hòa Sơn); quốc phòng 7,46 ha; đất an ninh 0,06 ha; đất cụm công nghiệp 32,92 ha; đất thương mại-dịch vụ 1,36 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 15,46 ha; đất phát triển hạ tầng 54,58 ha; đất ở tại nông thôn 20,82 ha; đất ở tại đô thị 4,58 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,22 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,23 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,90 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,60 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,37 ha.

So với chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 3.475,00 ha. Đây là chỉ tiêu được xác định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ là 548,18 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất rừng phòng hộ có 842,53 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất rừng phòng hộ có 1.236,00 ha (Trong đó: TT. Mỹ Long có 99,95 ha; xã Vinh Kim có 30,29 ha; xã Mỹ Long Bắc có 173,37 ha; xã Mỹ Long Nam có 932,39 ha), chiếm 3,76 % diện tích tự nhiên, tăng 393,47 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi so với hiện trạng có 842,53 ha. Diện tích đất rừng phòng hộ tăng do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất sông, rạch ven sông Cổ Chiên, của Cung Hầu và khu bãi bồi, nhằm phát triển rừng phòng hộ.

So với chỉ tiêu đất rừng phòng hộ điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định bằng với chỉ tiêu phân bổ là 1.236,00 ha, phát triển trồng rừng cặp sông Cổ Chiên, gần cửa Cung Hầu và khu vực bãi bồi giữ nhiệm vụ chính là chắn sóng, giảm bức xạ mặt trời và cải thiện môi trường không khí.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất nuôi trồng thủy sản có 6.370,06 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất nuôi trồng thủy sản có 6.391,31 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 44,05 ha; TT. Mỹ Long 2,17 ha; xã Kim Hòa có 126,68 ha; xã Hiệp Hòa có 266,38 ha; xã Vinh Kim có 404,79 ha; xã Mỹ Long Bắc có 127,32 ha; xã Mỹ Long Nam có 1.334,91 ha; xã Mỹ hòa có 23,44 ha; xã Thuận Hòa có 314,33 ha; xã Nhị Trường có 4,78 ha; xã Trường Thọ có 4,93 ha; xã Long Sơn có 797,72 ha; xã Hiệp Mỹ



Đông có 1.305,19 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1.047,79 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 586,83 ha), chiếm 19,46 % diện tích tự nhiên, tăng 21,25 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi so với hiện trạng có 6.303,10 ha. Tổng diện tích tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản là 88,21 ha, do nhận chuyển nhượng từ đất trồng cây lâu năm 86,38 ha, ở các khu vườn tạp, kém hiệu quả thích hợp nuôi trồng thủy sản (ở các xã: Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Long Sơn, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây và Thạnh Hòa Sơn); đất trồng lúa nước còn lại 1,84 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh đất nuôi trồng thủy sản cũng giảm 66,96 ha do chuyển sang đất quốc phòng 1,20 ha; đất cụm công nghiệp 0,50 ha; đất thương mại-dịch vụ 0,23 ha; đất phát triển hạ tầng 59,06 ha; đất ở tại nông thôn 1,66 ha; đất ở tại đô thị 3,88 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,26 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,17 ha.

So với chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 6.367,00 ha, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn chỉ tiêu phân bổ là 24,31 ha. Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch huyện được xác định bổ sung, huyện xác định giải pháp cải tạo đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm kém hiệu quả có diện tích nhỏ, nằm riêng lẻ chuyển sang nuôi trồng thủy sản ở những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi, từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng dần giá trị kinh tế ngành thủy sản trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- **Đất nông nghiệp khác:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất nông nghiệp khác có 25,72 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp khác có 35,08 ha (Trong đó: xã Kim Hòa có 0,36 ha; xã Hiệp Hòa có 0,61 ha; xã Mỹ Long Nam có 6,15 ha; xã Mỹ Hòa có 0,09 ha; xã Long Sơn có 27,87 ha), chiếm 0,11 % diện tích tự nhiên, tăng 9,36 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi so với hiện trạng có 25,58 ha. Diện tích đất nông nghiệp khác tăng 9,50 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất sông rạch 5,50 ha; đất trồng cây hàng năm khác 3,36 ha và đất trồng lúa nước còn lại 0,64 ha. Đồng thời, đất nông nghiệp khác cũng giảm 0,14 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất xây dựng trụ sở cơ quan.

Diện tích đất nông nghiệp khác tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là do quy hoạch 02 dự án:

- + Xây dựng vườn ươm giống bán ngập 5,50 ha, xã Mỹ Long Nam;
- + Dự án Khu Chăn nuôi tập trung (CT TNHH một thành viên trang trại Đức Duy) 4,00 ha, xã Long Sơn.

**b) Các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện quy hoạch nhiều công trình, dự án mang tầm chiến lược phát triển như các cụm công nghiệp chiếm quy mô, diện tích lớn; cơ sở an ninh, quốc phòng được ưu tiên đầu tư và cơ sở hạ tầng tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh.

Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp có 5.823,89 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất phi nông nghiệp toàn huyện có 5.830,82 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 94,06 ha; TT. Mỹ Long có 361,96 ha; xã Kim Hòa có 199,39 ha; xã Hiệp Hòa có 196,25 ha; xã Vinh Kim có 847,51ha; xã Mỹ Long Bắc có 1.006,89 ha; xã Mỹ Long Nam có 1.423,30 ha; xã Mỹ hòa có 180,74 ha; xã Thuận Hòa có 130,31 ha; xã Nhị Trường có 209,38 ha; xã Trường Thọ có 180,57 ha; xã Long Sơn có 269,28 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 193,82 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 293,25 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 244,12 ha), chiếm 17,76% tổng diện tích tự nhiên, tăng 6,92 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất phi nông nghiệp không thay đổi so với hiện trạng có 5.423,99 ha. Tổng diện tích tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 406,82 ha do nhận chuyển mục đích từ đất nông nghiệp; tổng diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 399,90 ha (đất sông, rạch) chuyển sang đất nông nghiệp để quy hoạch rừng phòng hộ và quy hoạch dự án vườn ươm bán ngập mặn ở xã Mỹ Long Nam.

**Bảng 18: Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2020 huyện Cầu Ngang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (NQ số 73/NQ-CP, Ngày 06/6/2018 )	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung	Diện tích ĐC.QHSDD đến năm 2020 (ha)
<b>1</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.037,00</b>	<b>-206,18</b>	<b>5.830,82</b>
1.1	Đất quốc phòng	CQP	20,00	-	20,00
1.2	Đất an ninh	CAN	5,00	-1,29	3,71
1.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	120,00	-	120,00
1.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,00	13,75	17,75
1.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,00	-2,84	26,16
1.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.741,00	-0,43	1.740,57
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,00	-0,75	9,25
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		0,09	0,09
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,00	-1,17	5,83

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (NQ số 73/NQ-CP, Ngày 06/6/2018)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung	Diện tích ĐC.QHSDD đến năm 2020 (ha)
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,00	-4,61	41,39
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	36,00	-15,58	20,42
	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		1,46	1,46
	Đất giao thông	DGT		637,51	637,51
	Đất thủy lợi	DTL		1.007,61	1.007,61
	Đất công trình năng lượng	DNL		6,55	6,55
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV		1,32	1,32
	Đất chợ	DCH		9,13	9,13
1.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,00	-0,24	6,76
1.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	307,00	-4,00	303,00
1.9	Đất ở tại đô thị	ODT	59,00	-	59,00
1.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,00	5,94	19,94
1.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	19,00	-13,02	5,98
1.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	105,00	0,21	105,21
1.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	82,00	-1,08	80,92
1.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		3,72	3,72
1.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		3,89	3,89
1.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		5,35	5,35
1.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		3.308,87	3.308,87

Chi tiết từng chỉ tiêu đất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 như sau:

So với chỉ tiêu đất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 6.033,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện không được xác định bổ sung. Tuy nhiên, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ 202,18 ha, do quy hoạch rừng phòng hộ khu bãi bồi cặp sông Cỏ Chiên, cửa Cung Hầu (*chuyển mục đích sử dụng từ đất sông, rạch sang đất rừng phòng hộ*) nên quy hoạch đất phi nông nghiệp cấp huyện xác định thấp hơn quy hoạch cấp tỉnh phân bổ.

- **Đất quốc phòng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất quốc phòng có 6,47 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất quốc phòng có 20,00 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 2,71 ha; TT. Mỹ Long có 3,21 ha; xã Mỹ Long Bắc 0,40 ha; xã Mỹ Long Nam có 2,01 ha; xã Nhị Trường có 1,00 ha; xã Long Sơn có 10,67 ha), chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, tăng 13,53 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất quốc phòng không thay đổi so với hiện trạng có 6,47ha. Diện tích đất quốc phòng tăng do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 2,24 ha; đất trồng cây hàng năm khác 2,60 ha; đất trồng cây lâu năm 7,46 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,20 ha và đất ở tại đô thị 0,03 ha.

Diện tích đất quốc phòng tăng do quy hoạch 06 công trình đất phục vụ quốc phòng trên địa bàn huyện.

**Bảng 19: Công trình đất quốc phòng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	1,00	Huyện Cầu Ngang
2	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	0,40	Huyện Cầu Ngang
3	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	0,50	Huyện Cầu Ngang
4	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	6,30	Huyện Cầu Ngang
5	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	1,33	Huyện Cầu Ngang
6	Đất phục vụ cho mục đích quốc phòng	4,00	Huyện Cầu Ngang

So với chỉ tiêu đất quốc phòng điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 20,00 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định bằng chỉ tiêu phân bổ.

- **Đất an ninh:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất an ninh có 4,06 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất an ninh có 3,71 ha (Trong đó: xã Hiệp Hòa có 0,27 ha; xã Mỹ hòa có 2,82 ha; xã Nhị Trường có 0,44 ha; xã Trường Thọ có 0,08 ha; xã Long Sơn có 0,10 ha), chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, giảm 0,35 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích an ninh không thay đổi so với hiện trạng có 2,91 ha. Tổng diện tích đất an ninh giảm là 1,15 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng là 0,95 ha (đất xây dựng cơ sở y tế 0,04 ha và đất chợ 0,91 ha) và đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đất an ninh tăng là 0,80 ha do nhận chuyển mục đích từ đất trồng lúa 0,74 ha; đất trồng cây lâu năm 0,06 ha.

Diện tích tăng là do quy hoạch 01 công trình phục vụ cho mục đích an ninh, diện tích 0,80 ha trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

So với chỉ tiêu đất an ninh điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 5,00 ha. Đây là chỉ tiêu cấp huyện không được xác định bổ sung, tuy nhiên vị trí trụ sở công an huyện cũ là 1,15 ha (quỹ đất giao về cho UBND huyện quản lý), huyện xác định quy hoạch chợ Cầu Ngang, vườn thuốc đông y, trụ sở Chi cục thuế huyện và một phần do điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh sử dụng số tròn đơn vị thập phân nên chỉ tiêu đất an ninh huyện xác định thấp hơn 1,29 ha so với chỉ tiêu phân bổ là phù hợp với tình hình sử dụng đất của huyện.

- **Đất cụm công nghiệp:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, huyện chưa có chỉ tiêu đất cụm công nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp có 120,00 ha (*Trong đó: xã Mỹ Long Bắc có 40,00 ha; xã Long Sơn có 40,00 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 40 ha*), chiếm 0,49 % diện tích tự nhiên, tăng 160,00 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp tăng do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 63,67 ha; đất trồng cây hàng năm khác 19,37 ha; đất trồng cây lâu năm 32,92 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,50 ha; đất phát triển hạ tầng 0,60 ha; đất ở tại nông thôn 2,85 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,09 ha.

Diện tích đất cụm công nghiệp tăng là do quy hoạch 03 cụm công nghiệp, cụ thể:

**Bảng 20: Công trình đất cụm công nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Cụm công nghiệp xã Long Sơn	40,00	Xã Long Sơn
2	Cụm công nghiệp xã Mỹ Long Bắc	40,00	Xã Mỹ Long Bắc
3	Cụm công nghiệp xã Hiệp Mỹ Tây	40,00	Xã Hiệp Mỹ Tây

So với chỉ tiêu đất cụm công nghiệp điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 120,00 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định bằng chỉ tiêu phân bổ.

- **Đất thương mại-dịch vụ:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất thương mại-dịch vụ có 1,84 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất thương mại-dịch vụ có 17,75 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 1,29 ha; TT. Mỹ Long có 0,01 ha; xã Kim Hòa có 0,39 ha; xã Hiệp Hòa có 0,15 ha; xã Vinh Kim có 0,08 ha; xã Mỹ Long Bắc có 13,01 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,25 ha; xã Mỹ hòa có 0,18 ha; xã Thuận Hòa có 0,83 ha; xã Nhị Trường có 0,18ha; xã Trường Thọ có 0,15 ha; xã Long Sơn có 0,27 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,23 ha; xã Hiệp Mỹ Tây*

có 0,56 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 0,15 ha), chiếm 0,05 % diện tích tự nhiên, tăng 15,91 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất thương mại-dịch vụ không thay đổi so với hiện trạng 1,84 ha. Tổng diện tích đất thương mại-dịch vụ tăng là 15,91 ha do nhận chuyển mục đích từ đất trồng lúa 1,32 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,20 ha; đất trồng cây lâu năm 1,36 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,23 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,64 ha; đất chợ 0,05 ha; đất ở tại nông thôn 0,11 ha và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 12,00 ha.

Diện tích tăng là do quy hoạch xây dựng các công trình thương mại-dịch vụ sau:

**Bảng 21: Công trình đất thương mại-dịch vụ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (02 điểm) xã Mỹ Long Bắc	0,30	Xã Mỹ Long Bắc
2	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (01 điểm) xã Thạnh Hòa Sơn	0,15	Xã Thạnh Hòa Sơn
3	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (01 điểm) xã Trường Thọ	0,15	Xã Trường Thọ
4	Cơ sở kinh doanh xăng dầu trên đường HL 20 ấp Huyền	0,20	xã Long Sơn
5	Cơ sở kinh doanh xăng dầu trên đường HL 23	0,20	xã Mỹ Long Nam
6	Khu thương mại - dịch vụ xã Thuận Hòa	0,83	Xã Thuận Hòa
7	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (04 điểm) xã Hiệp Mỹ Tây	0,40	Xã Hiệp Mỹ Tây
8	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (03 điểm) xã Hiệp Hòa	0,15	Xã Hiệp Hòa
9	Cơ sở kinh doanh xăng dầu (04 điểm) xã Hiệp Mỹ Đông	0,23	Xã Hiệp Mỹ Đông
10	Cơ sở thương mại dầu khí Petrol Life 1	0,39	xã Kim Hòa
11	Cơ sở thương mại dầu khí Petrol Life 6	0,07	Xã Long Sơn
12	Trung tâm thương mại huyện Cầu Ngang	0,64	TT. Cầu Ngang
13	khu thương mại dịch vụ (khu Vàm Lầu)	12,20	Xã Mỹ Long Bắc

So với chỉ tiêu đất thương mại - dịch vụ điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 4,00 ha. Đây là chỉ tiêu được xác định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ 13,75 ha để bố trí xây dựng các cơ sở thương mại - dịch vụ trên.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 7,34 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 26,16 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,44 ha; TT. Mỹ Long có 5,50 ha; xã Kim Hòa 0,53 ha; xã Vinh Kim có 3,49 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,20 ha; xã Mỹ hòa có 5,18 ha; xã Thuận*



Hòa có 2,90 ha; xã Long Sơn có 5,65 ha xã Hiệp Mỹ Tây có 2,27 ha), chiếm 0,08% diện tích tự nhiên, tăng 18,82 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi so với hiện trạng 6,70 ha. Tổng diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng là 19,46 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 1,85 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,46 ha; đất trồng cây lâu năm 15,46 ha; đất ở tại nông thôn 0,19 ha và đất ở tại đô thị 0,50 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh cũng giảm 0,64 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất thương mại - dịch vụ.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng là do quy hoạch các công trình cụ thể sau:

**Bảng 22: Công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Công ty may Trà Cuôn	0,50	Xã Vinh Kim
2	Lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, xã Thuận Hòa	2,00	Xã Thuận Hòa
3	Lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, xã Hiệp Mỹ Tây	2,00	Xã Hiệp Mỹ Tây
4	Khu sản xuất kinh doanh, thị trấn Mỹ Long	5,50	TT. Mỹ Long
5	Lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, xã Mỹ Long Bắc	0,20	Xã Mỹ Long Bắc
6	Lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, xã Kim Hòa	0,53	Xã Kim Hòa
7	Khu sản xuất kinh doanh tập trung xã Thuận Hòa	0,90	Xã Thuận Hòa
8	Công ty may (Dự án sản xuất hàng may mặc của Woo Sung Global Vina)	2,96	Xã Vinh Kim
9	Khu sản xuất kinh doanh, xã Mỹ Hòa	4,87	xã Mỹ Hòa
10	Công ty cổ phần khoa học nông nghiệp Minh Trân (Cho thuê sử dụng vào mục đích (CL)N+SKC)), dt 27,65 ha	0,03	Xã Long Sơn

So với chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 29,00 ha. Đây là chỉ tiêu được xác định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ 2,84 ha. Nguyên nhân, huyện đã bố trí quy hoạch các công trình đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cụ thể của cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn, tuy nhiên huyện xác định không bố trí quỹ đất phát triển dự phòng cho chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất phát triển hạ tầng có 1.546,07 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất phát triển hạ tầng có 1.740,57 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 36,67 ha; TT. Mỹ Long có 22,83 ha; xã Kim Hòa có 137,18 ha; xã Hiệp Hòa có 153,85 ha; xã Vinh Kim có 141,56ha; xã Mỹ Long Bắc có 68,11 ha; xã Mỹ Long Nam có 164,89 ha; xã Mỹ hòa có 91,72 ha; xã Thuận Hòa có 76,07 ha; xã Nhị Trường có 157,41 ha; xã Trường Thọ có 147,13 ha; xã Long Sơn có 124,91 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 91,78 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 150,54 ha và xã Thanh Hòa Sơn có 174,93 ha*), chiếm 5,30 % diện tích tự nhiên, tăng 194,50 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất phát triển hạ tầng không thay đổi so với hiện trạng có 1.543,12 ha. Tổng diện tích đất phát triển hạ tầng tăng là 197,45 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 65,36 ha; đất trồng cây hàng năm khác 11,27 ha; đất trồng cây lâu năm 54,58 ha; đất nuôi trồng thủy sản 59,06 ha; đất an ninh 0,95 ha; đất ở tại nông thôn 1,36 ha; đất rừng phòng hộ 0,93 ha; đất ở tại đô thị 3,19 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,59 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,04 ha và đất sông rạch 0,12 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất phát triển hạ tầng cũng giảm 2,95 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất cụm công nghiệp 0,60 ha; đất thương mại-dịch vụ 0,05 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,95 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,21 ha; đất xây dựng khu vui chơi, giải trí công cộng 1,14 ha.

So với chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 1.741,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 0,43 ha.

Chi tiết từng chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 như sau:

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng cơ sở văn hóa có 3,87 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa có 9,25 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,39 ha; TT. Mỹ Long có 0,21 ha; xã Kim Hòa có 0,02 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,02 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,24 ha; xã Mỹ hòa có 1,70 ha; xã Thuận Hòa có 0,01 ha; xã Nhị Trường có 6,38 ha; xã Trường Thọ có 0,13 ha; xã Long Sơn có 0,05 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,11 ha*), chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, tăng 5,38 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích xây dựng cơ sở văn hóa không thay đổi so với hiện trạng có 3,57 ha. Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng là 5,68 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 2,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,78 ha; đất trồng cây lâu năm 1,57 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,17 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,10 ha; đất thủy lợi 0,02 ha;

đất ở tại nông thôn 0,04 ha. Đồng thời, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất xây dựng cơ sở văn hóa giảm 0,30 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,30 ha.

Diện tích tăng là do quy hoạch xây dựng 05 công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa, cụ thể:

**Bảng 23: Công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Thư viện huyện	0,10	TT.Cầu Ngang
2	Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi	1,70	Xã Mỹ Hòa
3	Nhà Bia tưởng niệm	-	TT.Cầu Ngang
4	Nhà Bia tưởng niệm	0,02	Xã Kim Hòa
5	Khu Bào Dài	3,86	Xã Nhị Trường

So với chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 10,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 0,75 ha, phù hợp với nhu cầu quy hoạch xây dựng các công trình cơ sở văn hóa trên địa bàn huyện cũng như khả năng đầu tư xây dựng của ngành đến năm 2020.

+ **Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội chưa có. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội có 0,09 ha (*Trong đó xã Kim Hòa có 0,09 ha*).

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội tăng 0,09 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất xây dựng trụ sở cơ quan.

Diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội tăng là do quy hoạch xây dựng Nhà dưỡng lão 0,09 ha thuộc xã Kim Hòa.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng cơ sở y tế có 4,56 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế có 5,83 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 2,81 ha; TT. Mỹ Long có 0,11 ha; xã Kim Hòa có 0,13 ha; xã Hiệp Hòa có 0,82 ha; xã Vinh Kim có 0,08 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,20 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,10 ha; xã Mỹ hòa có 0,30 ha; xã Thuận Hòa có 0,10 ha; xã Nhị Trường có 0,14 ha; xã Trường Thọ có 0,29 ha; xã Long Sơn có 0,14 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,11 ha; xã Hiệp Mỹ Tây*

có 0,39 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 0,11 ha), chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, tăng 1,27 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích xây dựng cơ sở y tế không thay đổi so với hiện trạng có 4,18 ha. Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng là 1,65 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 0,67 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,01 ha; đất trồng cây lâu năm 0,73 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha; đất an ninh 0,04 ha; đất thủy lợi 0,15 ha và đất ở tại đô thị 0,01 ha. Đồng thời, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất xây dựng cơ sở y tế giảm 0,38 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,10 ha; đất thủy lợi 0,10 ha; đất chợ 0,03 ha và đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,15 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế quy hoạch thực hiện làm mới, mở rộng và nâng cấp 9 công trình, cụ thể:

**Bảng 24: Công trình đất xây dựng cơ sở y tế điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang	1,00	Huyện Cầu Ngang
2	Trung tâm y tế huyện Cầu Ngang	-	xã Mỹ Hòa
3	Trạm y tế xã Hiệp Mỹ Tây	0,20	Xã Hiệp Mỹ Tây
4	Cơ sở phục hồi chức năng	-	TT.Cầu Ngang
5	Vườn thuốc hội đồng y	0,04	TT.Cầu Ngang
6	Trạm y tế xã Hiệp Mỹ Đông	0,03	Xã Hiệp Mỹ Đông
7	Trạm y tế xã Mỹ Long Bắc	0,18	Xã Mỹ Long Bắc
8	Trạm y tế xã Thuận Hòa	0,09	Xã Thuận Hòa
9	Trạm y tế xã Trường Thọ	0,11	Xã Trường Thọ

So với chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 7,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 1,17 ha, phù hợp với nhu cầu quy hoạch xây dựng các công trình cơ sở y tế trên địa bàn huyện cũng như khả năng đầu tư xây dựng của ngành đến năm 2020.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có 36,73 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có 41,39 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 3,40 ha; TT. Mỹ Long có 1,38 ha; xã Kim

Hòa có 2,08 ha; xã Hiệp Hòa có 2,24 ha; xã Vinh Kim có 4,23 ha; xã Mỹ Long Bắc có 3,64 ha; xã Mỹ Long Nam có 2,69 ha; xã Mỹ hòa có 1,87 ha; xã Thuận Hòa có 2,41 ha; xã Nhị Trường có 2,94 ha; xã Trường Thọ có 3,12 ha; xã Long Sơn có 3,25 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 2,33 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 3,44 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 2,36 ha), chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên, tăng 4,66 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi so với hiện trạng có 36,72 ha. Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng là 4,67 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 2,21 ha; đất trồng cây lâu năm 1,93 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,20 ha; đất ở tại nông thôn 0,03 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,30 ha. Đồng thời, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 0,01 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất giao thông 0,01 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo quy hoạch làm mới, mở rộng và nâng cấp 26 công trình, cụ thể:

**Bảng 25: Công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Trường tiểu học HMT A mở rộng	0,10	Xã Hiệp Mỹ Tây
2	Trường Trung học cơ sở thị trấn Cầu Ngang	-	TT.Cầu Ngang
3	Trường Tiểu học Hiệp Hòa B	0,10	Xã Hiệp Hòa
4	Trường Tiểu học Hiệp Hòa C	0,10	xã Hiệp Hòa
5	Trường Mẫu giáo ấp Đồng Cò	0,12	Xã Hiệp Mỹ Đông
6	Trường Mẫu giáo ấp Hậu Bồi	0,12	Xã Hiệp Mỹ Đông
7	Trường Mẫu giáo ấp Chợ Hiệp Mỹ Tây	0,30	Xã Hiệp Mỹ Tây
8	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hòa	0,08	Xã Mỹ Hòa
9	Trường Mẫu giáo Mỹ Hòa	0,14	Xã Mỹ Hòa
10	Trường Mầm non	0,20	Xã Mỹ Long Bắc
11	Trường Mẫu giáo ấp Nhất	0,05	Xã Mỹ Long Nam
12	Trường Mẫu giáo Mỹ Long Nam (điểm ấp Ba)	0,50	Xã Mỹ Long Nam
13	Trường Mẫu giáo ấp Nô Lụa B	0,10	Xã Nhị Trường
14	Trường MG ấp Tân Hiệp	0,05	Xã Kim Hòa

15	Trường Mẫu giáo ấp Bông Ven	0,10	Xã Nhị Trùng
16	Trường Mẫu giáo Cầu Vĩ	0,10	Xã Thạnh Hòa Sơn
17	Trường Mẫu giáo Sóc Chuối	0,13	Xã Thạnh Hòa Sơn
18	Trường Mẫu giáo Thạnh Hòa Sơn	0,10	Xã Thạnh Hòa Sơn
19	Trường Mẫu giáo Lạc Sơn	0,20	Xã Thạnh Hòa Sơn
20	Trường trung học cơ sở Thạnh Hòa Sơn	0,20	xã Thạnh Hòa Sơn
21	Trường Tiểu học Thạnh Hòa Sơn A	0,30	xã Thạnh Hòa Sơn
22	Trường Tiểu học Thuận Hòa	-	Xã Thuận Hòa
23	Trường Mẫu giáo ấp Rạch	0,16	Xã Thuận Hòa
24	Trường Trung học cơ sở Trường Thọ	0,20	Xã Trường Thọ
25	Trường Mẫu giáo Trường Thọ	0,93	Xã Trường Thọ
26	Trường THCS Vinh Kim	0,29	Xã Vinh Kim

So với chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 46,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 4,61 ha, phù hợp với nhu cầu quy hoạch xây dựng các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện cũng như khả năng đầu tư xây dựng của ngành đến năm 2020.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao có 11,87 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao có 20,42 ha (Trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,33 ha; TT. Mỹ Long có 0,49 ha; xã Kim Hòa có 1,20 ha; xã Hiệp Hòa có 1,66 ha; xã Vinh Kim có 1,65 ha; xã Mỹ Long Bắc có 1,01 ha; xã Mỹ Long Nam có 1,11 ha; xã Mỹ hòa có 3,74 ha; xã Thuận Hòa có 1,03 ha; xã Nhị Trùng có 1,00 ha; xã Trường Thọ có 1,46 ha; xã Long Sơn có 2,65 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 1,40 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1,18 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 0,50 ha), chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, tăng 8,55 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích xây dựng cơ sở thể dục thể thao không thay đổi so với hiện trạng có 9,97 ha. Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao tăng là 10,45 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 5,04 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,50 ha; đất trồng cây lâu năm 2,63 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,00 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,30 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha và đất ở tại đô thị 0,05 ha. Đồng thời, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất giáo dục và đào tạo giảm 1,90 ha do chuyển mục đích



sử dụng sang đất xây dựng sinh hoạt cộng đồng 0,04 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,87 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,99 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao quy hoạch làm mới, mở rộng và nâng cấp 11 công trình, cụ thể:

**Bảng 26: Công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Khu thể thao thị trấn Mỹ Long	0,60	TT. Mỹ Long
2	Khu thể thao cấp xã, xã Mỹ Long Bắc	1,00	Xã Mỹ Long Bắc
3	Khu thể thao cấp xã, xã Hiệp Hòa	1,00	Xã Hiệp Hòa
4	Khu thể thao cấp xã, xã Hiệp Mỹ Đông	1,40	Xã Hiệp Mỹ Đông
5	Khu thể thao cấp xã, xã Kim Hòa	1,20	Xã Kim Hòa
6	Khu thể thao cấp xã, xã Long Sơn	1,10	Xã Long Sơn
7	Khu thể thao cấp xã, xã Thuận Hòa	0,80	Xã Thuận Hòa
8	Khu thể thao cấp xã, xã Trường Thọ	0,35	Xã Trường Thọ
9	Khu thể thao cấp xã, xã Vinh Kim	1,00	Xã Vinh Kim
10	Khu thể thao cấp xã, xã Hiệp Mỹ Tây	1,00	Xã Hiệp Mỹ Tây
11	Khu thể thao cấp xã, xã Nhị Trường	1,00	Xã Nhị Trường

So với chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục và thể thao điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 36,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 15,58 ha, phù hợp với nhu cầu quy hoạch xây dựng các công trình cơ sở thể dục và thể thao trên địa bàn huyện cũng như khả năng đầu tư xây dựng của ngành đến năm 2020.

+ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất công trình sự nghiệp khác có 1,46 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác sử dụng ổn định diện tích 1,46 ha, không biến động so với đầu kỳ năm 2015.

+ **Đất giao thông:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất giao thông có 553,53 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất giao thông có 637,51 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 16,07 ha; TT. Mỹ Long có 17,83 ha; xã Kim Hòa có 24,02 ha; xã Hiệp Hòa có 60,39 ha; xã Vinh Kim có 58,08ha; xã Mỹ Long Bắc có 33,99 ha; xã Mỹ Long Nam có 50,49 ha; xã Mỹ Hòa có 26,75 ha; xã Thuận Hòa có 21,88 ha; xã Nhị Trường có 56,57 ha; xã Trường Thọ có 47,31 ha; xã Long Sơn có 53,64 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 22,01 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 78,87

ha; xã Thanh Hòa Sơn có 69,60 ha), chiếm 1,94% diện tích tự nhiên, tăng 83,98 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất giao thông không thay đổi so với hiện trạng có 553,53 ha, diện tích tăng do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 24,03 ha; đất trồng cây hàng năm khác 8,08 ha; đất trồng cây lâu năm 32,18 ha; đất nuôi trồng thủy sản 17,21 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 1,17 ha; đất ở tại đô thị 1,28 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giao thông dự kiến thực hiện làm mới, mở rộng và nâng cấp 84 công trình, dự án (*Chi tiết tại phụ lục Biểu 10/CH: danh mục công trình dự án thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020 của huyện Cầu Ngang*).

+ **Đất thủy lợi:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất thủy lợi có 923,35 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất thủy lợi có 1.007,61 ha (*trong đó: TT. Cầu Ngang có 11,91 ha; TT. Mỹ Long có 2,09 ha; xã Kim Hòa có 108,88 ha; xã Hiệp Hòa có 87,48 ha; xã Vinh Kim có 77,14 ha; xã Mỹ Long Bắc có 27,07 ha; xã Mỹ Long Nam có 108,28 ha; xã Mỹ Hòa có 56,73 ha; xã Thuận Hòa có 50,62 ha; xã Nhị Trường có 89,27 ha; xã Trường Thọ có 93,23 ha; xã Long Sơn có 63,49ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 65,30 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 65,04 ha; xã Thanh Hòa Sơn có 101,07 ha*), chiếm 3,07% diện tích tự nhiên, tăng 84,26 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất thủy lợi không thay đổi so với hiện trạng có 922,50 ha. Tổng diện tích tăng 85,11 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 28,84 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,84 ha; đất trồng cây lâu năm 11,78 ha; đất rừng phòng hộ 0,93 ha; đất nuôi trồng thủy sản 39,31 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,10 ha; đất chợ 0,30 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha; đất ở tại đô thị 1,83 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,15 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất thủy lợi cũng giảm 0,85 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất cụm công nghiệp 0,60 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,15 ha và đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thủy lợi quy hoạch làm mới, mở rộng và nâng cấp 55 công trình (*Chi tiết tại phụ lục Biểu 10/CH: danh mục công trình dự án thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020 của huyện Cầu Ngang*).

+ **Đất công trình năng lượng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất công trình năng lượng có 3,20 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất công trình năng lượng có 6,55 ha (*trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,25 ha; xã Mỹ Long Nam có 1,30 ha; xã Nhị Trường có 1,20 ha; xã Trường Thọ có 0,81 ha; xã Long Sơn có 1,15 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,11 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1,30 ha;*

xã Thạnh Hòa Sơn có 0,42 ha). Chiếm 0,02% diện tích tự nhiên, tăng 3,35 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất công trình năng lượng không thay đổi so với hiện trạng có 3,20 ha, diện tích tăng do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 0,60 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha; đất trồng cây lâu năm 2,63 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,07 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất công trình năng lượng quy hoạch 03 công trình, cụ thể:

**Bảng 27: Công trình đất công trình năng lượng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Trạm 110 kv + đường dây 110 Kv	0,64	Xã Long Sơn
2	Đường điện 110 Kv (Cầu Ngang - Phong điện 5)	0,11	Huyện Cầu Ngang
3	Đường dây 22 Kv huyện Cầu Ngang	2,60	Huyện Cầu Ngang

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất công trình bưu chính viễn thông có 1,12 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất công trình bưu chính viễn thông có 1,32 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,16 ha; TT. Mỹ Long có 0,02 ha; xã Kim Hòa có 0,22 ha; xã Hiệp Hòa có 0,04 ha; xã Vinh Kim 0,07 ha; xã Mỹ Long Bắc 0,13 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,14 ha; xã Mỹ Hòa có 0,11 ha; xã Thuận Hòa có 0,01 ha; xã Nhị Trường có 0,14 ha; xã Trường Thọ có 0,07 ha; xã xã Hiệp Mỹ Đông có 0,08 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 0,05 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 0,08 ha), tăng 0,20 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông không thay đổi so với hiện trạng có 1,12 ha, diện tích tăng 0,20 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 0,01 ha; đất trồng cây lâu năm 0,08 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha và đất ở tại đô thị 0,02 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất công trình bưu chính viễn thông quy hoạch làm mới 03 công trình, cụ thể:

**Bảng 28: Công trình đất công trình bưu chính viễn thông điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Anten phòng chống bão	0,10	Xã Mỹ Long Bắc
2	Nhà lắp đặt tổng đài	0,05	Xã Nhị Trường

3	Nhà lắp đặt tổng đài	0,05	Hiệp Mỹ Đông
4	Trụ sở làm việc của chi nhánh Viettel Trà Vinh	0,03	TT.Cầu Ngang

+ **Đất chợ:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất chợ có 6,38 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất chợ có 9,13 ha (*trong đó: TT. Cầu Ngang có 1,33 ha; TT. Mỹ Long có 0,70 ha; xã Kim Hòa có 0,54 ha; xã Hiệp Hòa có 1,22 ha; xã Vinh Kim có 0,32 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,60 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,53 ha; xã Mỹ Hòa có 0,51 ha; xã Nhị Trường có 0,78 ha; xã Trường Thọ có 0,70 ha; xã Long Sơn có 0,52 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,32 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 0,27 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 0,79 ha*), chiếm 0,03 % tổng diện tích tự nhiên, tăng 2,76 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất chợ không thay đổi so với hiện trạng có 5,86 ha. Tổng diện tích đất chợ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tăng 3,28 ha, do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 1,06 ha; đất trồng cây lâu năm 1,05 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha; đất an ninh 0,91 ha; đất cơ sở y tế 0,03 ha; đất ở tại nông thôn 0,07 ha và đất sông, rạch 0,12 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất chợ cũng giảm 0,52 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất thương mại-dịch vụ 0,05 ha; đất thủy lợi 0,30 ha và đất sinh hoạt cộng đồng 0,17 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất chợ quy hoạch làm mới, mở rộng, nâng cấp 12 công trình, cụ thể:

**Bảng 29: Công trình đất chợ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Chợ xã Mỹ Long Bắc (ấp Nhứt A)	0,25	Xã Mỹ Long Bắc
2	Chợ ấp Phiêu xã Hiệp Hòa	0,20	Xã Hiệp Hòa
3	Chợ xã Thạnh Hòa Sơn	0,60	Xã Thạnh Hòa Sơn
4	Chợ Mỹ Hòa (điểm Cẩm Hương)	0,30	Xã Mỹ Hòa
5	Chợ xã Kim Hòa	0,37	Xã Kim Hòa
6	Chợ xã Trường Thọ	0,30	Xã Trường Thọ
7	Chợ huyện Cầu Ngang	0,91	TT.Cầu Ngang
8	chợ xã Vinh Kim	0,07	Xã Vinh Kim
9	Mở rộng chợ Thị trấn Mỹ Long	0,05	TT.Mỹ Long
10	Mở rộng chợ xã Mỹ Long Bắc	0,03	xã Mỹ Long Bắc
11	Chợ ấp Là Ca xã Nhị Trường	0,20	Xã Nhị Trường

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất bãi thải, xử lý chất thải có 4,93 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất bãi thải, xử lý chất thải có 6,76 ha (*trong đó: TT. Mỹ Long có 0,23 ha; xã Kim Hòa có 0,50 ha; xã Hiệp Hòa có 0,14 ha; xã Mỹ Long Bắc 2,45ha; xã Thuận Hòa có 1,94 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 1,50 ha*), chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,83 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải không thay đổi so với hiện trạng có 4,93 ha. Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 1,83 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải quy hoạch xây dựng bãi rác tập trung cụm xã Thạnh Hòa Sơn-Hiệp Mỹ Tây-Long Sơn, diện tích 1,50 ha tại xã Thạnh Hòa Sơn và Mở rộng bãi rác trung chuyển xã Kim Hòa, diện tích 0,33 ha tại xã Kim Hòa.

So với chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 7,00 ha. Điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định đúng theo định hướng quy hoạch cấp tỉnh, tuy nhiên còn lệch thấp hơn 0,24 ha do điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh sử dụng số tròn đơn vị thập phân.

- **Đất ở tại nông thôn:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất ở tại nông thôn có 271,95 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn đến năm 2020 có 303,00 ha (*Trong đó: xã Kim Hòa có 25,55 ha; xã Hiệp hòa có 22,65 ha; xã Vinh Kim có 52,49 ha; xã Mỹ Long Bắc có 23,04 ha; xã Mỹ Long Nam có 13,46 ha; xã Mỹ Hòa có 20,71 ha; xã Thuận Hòa có 21,60 ha; xã Nhị Trường có 23,93 ha; xã Trường Thọ có 16,90 ha; xã Long Sơn 29,78 ha; xã Hiệp Mỹ Đông 15,27 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 20,24 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 17,38 ha*), chiếm 0,92% diện tích tự nhiên, tăng 31,05 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn đến năm 2020, diện tích đất không thay đổi so với hiện trạng có 267,07 ha. Tổng diện tích đất ở tại nông thôn tăng là 35,93 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 5,48 ha; đất trồng cây hàng năm khác có 7,96 ha; đất trồng cây lâu năm 20,82 ha; đất nuôi trồng thủy sản có 1,66 ha và đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,01 ha. Đồng thời điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất ở tại nông thôn cũng giảm 4,88 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cụm công nghiệp 2,85 ha; đất thương mại-dịch vụ 0,11 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,19 ha; đất cơ sở văn hóa 0,04 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,03 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,02 ha; đất giao thông 1,17 ha; đất thủy lợi 0,01 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,02 ha; đất chợ 0,07 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,30 ha và đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,05 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha.



Diện tích đất ở tại nông thôn tăng là do bố trí 02 Dự án di dân sạt lở xã Mỹ Long Bắc, xã Vinh Kim và đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của nhân dân (ở các khu dân cư nông thôn hiện hữu, cấp các tuyến đường giao thông, sông, kênh, rạch chính).

So với chỉ tiêu đất ở tại nông thôn điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 307,00 ha, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn chỉ tiêu cấp trên phân bổ 4,00 ha. Điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định đúng theo định hướng quy hoạch cấp tỉnh bố trí 02 dự án di dân sạt lở ở xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc. Ngoài ra, huyện còn xác định bổ sung quy đất ở trong ranh giới khu dân cư nông thôn để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, huyện xác định không bố trí thêm quỹ đất dự phòng cho chỉ tiêu đất ở tại nông thôn.

- **Đất ở tại đô thị:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất ở tại đô thị có 52,01 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ở tại đô thị đến năm 2020 có 59,00 ha (*Trong đó: TT. Cầu Ngang có 35,44 ha; TT. Mỹ Long có 23,56 ha*), chiếm 0,18 % diện tích tự nhiên, tăng 6,99 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ở tại đô thị đến năm 2020, diện tích đất không thay đổi so với hiện trạng có 48,01 ha. Tổng diện tích đất ở tại đô thị tăng là 10,99 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 0,77 ha; đất trồng cây hàng năm khác có 1,76 ha; đất trồng cây lâu năm 4,58 ha; đất nuôi trồng thủy sản có 3,88 ha. Đồng thời điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đất ở tại đô thị cũng giảm 4,00 ha do chuyển mục đích sang đất quốc phòng 0,03 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,02 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,50 ha; đất cơ sở y tế 0,01 ha; đất thể dục thể thao 0,05 ha; đất giao thông 1,28 ha, đất thủy lợi 1,83 h; đất công trình bưu chính viễn thông 0,02 ha và đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,28 ha.

Diện tích đất ở tại đô thị tăng là do đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của nhân dân ở 02 đô thị trên địa bàn huyện (TT. Cầu Ngang và TT. Mỹ Long).

So với chỉ tiêu đất ở tại đô thị điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 59,00 ha, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định bằng với chỉ tiêu quy hoạch cấp tỉnh phân bổ.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng trụ sở cơ quan có 12,93 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất xây dựng trụ sở cơ quan có 19,94 ha (*trong đó: TT. Cầu Ngang có 5,45 ha; TT. Mỹ Long có 0,33 ha; xã Kim Hòa có 1,73 ha; xã Hiệp Hòa có 0,41 ha; xã Vinh Kim có 0,76 ha; xã Mỹ Long Bắc có 1,34 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,30 ha; xã Mỹ Hòa có 5,42 ha; xã Thuận Hòa có 0,27 ha; xã Nhị Trường có 1,43 ha; xã Trường Thọ có 0,54 ha; xã Long Sơn có 0,39 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,42 ha; xã Hiệp*



Mỹ Tây có 0,62 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 0,51 ha), chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, tăng 7,01 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi so với hiện trạng có 11,75 ha. Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tăng 8,19 ha, do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 4,18 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,56 ha; đất trồng cây lâu năm 1,22 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,26 ha; đất nông nghiệp khác 0,14 ha; đất an ninh 0,20 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,87 ha; đất thủy lợi 0,08 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,10 ha; đất ở tại nông thôn 0,30 ha; đất ở tại đô thị 0,28 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đất xây dựng trụ sở cơ quan cũng giảm 1,18 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,59 ha; đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 0,09 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,30 ha; đất thủy lợi 0,15 ha và đất công trình bưu chính viễn thông 0,05 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan quy hoạch làm mới, mở rộng, nâng cấp 12 công trình, cụ thể:

**Bảng 30: Công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Trụ sở Hạt kiểm lâm liên huyện Cầu Ngang-Châu Thành	0,05	Huyện Cầu Ngang
2	Các công trình hành chính của huyện: trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Cầu ngang, UBND huyện,..	6,11	TT. Cầu Ngang
3	Chi Cục thuế huyện Cầu Ngang	0,20	xã Mỹ Hòa
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Trường Thọ	-	TT. Cầu Ngang
5	Đất ủy ban xã quản lý (bãi tập xã Kim Hòa)	0,49	Xã Trường Thọ
6	Nâng cấp khu hành chính xã Mỹ Hòa	-	Xã Kim Hòa
7	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Mỹ Tây	-	Xã Mỹ Hòa
8	Khu quản lý hành chính tập trung xã Mỹ Long Bắc	1,06	Xã Hiệp Mỹ Tây
9	Mở rộng trụ sở ủy ban nhân dân xã Trường Thọ	0,21	Xã Mỹ Long Bắc
10	Trụ sở ủy ban nhân dân xã Hiệp Mỹ Đông	0,07	Xã Trường Thọ
11	Nâng cấp khu quản lý hành chính tập trung xã Long Sơn	-	Xã Hiệp Mỹ Đông
12	Nâng cấp khu quản lý hành chính tập trung xã Thạnh Hòa Sơn	-	Xã Long Sơn

So với chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 14,00 ha, điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định cao hơn 5,94 ha với chỉ tiêu quy hoạch cấp tỉnh phân bổ để quy hoạch các công trình trên.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có 17,98 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp sử dụng ổn định diện tích 5,98 ha (*trong đó: TT. Mỹ Long có 0,10 ha và xã Mỹ Long Bắc 5,88 ha*), chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, giảm 12,00 so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp không thay đổi so với hiện trạng có 5,98 ha. Tổng diện tích đất giảm là 12,00 ha do chuyển mục đích sử dụng sang đất thương mại, dịch vụ.

So với chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 19,00 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 13,02 ha. Nguyên nhân do không có nhu cầu đăng ký xây dựng mở rộng diện tích hoặc xây mới đối với đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp trên địa bàn huyện, đồng thời do nhu cầu đầu tư các loại hình thương mại dịch vụ tại Vàm Lầu 12,00 ha nên chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp xác định thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 13,02 ha là phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất cơ sở tôn giáo có 104,98 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cơ sở tôn giáo đến năm 2020 giữ sử dụng ổn định 105,21 ha (*trong đó: thị trấn Cầu Ngang có 1,64 ha; thị trấn Mỹ Long có 0,27 ha; xã Kim Hòa có 7,26 ha; xã Hiệp Hòa 12,12 ha; xã Vinh Kim có 5,21 ha; xã Mỹ Long Bắc có 2,25 ha; xã Mỹ Long Nam 0,21 ha; xã Mỹ Hòa có 11,30 ha; xã Thuận Hòa có 4,24 ha; xã Nhị Trường có 20,89 ha; xã Trường Thọ có 13,85 ha; xã Long Sơn có 7,35 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,20 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1,12 ha; xã Thanh Hòa Sơn có 17,30 ha*), chiếm 0,32 % diện tích tự nhiên. Tăng 0,23 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

Đất cơ sở tôn giáo tăng 0,23 ha do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm để đáp ứng nhu cầu xây dựng của 02 cơ sở tôn giáo: Tịnh xá Ngọc Hiệp, diện tích 0,02 ha và Chùa Vạn An, diện tích 0,21 ha.

So với chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 105,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện không được xác định bổ sung, tuy nhiên còn lệch cao hơn 0,21 ha do điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh sử dụng số tròn thập phân.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có 77,33 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất này có 80,92 ha (*trong đó: TT. Cầu Ngang có 2,11 ha; TT. Mỹ Long có 2,20 ha; xã Kim Hòa có 1,54 ha; xã Hiệp Hòa có 6,31 ha; xã Vinh Kim có 8,53 ha; xã Mỹ Long Bắc có 13,32 ha; xã Mỹ Long Nam có 4,45 ha; xã Mỹ Hòa có 6,62 ha; xã Thuận Hòa có 5,71 ha; xã Nhị Trường có 2,12 ha; xã Trường Thọ có 1,37 ha; xã Long Sơn có*

8,70 ha; xã xã Hiệp Mỹ Đông có 2,60 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 7,98 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 7,36 ha), chiếm 0,25% diện tích tự nhiên, tăng 3,59 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng không thay đổi so với hiện trạng có 77,09 ha. Tổng diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tăng 3,83 ha, do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 2,44 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,30 ha; đất trồng cây lâu năm 0,90 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,17 ha và đất ở nông thôn 0,02 ha. Đồng thời, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 0,24 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cụm công nghiệp 0,09 ha; giao thông 0,02 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha và đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng dự kiến thực hiện làm mới, mở rộng, nâng cấp 08 công trình, cụ thể:

**Bảng 31: Công trình đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng(ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Nghĩa địa tập trung xã Hiệp Mỹ Đông	0,50	Xã Hiệp Mỹ Đông
2	Nghĩa địa tập trung xã Hiệp Mỹ Tây	1,00	Xã Hiệp Mỹ Tây
3	Nghĩa địa tập trung xã Thuận Hòa	0,40	Xã Thuận Hòa
4	Nghĩa địa tập trung xã Long Sơn	0,23	Xã Long Sơn
5	Nghĩa địa tập trung xã Trường Thọ	0,40	Xã Trường Thọ
6	Nghĩa địa tập trung xã Thạnh Hòa Sơn	0,30	Xã Thạnh Hòa Sơn
7	Nghĩa địa tập trung xã Vinh Kim	0,32	Xã Vinh Kim
8	Nghĩa địa tập trung thị trấn Mỹ Long	0,68	TT. Mỹ Long

So với chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện là 82,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện được xác định bổ sung nên điều chỉnh quy hoạch cấp huyện xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là 1,08 ha, phù hợp với nhu cầu quy hoạch xây dựng các nghĩa địa tập trung trên địa bàn huyện cũng như khả năng đầu tư xây dựng của ngành đến năm 2020.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất sinh hoạt cộng đồng có 1,77 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất này đến năm 2020 đất sinh hoạt cộng đồng có 3,72 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,05 ha; TT. Mỹ Long có 0,06 ha; xã Kim Hòa có 0,48 ha; xã Hiệp Hòa 0,35 ha; xã Vinh Kim có 0,25 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,27 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,13 ha; xã Mỹ Hòa có 0,07 ha; xã Thuận Hòa có 0,27 ha; xã Nhị Trường có 0,46 ha; xã Trường Thọ có

0,33 ha; xã Long Sơn có 0,01 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,09 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 0,28 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 0,62 ha), chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, tăng 1,95 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng không thay đổi so với hiện trạng có 1,77 ha. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng tăng 1,95 ha, do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa 0,47ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,08 ha; đất trồng cây lâu năm 0,60 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,04 ha; đất chợ 0,17 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,59 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng quy hoạch làm mới 14 công trình, cụ thể:

**Bảng 32: Công trình đất sinh hoạt cộng đồng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Trụ sở ấp Bình Tân	0,02	xã Hiệp Hòa
2	Nhà văn hóa, thể thao ấp Bông Ven	0,20	xã Nhị Trường
3	Nhà văn hóa thị trấn Mỹ Long	0,04	TT.Mỹ Long
4	Nhà văn hóa xã Nhị Trường	0,19	Xã Nhị Trường
5	Nhà văn hóa xã Kim Hòa	0,26	Xã Kim Hòa
6	Nhà văn hóa xã Mỹ Long Bắc	0,12	Xã Mỹ Long Bắc
7	Nhà văn hóa xã Thuận Hòa	0,23	Xã Thuận Hòa
8	Nhà văn hóa xã Vinh Kim	0,20	Xã Vinh Kim
9	Nhà văn hóa xã Thạnh Hòa Sơn	0,27	Xã Thạnh Hòa Sơn
10	Nhà văn hóa xã Hiệp Hòa	0,17	Xã Hiệp Hòa
11	Nhà văn hóa xã Hiệp Mỹ Tây	0,13	Xã Hiệp Mỹ Tây
12	Nhà văn hóa ấp Giồng Chanh	0,08	Xã Trường Thọ
13	Nhà văn hóa ấp Nô Pộc	0,02	Xã Trường Thọ
14	Nhà văn hóa ấp Cos Xoài	0,02	Xã Trường Thọ

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, khu vui chơi, giải trí công cộng chưa có. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất này có 3,89 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,15 ha; TT. Mỹ Long có 0,56 ha; xã Vinh Kim có 0,50 ha; xã Mỹ Long Bắc có 0,33 ha; xã Mỹ Long Nam có 0,43 ha; xã Thuận Hòa có 0,55 ha; xã Nhị Trường có 0,50 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 0,87 ha), chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, tăng 3,89 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 3,89 ha, do nhận chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây

hàng năm khác 0,33 ha; đất trồng cây lâu năm 2,37 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,15 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,99 ha; đất ở tại nông thôn 0,05 ha.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng dự kiến thực hiện 10 công trình, cụ thể:

**Bảng 33: Công trình đất khu vui chơi, giải trí công cộng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020**

STT	Hạng mục	Diện tích tăng (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Khu vui chơi xã Mỹ Long Nam	0,20	Xã Mỹ Long Nam
2	Khu công viên xã Mỹ Long Nam	0,23	Xã Mỹ Long Nam
3	Khu vui chơi xã Mỹ Long Bắc	0,33	Xã Mỹ Long Bắc
4	Khu công viên thị trấn Mỹ Long	0,11	TT.Mỹ Long
5	Khu vui chơi thị trấn Mỹ Long	0,45	TT.Mỹ Long
6	Công viên huyện Cầu Ngang, thị trấn Cầu Ngang	0,15	TT.Cầu Ngang
7	Công viên - Khu vui chơi xã Hiệp Mỹ Tây	0,87	Xã Hiệp Mỹ Tây
8	Công viên - Khu vui chơi xã Thuận Hòa	0,55	Xã Thuận Hòa
9	Khu vui chơi xã Nhị Trường	0,50	Xã Nhị Trường
10	Khu vui chơi xã Vinh Kim	0,50	Xã Vinh Kim

- **Đất tín ngưỡng:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất cơ sở tín ngưỡng có 5,35 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2020 giữ sử dụng ổn định 5,35 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 0,14 ha; TT. Mỹ Long có 0,29 ha; xã Vinh Kim có 1,58 ha; xã Mỹ Long Bắc có 1,10 ha; xã Nhị Trường có 0,03 ha; xã Trường Thọ có 0,22 ha; xã Long Sơn có 0,33 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 0,08 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 1,35 ha và xã Thạnh Hòa Sơn có 0,20 ha), chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên. Không tăng, giảm so với hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch:** Hiện trạng sử dụng đất năm 2015, đất sông ngòi, kênh, rạch có 3.708,89 ha. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất này đến năm 2020 có 3.308,87 ha (trong đó: TT. Cầu Ngang có 7,96 ha; thị trấn Mỹ Long có 302,79 ha; xã Kim Hòa có 24,23 ha; xã Vinh Kim có 633,05 ha; xã Mỹ Long Bắc có 835,18 ha; xã Mỹ Long Nam có 1.237,17 ha; xã Mỹ Hòa có 36,71 ha; xã Thuận Hòa có 15,92 ha; xã Long Sơn có 41,13 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 83,15 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 67,42 ha; xã Thạnh Hòa Sơn có 24,16 ha), chiếm 10,08 % diện tích tự nhiên, giảm 400,02 ha so với đầu kỳ.

Điều chỉnh quy hoạch đất sông ngòi, kênh, rạch đến năm 2020 diện tích đất không thay đổi so với hiện trạng có 3.308,87 ha. Diện tích giảm do chuyển mục đích sử dụng sang đất rừng phòng hộ 394,40 ha, nhằm thực hiện phát triển rừng phòng hộ ven sông Cổ Chiên ở các xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long và xã Mỹ Long Nam và cửa Cung Hầu và chuyển sang đất nông nghiệp khác 5,50 ha và đất chợ 0,12 ha.



### **c) Các chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, trên địa bàn huyện Cầu Ngang không còn đất chưa sử dụng. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện tiếp tục định hướng sử dụng có hiệu quả các mục đích sử dụng đất không để xảy ra trường hợp đất có hiệu quả sử dụng kém, bị bỏ hoang.

### **d) Đất đô thị**

Hiện trạng năm 2015, đất đô thị có 737,64 ha (gồm: TT. Cầu Ngang và TT. Mỹ Long). Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, đất đô thị vẫn ổn định diện tích là 737,64 ha, không có nhu cầu tăng, giảm so với đầu kỳ. Tuy nhiên, Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, huyện tiếp tục đầu tư từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn 02 thị trấn.

So với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ là 738,00 ha. Đây là chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch cấp huyện không được xác định bổ sung. Tuy nhiên, diện tích đất đô thị còn lệch thấp hơn 0,36 ha so với chỉ tiêu phân bổ (do số liệu làm tròn đơn vị thập phân).

### **e) Đất bãi bồi ven sông**

Huyện Cầu Ngang có vị trí địa lý nằm tiếp giáp sông Cỏ Chiên và cửa Cung Hầu, với chiều dài tiếp giáp khoảng 20 km (qua địa bàn các xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long và xã Mỹ Long Nam) nên thời gian qua đất bãi bồi ven sông của huyện có bãi bồi ở 2 cồn (Cồn Bần, Cồn Nạn) và một số nơi ven sông Cỏ Chiên. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững của Chính phủ, trồng rừng tại các nơi bãi bồi ven sông Cỏ Chiên với diện tích trồng thêm 394,40 ha, đến năm 2020 đảm bảo diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn huyện có 1.236,00 ha. Bên cạnh, tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái tại 02 cồn và tiếp tục phát triển nuôi thủy sản (nuôi nghêu) trên các bãi cồn ven sông, cửa Cung Hầu ở xã Mỹ Long Nam của Hợp tác xã thủy sản Đồng Tiến (diện tích 399,24 ha).

## **2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng**

- **Khu vực chuyên trồng lúa nước:** Hiện trạng năm 2015, khu vực chuyên trồng lúa nước tập trung chủ yếu ở phía Tây Quốc lộ 53 và một phần ở các xã Mỹ Hòa, xã Mỹ Long Bắc và xã Vinh Kim. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, khu vực chuyên trồng lúa nước có 16.711,90. Trong khu vực chuyên trồng lúa nước gồm nhiều loại đất có mục đích sử dụng khác nhau, bao gồm: đất chuyên trồng lúa 13,004,05 ha; đất trồng cây hàng năm khác có 233,94 ha; đất trồng cây lâu năm có



2.459,03 ha; đất nuôi trồng thủy sản 102,20 ha; đất nông nghiệp khác 102,20 ha; đất giao thông 195,59 ha; đất thủy lợi 448,90 ha; đất ở tại nông thôn 126,88 ha và đất sông rạch có 117,19 ha.

- **Khu vực rừng phòng hộ:** Hiện trạng năm 2015, khu vực đất rừng phòng hộ tập trung ở ven sông Cỏ Chiên trên địa bàn các xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long và Cồn Bàn, Cồn Nạn thuộc xã Mỹ Long Bắc và cửa Cung Hầu. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020, khu vực rừng phòng hộ tiếp tục được giữ vững theo hiện trạng và phát triển thêm ở đất bãi bồi ven sông dọc tuyến sông Cỏ Chiên, cửa Cung Hầu và xung quanh 02 Cồn với diện tích 1.236,00 ha (*Trong đó: xã Vinh Kim có 100,76 ha; xã Vinh Kim có 30,29 ha; xã Mỹ Long Bắc có 174,29 ha; xã Mỹ Long Nam có 906,20 ha*) với mục đích chính là chắn sóng, chắn gió, bảo vệ đất chống xói mòn, sạt lở.

- **Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp:** Hiện trạng năm 2015, huyện chưa có khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp có diện tích là 120,00 ha (*trong đó: xã Mỹ Long Bắc có 40,00 ha; xã Long Sơn có 40,00 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 40,00 ha*) bao gồm 03 cụm công nghiệp trên địa bàn 03 xã.

- **Khu đô thị, thương mại-dịch vụ:** Quy mô khu đô thị của huyện Cầu Ngang đến năm 2020 gồm 02 thị trấn: thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long. Huyện tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước hoàn chỉnh, thu hút các hoạt động kinh doanh thương mại- dịch vụ phát triển mạnh ở 02 thị trấn để nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở 02 đô thị và từng bước tạo sức lan tỏa phát triển ở các xã vùng ven.

- **Khu du lịch:** Hiện trạng năm 2015, huyện Cầu Ngang thu hút khách du lịch bởi nền văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc các dân tộc, ẩm thực phong phú và nhiều lễ hội truyền thống. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất khu du lịch đến năm 2020, phát triển du lịch theo hướng khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch văn hóa, ẩm thực, lễ hội truyền thống với diện tích 105,68 ha (*trong đó: thị trấn Mỹ Long có 20,00 ha; xã Mỹ Long Bắc có 65,00 ha; xã Mỹ Long Nam có 20,68 ha*), bao gồm 03 khu du lịch sinh thái trên địa bàn 03 xã, thị trấn: TT. Mỹ Long, xã Mỹ Long Bắc và xã Mỹ Long Nam.

Khu du lịch, bao gồm các loại đất sử dụng chính: đất rừng phòng hộ 20,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản 35,06 ha; đất giao thông 6,18 ha; đất ở tại nông thôn 8,00 ha; đất ở tại đô thị 4,54 ha và đất sông, rạch 31,90 ha.

- **Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp:**

+ Khu ở: Hiện trạng sử dụng năm 2015, khu ở tập trung ở các trung tâm xã, thị trấn và dọc theo các trục giao thông, kênh rạch chính trên địa bàn xã, thị trấn. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, khu ở trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển hoàn thiện, nâng cao hệ thống hạ tầng ở các khu ở hiện hữu và tạo điều kiện phát triển các khu ở nhỏ lẻ xen kẽ ở các khu ở đã có cặp các tuyến giao thông, kênh rạch chính để xây dựng hệ thống hạ tầng đảm bảo đáp ứng nhu cầu ở, sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.

+ Làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2015, huyện có 02 làng nghề sản xuất phi nông nghiệp: khai thác, đánh bắt, sơ chế, chế biến thủy sản ở thị trấn Mỹ Long và làng nghề bánh tét Trà Cuôn ở xã Kim Hòa. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tiếp tục giữ vững và tạo điều kiện đảm bảo 02 làng nghề hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh đó, huyện cũng khuyến khích giữ gìn và phát triển một số làng nghề truyền thống như: nghề cốm dẹp, nghề hủ tiếu, đan lát.

Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp có 4.506,63 ha (trong đó: thị trấn Cầu Ngang có 75,08 ha; thị trấn Mỹ Long có 85,48 ha; xã Kim Hòa có 306,76 ha; xã Vinh Kim có 620,04 ha; xã Mỹ Long Bắc có 278,27 ha; xã Mỹ Long Nam có 228,73 ha; xã Thuận Hòa có 255,60 ha; xã Nhị Trường có 528,97 ha; xã Trường Thọ có 248,17 ha; xã Long Sơn có 558,65 ha; xã Hiệp Mỹ Đông có 212,68 ha; xã Hiệp Mỹ Tây có 242,01 và xã Thạnh Hòa Sơn có 252,68 ha).

Khu ở, làng nghề sản xuất phi nông nghiệp bao gồm nhiều loại đất, cụ thể: đất trồng lúa có 4,38 ha; đất trồng cây hàng năm khác 10,04 ha; đất trồng cây lâu năm 4.143,92 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,95 ha; đất phát triển hạ tầng 20,17 ha; đất ở tại nông thôn 271,95 ha và đất ở tại đô thị có 53,22 ha.

### **III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang được xây dựng trên cơ sở khoa học và đúng luật đất đai, đặc biệt đảm bảo gắn liền với điều kiện thực tế của huyện nên phương án Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện sẽ tạo nên những tác động mạnh tới sự phát triển kinh tế xã hội của huyện, cụ thể như sau:

#### **3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.**

Nhìn chung, phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện đã tác động tích cực đến dự kiến nguồn thu và chi về đất đai, mở ra nhiều cơ hội và thách

thức với địa phương. Khi phương án điều chỉnh quy hoạch của huyện được phê duyệt, đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp các nhà đầu tư an tâm đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp... Tuy nhiên, để thu hút các nhà đầu tư, huyện cần tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh bên cạnh nhiều chính sách ưu đãi về đất đai. Do đó, giai đoạn trước mắt nguồn chi sẽ lớn nhưng về lâu dài các nguồn thu về đất đai là lớn và ổn định. Cụ thể:

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện, tổng diện tích đất cần thu hồi để thực hiện các công trình phi nông nghiệp có 415,7 ha, trong đó đất nông nghiệp có 406,82 ha và đất phi nông nghiệp (đất ở) 8,88 ha, do đó chi phí cho việc bồi thường về đất và hỗ trợ tái định cư cao, bên cạnh cần phải có nhiều biện pháp giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông nghiệp khi đã thu hồi đất. Diện tích thu hồi chủ yếu để thực hiện các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung và các công trình phát triển hạ tầng,.. do đó trong giai đoạn trước mắt nguồn chi là chủ yếu để tạo mặt bằng thuận lợi thu hút đầu tư phát triển.

Nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện, nguồn thu là rất lớn. Tuy nhiên, các nguồn thu đều mang tầm nhìn chiến lược lâu dài, cụ thể như: thu từ giao đất, cho thuê đất phát triển rừng phòng hộ; đất phát triển du lịch sinh thái; đất các cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh tập trung, thu từ chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở,...

### **3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã bảo đảm được vấn đề an ninh lương thực trong thời gian tiếp theo. Cụ thể: phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã bố trí diện tích đất trồng lúa đến năm 2020 là 14.785,00 ha, trong đó: diện tích đất chuyên lúa nước là 14.285,00 ha và đất lúa nước còn lại là 500,00 ha. Ước tính sản lượng lương thực đạt 188.634 tấn/năm, vượt cao hơn 26.934 tấn/ năm so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra là đến năm 2020 đạt 161.700 tấn/năm.

### **3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã bố trí đầy đủ nhu cầu đất ở trên địa bàn huyện. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện phân diện tích đất ở cần thu hồi có 8,88 ha (đất ở tại nông thôn có 4,88

ha và đất ở tại đô thị có 4,00 ha), song song phương án điều chỉnh quy hoạch có bố trí 46,92 ha đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp chuyển sang đất ở, bảo đảm tái định cư cho các hộ gia đình cá nhân thuộc diện thu hồi đất và bố trí đất ở cho các hộ có nhu cầu tách hộ.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch đã chuyển đổi 406,82 ha đất sử dụng nông nghiệp sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp, chủ yếu là từ đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản. Do đó, vấn đề giải quyết việc làm cho những hộ thuộc diện giải tỏa đất ở, lao động trong nông nghiệp có diện tích thu hồi để phục vụ các công trình phi nông nghiệp (phát triển hạ tầng, cụm công nghiệp...), UBND huyện khuyến khích các nhà đầu tư ưu tiên nhận lao động tại địa phương đặc biệt là các lao động thuộc diện thu hồi đất ở và đất sản xuất vào làm việc tại công ty, xí nghiệp... (song song bố trí mở nhiều lớp đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu lao động).

#### **3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện ưu tiên phát triển các công trình hạ tầng, chỉnh trang đô thị, phát triển công nghiệp-thương mại và dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tương lai.

Về quy mô đô thị, phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, huyện có 02 đô thị: thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long, chú trọng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo điều kiện việc làm ổn định nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư trong đô thị, tạo sức ảnh hưởng phát triển các xã vùng ven đô theo hình thức 02 thị trấn là đô thị trung tâm từng bước hình thành, phát triển đô thị vệ tinh xung quanh.

#### **3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện chú trọng tôn tạo di tích lịch sử- văn hóa khu di tích Bào Dài ở xã Nhị Trường, quy hoạch 03 khu du lịch sinh thái: thị trấn Mỹ Long 20,00 ha; xã Mỹ Long Bắc 65,00 ha; xã Mỹ Long Nam 20,68 ha kết hợp với nhiều lễ hội dân gian truyền thống đậm đà bản sắc các dân tộc. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đã đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân trong giai đoạn tới.

#### **3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ**

Nguồn tài nguyên thiên nhiên của huyện, bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật, phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đã phân tích, đánh giá tình hình khai thác, sử dụng

trong thời gian qua và đã đưa ra phương án khai thác sử dụng hiệu quả đến năm 2020 các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm diện tích nông nghiệp và phi nông nghiệp, phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản, lúa một vụ sang lúa hai vụ) phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, thủy văn để tăng sản lượng và chất lượng; giảm diện tích đất nông nghiệp để xây dựng các công trình trọng điểm như hạ tầng, cụm công nghiệp... Nhìn chung, diện tích tự nhiên trên toàn huyện đã được phương án điều chỉnh quy hoạch bố trí khai thác hợp lý và hiệu quả, đảm bảo không để đất bị bạc màu, bỏ hoang...

Diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn huyện, phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, huyện tiếp tục bảo tồn diện tích hiện trạng và phát triển thêm diện tích rừng ở các vùng đất bãi bồi ven sông đúng theo định hướng quy hoạch phát triển rừng của tỉnh.

### PHẦN III

## KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Thực hiện Công văn số 4389/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và Công văn số 3530/UBND-NN ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của cấp huyện. UBND huyện Cầu Ngang đã tổ chức lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang và đã được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang.

Nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện như sau:

### I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

#### 1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Do thời điểm triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang, công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Trà Vinh chưa triển khai thực hiện nên không có chỉ tiêu kế hoạch 2016 của quy hoạch cấp trên phân bổ cho huyện.

#### 1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

##### 1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2015, có 17 công trình đăng ký cần thu hồi và chuyển mục đích. Trong năm 2015, đã thực hiện được 8 công trình, còn lại 9 công trình chưa thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện có 7 công trình phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

**Bảng 34: Danh mục công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2015 chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ KDC TT. Mỹ Long (Tổng diện tích thu hồi theo NQ31 là 9,25 ha, năm 2015 đã thu hồi hết 0,4996 ha-Mỹ Long Bắc)	8,75	Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long
2	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh	21,39	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long, Mỹ Long Nam



3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Hiệp Mỹ Tây	0,18	xã Hiệp Mỹ Tây
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Mỹ Long Bắc	0,22	xã Mỹ Long Bắc
5	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Nhị Trường	0,20	xã Nhị Trường
6	Đường Tân Hiệp từ quốc lộ 53 - Xóm Chòi, xã Kim Hòa	0,16	xã Kim Hòa
7	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vu Lộ (QĐ số 753/UBND-NN ngày 13/3/2015)	26,57	xã Hiệp Mỹ Tây xã Thạnh Hòa Sơn

### 1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của huyện. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau

#### a) Nhóm đất nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 26.932,56 ha, giảm 80,29 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 26.927,06 ha; Diện tích giảm 85,79 ha, do chuyển cho các mục đích phi nông nghiệp, trong đó: chuyển cho đất an ninh 0,80 ha, đất thương mại dịch vụ 0,01 ha, đất phát triển hạ tầng 77,48 ha, đất ở tại nông thôn 6,82 ha, đất ở tại đô thị 0,68 ha; Diện tích tăng 5,50 ha, được chuyển từ đất sông suối (Xây dựng vườn ươm giống bán ngập). Đến năm 2016, đất nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	118,74 ha	- Xã Long Sơn	2.911,47 ha
- Thị trấn Mỹ Long	148,13 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	2.052,84 ha
- Xã Mỹ Hòa	1.592,16 ha	- Xã Vinh Kim	2.580,45 ha
- Xã Nhị Trường	2.564,59 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	1.649,64 ha
- Xã Hiệp Hòa	2.073,26 ha	- Xã Mỹ Long Nam	2.461,61 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	1.620,71 ha	- Xã Thuận Hòa	1.459,95 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	1.581,02 ha	- Xã Trường Thọ	2.060,35 ha
- Xã Kim Hòa	2.057,64 ha		

#### \* Đất trồng lúa:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 14.887,64 ha, giảm 50,21 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 14.887,64 ha. Diện tích đất trồng lúa giảm do:

- Chuyển cho các mục đích phi nông nghiệp 10,21ha. Trong đó: chuyển cho đất an ninh 0,74 ha, đất phát triển hạ tầng 8,25 ha, đất ở tại nông thôn 1,06 ha, đất ở tại đô thị 0,17 ha.

- Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp khoảng 40,00 ha: Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản, tập trung tại các xã Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn, Thuận Hòa, Mỹ Hòa.

Đến năm 2016, đất trồng lúa được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	21,20 ha	- Xã Long Sơn	1.502,99 ha
- Thị trấn Mỹ Long	37,05 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	1.176,97 ha
- Xã Mỹ Hòa	1.248,97 ha	- Xã Vinh Kim	1.550,69 ha
- Xã Nhị Trường	2.009,14 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	979,80 ha
- Xã Hiệp Hòa	1.445,46 ha	- Xã Mỹ Long Nam	258,34 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	316,45 ha	- Xã Thuận Hòa	874,76 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	43,29 ha	- Xã Trường Thọ	1.799,21 ha
- Xã Kim Hòa	1.623,33 ha		

**\* Đất trồng cây hàng năm khác:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 569,83 ha, giảm 14,42 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 569,83 ha. Diện tích giảm do chuyển cho đất nông nghiệp khác (Dự án chăn nuôi bò thịt giống cao sản tập trung tại xã Long Sơn), đất thương mại dịch vụ 0,01 ha, đất phát triển hạ tầng 11,32 ha.

Đến năm 2016, đất trồng cây hàng năm khác được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	2,08 ha	- Xã Long Sơn	52,32 ha
- Thị trấn Mỹ Long	2,72 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	59,85 ha
- Xã Mỹ Hòa	38,01 ha	- Xã Vinh Kim	35,97 ha
- Xã Nhị Trường	26,97 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	116,10 ha
- Xã Hiệp Hòa	62,40 ha	- Xã Mỹ Long Nam	53,03 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	22,11 ha	- Xã Thuận Hòa	29,86 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	27,97 ha	- Xã Trường Thọ	14,95 ha
- Xã Kim Hòa	25,48 ha		

**\* Đất trồng cây lâu năm:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 4.235,08 ha, giảm 17,03 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 4.235,08 ha. Diện tích giảm chủ yếu là do chu chuyển cho các đất phi nông nghiệp, trong đó chuyển cho

đất an ninh 0,06 ha, phát triển hạ tầng 12,70 ha, đất ở tại nông thôn 3,83 ha, đất ở tại đô thị 0,44 ha.

Đến năm 2016, đất trồng cây lâu năm được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	47,28 ha	- Xã Long Sơn	534,48 ha
- Thị trấn Mỹ Long	46,55 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	238,93 ha
- Xã Mỹ Hòa	281,31 ha	- Xã Vinh Kim	582,76 ha
- Xã Nhị Trường	522,52 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	263,75 ha
- Xã Hiệp Hòa	298,02 ha	- Xã Mỹ Long Nam	220,31 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	234,03 ha	- Xã Thuận Hòa	240,57 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	201,89 ha	- Xã Trường Thọ	241,40 ha
- Xã Kim Hòa	281,28 ha		

**\* Đất rừng phòng hộ:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015. Nhưng trong năm 2016 dự kiến bố trí trồng mới khoảng 100ha rừng phòng hộ trên vùng đất lâm nghiệp hiện có, nhằm mục đích phòng chắn gió, sóng biển, chống sạt lở, cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ môi trường.

Đến năm 2016, đất rừng phòng hộ được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Mỹ Long	58,76 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	174,30 ha
- Xã Vinh Kim	18,27 ha	- Xã Mỹ Long Nam	591,20 ha

**\* Đất nuôi trồng thủy sản:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 6.363,16 ha, tăng 7,22 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 6.323,16 ha. Trong đó: Chuyển giảm 47,22 ha, diện tích giảm chủ yếu là do chuyển cho các đất phi nông nghiệp, trong đó chuyển cho đất phát triển hạ tầng 45,22 ha, đất ở tại nông thôn 1,93 ha, đất ở tại đô thị 0,07 ha; Chuyển tăng 40,00 ha, diện tích tăng do đất trồng lúa chuyển sang.

Đến năm 2016, đất nuôi trồng thủy sản được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	48,18 ha	- Xã Long Sơn	794,71 ha
- Thị trấn Mỹ Long	3,04 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	577,09 ha
- Xã Mỹ Hòa	23,65 ha	- Xã Vinh Kim	392,77 ha

- Xã Nhị Trường	5,95	ha	- Xã Mỹ Long Bắc	115,70	ha
- Xã Hiệp Hòa	266,76	ha	- Xã Mỹ Long Nam	1.332,59	ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	1.048,12	ha	- Xã Thuận Hòa	314,75	ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	1.307,88	ha	- Xã Trường Thọ	4,79	ha
- Xã Kim Hòa	127,19	ha			

**\* Đất nông nghiệp khác:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 34,32 ha, tăng 8,59 ha so với năm 2015; Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 25,73 ha; Diện tích tăng được chu chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 3,09 ha, đất sông suối 5,50 ha.

Diện tích tăng thêm do bố trí: Dự án chăn nuôi bò thịt giống cao sản tập trung tại Ấp Bàu Mốt, xã Long Sơn 3,09 ha; Xây dựng vườn ươm giống bán ngập tại ấp 5, xã Mỹ Long Nam 5,5 ha.

Đến năm 2016, đất nông nghiệp khác được phân bổ trên địa bàn các xã như sau: Xã Mỹ Hòa 0,23 ha, xã Hiệp Hòa 0,61 ha, xã Kim Hòa 0,36 ha, xã Long Sơn 26,96 ha, xã Mỹ Long Nam 6,15 ha.

**b) Nhóm đất phi nông nghiệp**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 5.903,84 ha, tăng 80,29 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 5.818,06 ha. Chu chuyển tăng 85,79 ha, được chu chuyển từ đất trồng lúa 10,21 ha, đất trồng cây hàng năm khác 11,32 ha, đất trồng cây lâu năm 17,03 ha, đất nuôi trồng thủy sản 47,22 ha. Chu chuyển giảm 5,50 ha, do chuyển cho đất nông nghiệp khác (Xây dựng vườn ươm giống bán ngập).

Đến năm 2016, đất phi nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	79,32	ha	- Xã Long Sơn	208,84	ha
- Thị trấn Mỹ Long	391,46	ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	234,77	ha
- Xã Mỹ Hòa	162,10	ha	- Xã Vinh Kim	836,99	ha
- Xã Nhị Trường	194,20	ha	- Xã Mỹ Long Bắc	957,30	ha
- Xã Hiệp Hòa	186,11	ha	- Xã Mỹ Long Nam	1.761,55	ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	236,77	ha	- Xã Thuận Hòa	119,68	ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	186,11	ha	- Xã Trường Thọ	158,96	ha
- Xã Kim Hòa	189,68	ha			

**\* Đất quốc phòng:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	1,06 ha	- Xã Long Sơn	0,37 ha
- Thị trấn Mỹ Long	2,71 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	2,01 ha

**\* Đất an ninh:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 4,86 ha, tăng 0,80 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 4,06 ha. Diện tích tăng được chuyển từ đất trồng lúa 0,74 ha, đất trồng cây lâu năm 0,06 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí công trình: Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn khu vực Cầu Ngang (Ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa), được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	1,95 ha	- Xã Hiệp Hòa	0,27 ha
- Xã Mỹ Hòa	2,02 ha	- Xã Long Sơn	0,10 ha
- Xã Nhị Trường	0,44 ha	- Xã Trường Thọ	0,08 ha

**\* Đất thương mại, dịch vụ:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 1,86 ha, tăng 0,03 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 1,84 ha. Diện tích tăng được chuyển từ đất ở tại đô thị 0,02 ha, trồng cây hàng năm khác 0,01 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí công trình: Trụ sở làm việc của chi nhánh Viettel Trà Vinh tại thị trấn Cầu Ngang, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	0,68 ha	- Xã Hiệp Mỹ Tây	0,16 ha
- Thị trấn Mỹ Long	0,01 ha	- Xã Vinh Kim	0,08 ha
- Xã Mỹ Hòa	0,18 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	0,51 ha
- Xã Nhị Trường	0,18 ha	- Xã Mỹ Long Nam	0,05 ha

**\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	1,08 ha	- Xã Long Sơn	5,65 ha
- Xã Mỹ Hòa	0,31 ha	- Xã Vinh Kim	0,03 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	0,27 ha		

**\* Đất phát triển hạ tầng:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 1.622,25 ha, tăng 77,65 ha so với năm

2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 1.544,60 ha. Diện tích tăng được chu chuyển từ đất trồng lúa 8,25 ha, đất trồng cây hàng năm khác 11,32 ha, đất trồng cây lâu năm 12,70 ha, đất nuôi trồng thủy sản 45,22 ha, đất ở tại nông thôn 0,08 ha, đất ở tại đô thị 0,03 ha, đất nghĩa địa 0,06 ha.

Đến năm 2016, đất phát triển hạ tầng được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	28,94 ha	- Xã Long Sơn	116,54 ha
- Thị trấn Mỹ Long	19,02 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	168,83 ha
- Xã Mỹ Hòa	84,89 ha	- Xã Vinh Kim	131,59 ha
- Xã Nhị Trường	145,31 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	62,34 ha
- Xã Hiệp Hòa	144,79 ha	- Xã Mỹ Long Nam	163,53 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	139,25 ha	- Xã Thuận Hòa	71,40 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	86,04 ha	- Xã Trường Thọ	128,65 ha
- Xã Kim Hòa	131,14 ha		

***Đất phát triển hạ tầng bao gồm:***

***+ Đất cơ sở văn hóa:***

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 5,57 ha, tăng 1,70 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 3,87 ha. Diện tích tăng được chu chuyển từ đất trồng cây hàng năm 0,52ha, đất trồng cây lâu năm 1,14 ha, đất ở tại nông thôn 0,04 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí công trình: Trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu nhi huyện Cầu Ngang tại xã Mỹ Hòa, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	0,29 ha	- Xã Long Sơn	0,05 ha
- Thị trấn Mỹ Long	0,21 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	0,02 ha
- Xã Mỹ Hòa	1,70 ha	- Xã Mỹ Long Nam	0,24 ha
- Xã Nhị Trường	2,82 ha	- Xã Thuận Hòa	0,01 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	0,11 ha	- Xã Trường Thọ	0,13 ha

***+ Đất cơ sở y tế:***

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	2,02 ha	- Xã Long Sơn	0,14 ha
- Thị trấn Mỹ Long	0,11 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	0,11 ha
- Xã Mỹ Hòa	0,30 ha	- Xã Vinh Kim	0,08 ha



- Xã Nhị Trường	0,14 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	0,05 ha
- Xã Hiệp Hòa	0,92 ha	- Xã Mỹ Long Nam	0,10 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	0,19 ha	- Xã Thuận Hòa	0,01 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	0,08 ha	- Xã Trường Thọ	0,18 ha
- Xã Kim Hòa	0,13 ha		

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 37,01 ha, tăng 0,28 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 36,73 ha. Diện tích tăng được chuyển từ đất trồng lúa 0,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,12 ha, đất ở nông thôn 0,02 ha, đất nghĩa địa 0,06 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí 03 công trình:

**Bảng 35: Công trình đất giáo dục và đào tạo kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm
1	Trường Mẫu giáo Mỹ Hòa	0,14	CLN, ONT	xã Mỹ Hòa
2	Mở rộng Trường THCS Mỹ Hòa	0,08	LUC	xã Mỹ Hòa
3	Mở rộng Trường TH Mỹ Long Bắc A (đất công)	0,06	NTD	xã Mỹ Long Bắc

Đến năm 2016, đất cơ sở giáo dục và đào tạo phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	3,40 ha	- Xã Long Sơn	3,25 ha
- Thị trấn Mỹ Long	1,38 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	1,33 ha
- Xã Mỹ Hòa	1,87 ha	- Xã Vinh Kim	3,95 ha
- Xã Nhị Trường	2,74 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	3,50 ha
- Xã Hiệp Hòa	2,04 ha	- Xã Mỹ Long Nam	2,14 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	3,04 ha	- Xã Thuận Hòa	2,25 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	2,09 ha	- Xã Trường Thọ	1,99 ha
- Xã Kim Hòa	2,03 ha		

+ Đất cơ sở thể dục thể thao:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015, phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	0,33 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	0,50 ha
- Thị trấn Mỹ Long	0,49 ha	- Xã Vinh Kim	0,65 ha
- Xã Mỹ Hòa	3,74 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	0,88 ha
- Xã Hiệp Hòa	0,66 ha	- Xã Mỹ Long Nam	1,54 ha

- Xã Hiệp Mỹ Tây                      0,18 ha    - Xã Thuận Hòa                      0,23 ha
- Xã Long Sơn                            1,55 ha    - Xã Trường Thọ                      1,11 ha
- + Đất giao thông:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 597,64 ha, tăng 44,12 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 553,52 ha. Diện tích tăng được chuyển từ đất trồng lúa 7,40 ha, đất trồng cây hàng năm khác 5,21 ha, đất trồng cây lâu năm 7,66 ha, đất nuôi trồng thủy sản 23,83 ha, đất ở tại nông thôn 0,03 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí 12 công trình:

**Bảng 36: Công trình đất giao thông kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

STT	Công trình, dự án	Đại điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Đường Tân Hiệp từ quốc lộ 53 - Xóm Chòi, xã Kim Hòa	xã Kim Hòa	0,16	(Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 17/7/2015)
2	Đường nhựa từ nhà Mười Bắc đến cầu Thanh niên	xã Thạnh Hòa Sơn	2,10	
3	Đường nhựa nối tiếp từ nhà ông Chanh đến cầu Thanh niên	xã Thạnh Hòa Sơn	1,50	
4	Đường đal từ lộ liên ấp đến nhà ông Lân	xã Thạnh Hòa Sơn	1,20	
5	Đường nhựa từ nhà ông Hai Do đến nhà bà Hòa	xã Thạnh Hòa Sơn	0,70	
6	Đường đal từ nhà ông Thạch Chane đến nhà ông Thạch Chà	xã Thạnh Hòa Sơn	0,80	
7	Cầu áp Chợ trên Hương lộ 35	xã Hiệp Mỹ Đông	0,23	
8	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam	7,20	
9	Công trình (đường và cầu) phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vu Lộ	Xã Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ Tây	5,18	(Quyết định số 753/UBND-NN ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh)
10	XD cầu tại km0+260 và NC, MR đường đoạn Km0+620 - Km2+200 và đoạn Km6+200-Km12+000 HL 18	xã Nhị Trường	0,24	(Quyết định số 2549/UBND-NN ngày 11/8/2015 của UBND tỉnh)

11	Đường Bến Kinh-Thạnh Mỹ-Mai Hương	xã Mỹ Long Bắc, Vĩnh Kim	2,27	Đề xuất của Sở Giao thông vận tải
12	Đường đal đi ấp Phiêu (Kim Hòa-Hiệp Hòa)	xã Kim Hòa, Hiệp Hòa	1,14	Đề xuất của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang

Đến năm 2016, đất giao thông phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	15,32 ha	- Xã Long Sơn	46,55 ha
- Thị trấn Mỹ Long	8,37 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	65,49 ha
- Xã Mỹ Hòa	23,33 ha	- Xã Vĩnh Kim	54,73 ha
- Xã Nhị Trường	53,45 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	32,40 ha
- Xã Hiệp Hòa	54,80 ha	- Xã Mỹ Long Nam	59,75 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	76,12 ha	- Xã Thuận Hòa	19,39 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	18,07 ha	- Xã Trường Thọ	46,39 ha
- Xã Kim Hòa	23,46 ha		

+ Đất thủy lợi:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 954,27 ha, tăng 30,92 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 923,35 ha. Diện tích tăng được chu chuyển từ đất trồng lúa 0,18 ha, đất trồng cây hàng năm khác 5,54 ha, đất trồng cây lâu năm 3,78 ha, đất nuôi trồng thủy sản 21,39 ha, đất ở tại đô thị 0,03 ha. Diện tích tăng thêm do bố trí 07 công trình:

**Bảng 37: Công trình đất thủy lợi kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

STT	Công trình, dự án	Đại diện	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ KDC TT. Mỹ Long (Tổng diện tích thu hồi theo NQ31 là 9,25 ha, năm 2015 đã thu hồi hết 0,4996 ha- Mỹ Long Bắc)	Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long	8,75	(Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 05/12/2014)
2	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh	Xã Vĩnh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long, Mỹ Long Nam	21,39	
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Hiệp Mỹ Tây	xã Hiệp Mỹ Tây	0,18	(Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 17/7/2015)
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Mỹ Long Bắc	xã Mỹ Long Bắc	0,22	(Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 05/12/2014)
5	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Nhị Trường	xã Nhị Trường	0,20	
6	Công trình hệ thống thủy lợi (kênh mương) phục vụ nuôi trồng thủy sản Tâm Vu Lộ	Xã Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ Tây	21,39	(Quyết định số 753/UBND-NN ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh)

7	Hệ thống thoát nước làng nghề Thị trấn Mỹ Long	TT. Mỹ Long	0,18	(Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2015)
---	--	-------------	------	---

Đến năm 2016, đất thủy lợi phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	6,47 ha	- Xã Long Sơn	63,32 ha
- Thị trấn Mỹ Long	7,79 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	100,71 ha
- Xã Mỹ Hòa	53,62 ha	- Xã Vinh Kim	71,87 ha
- Xã Nhị Trường	84,30 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	25,14 ha
- Xã Hiệp Hòa	85,08 ha	- Xã Mỹ Long Nam	99,08 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	59,40 ha	- Xã Thuận Hòa	49,49 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	65,30 ha	- Xã Trường Thọ	77,56 ha
- Xã Kim Hòa	105,14 ha		

+ *Đất công trình năng lượng:*

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 dự kiến bố trí 3,84ha, tăng 0,64ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 3,20ha. Diện tích tăng được chuyển từ đất trồng lúa 0,59ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,05ha. Diện tích tăng thêm do bố trí công trình: Trạm biến áp 110kV Cầu Ngang và đường dây đầu nối (Xã Long Sơn), phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Thị trấn Cầu Ngang	0,25 ha	- Xã Thạnh Hòa Sơn	0,42 ha
- Xã Nhị Trường	1,20 ha	- Xã Trường Thọ	0,81 ha
- Xã Long Sơn	1,15 ha		

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông:*

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

+ *Đất chợ:*

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

\* **Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

\* **Đất ở tại nông thôn:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 278,68 ha, tăng tuyệt đối 6,74 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 271,86 ha. Trong đó:

+ Chuyển giảm 0,08 ha, diện tích giảm chủ yếu là do chuyển cho đất phát triển hạ tầng.

+ Chuyển tăng 6,82 ha, diện tích tăng được chuyển từ đất trồng lúa 1,06 ha, đất trồng cây lâu năm 3,83 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,93 ha. Diện tích tăng thêm chủ yếu do hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trong

năm dự báo tăng khoảng 6,82 ha. Trong đó: xã Mỹ Hòa khoảng 0,53 ha, xã Nhị Trường khoảng 0,67 ha, xã Hiệp Hòa khoảng 0,57 ha, xã Hiệp Mỹ Tây khoảng 0,41 ha, xã Hiệp Mỹ Đông khoảng 0,31 ha, xã Kim Hòa khoảng 0,53 ha, xã Long Sơn khoảng 0,66 ha, xã Thanh Hòa Sơn khoảng 0,46 ha, xã Vinh Kim khoảng 0,85 ha, xã Mỹ Long Bắc khoảng 0,47 ha, xã Mỹ Long Nam khoảng 0,36 ha, xã Thuận Hòa khoảng 0,45 ha, xã Trường Thọ khoảng 0,54 ha (*đã cập nhật danh sách 20 hộ xin chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở theo Quyết định số 11 ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh*).

Đến năm 2016, đất ở tại nông thôn được phân bổ trên địa bàn các xã như sau:

- Xã Mỹ Hòa	19,45 ha	- Xã Thanh Hòa Sơn	15,93 ha
- Xã Nhị Trường	23,50 ha	- Xã Vinh Kim	44,31 ha
- Xã Hiệp Hòa	21,92 ha	- Xã Mỹ Long Bắc	20,31 ha
- Xã Hiệp Mỹ Tây	19,02 ha	- Xã Mỹ Long Nam	12,73 ha
- Xã Hiệp Mỹ Đông	14,09 ha	- Xã Thuận Hòa	20,55 ha
- Xã Kim Hòa	23,80 ha	- Xã Trường Thọ	14,63 ha
- Xã Long Sơn	28,44 ha		

**\* Đất ở tại đô thị:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 52,64 ha, tăng 0,63 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 51,97 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển giảm 0,05 ha, diện tích giảm chủ yếu là do chuyển cho đất phát triển hạ tầng.

+ Chu chuyển tăng 0,68 ha, diện tích tăng được chu chuyển từ đất trồng lúa 0,17 ha, đất trồng cây lâu năm 0,44 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,07 ha. Diện tích tăng thêm chủ yếu do hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trong năm dự báo tăng khoảng 0,68 ha. Trong đó: thị trấn Cầu Ngang khoảng 0,36 ha, thị trấn Mỹ Long khoảng 0,32 ha.

**\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

**\* Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

**\* Đất nghĩa trang, nghĩa địa:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích còn 77,27 ha, giảm 0,06 ha so với năm 2015. Diện tích giảm là do chuyển cho đất giáo dục (Mở rộng Trường Tiểu học Mỹ Long Bắc A).

**\* Đất sinh hoạt cộng đồng:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

**\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bố trí 3.703,39 ha, giảm 5,50 ha so với năm 2015. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 3703,39 ha. Diện tích giảm do chuyển cho đất nông nghiệp khác (Xây dựng vườn ươm giống bán ngập tại xã Mỹ Long Nam).

**\* Đất phi nông nghiệp khác:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 diện tích không thay đổi so với năm 2015.

**c) Đất chưa sử dụng:**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, trên địa bàn huyện Cầu Ngang không còn đất chưa sử dụng.

**d) Đất bãi bồi ven sông, ven biển, đất có mặt nước ven biển**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, trên địa bàn huyện Cầu Ngang không có đất bãi bồi ven sông, ven biển, đất có mặt nước ven biển.

**1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực**



**Bảng 38: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2016, theo đơn vị hành chính**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
					TT. Cầu Ngang	TT. Mỹ Long	Mỹ Hòa	Nhị Trường	Hiệp Hòa	Hiệp Mỹ Tây	Hiệp Mỹ Đông	Kim Hòa
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TỔNG DTTN (1+2+3)</b>		<b>32.836,40</b>	<b>100,00</b>	<b>198,06</b>	<b>539,58</b>	<b>1.754,26</b>	<b>2.758,79</b>	<b>2.259,37</b>	<b>1.857,48</b>	<b>1.767,13</b>	<b>2.247,32</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>26.932,56</b>	<b>82,02</b>	<b>118,74</b>	<b>148,13</b>	<b>1.592,16</b>	<b>2.564,59</b>	<b>2.073,26</b>	<b>1.620,71</b>	<b>1.581,02</b>	<b>2.057,64</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.887,64	45,34	21,20	37,05	1.248,97	2.009,14	1.445,46	316,45	43,29	1.623,33
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	LUC	<i>9.865,21</i>	<i>30,04</i>	<i>9,62</i>	<i>0,68</i>	<i>291,46</i>	<i>1.723,22</i>	<i>987,46</i>	<i>66,44</i>	<i>43,29</i>	<i>1.096,65</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	569,83	1,74	2,08	2,72	38,01	26,97	62,40	22,11	27,97	25,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.235,08	12,90	47,28	46,55	281,31	522,52	298,02	234,03	201,89	281,28
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	842,53	2,57		58,76						
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.363,16	19,38	48,18	3,04	23,65	5,95	266,76	1.048,12	1.307,88	127,19
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,32	0,10			0,23		0,61			0,36
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>5.903,84</b>	<b>17,98</b>	<b>79,32</b>	<b>391,46</b>	<b>162,10</b>	<b>194,20</b>	<b>186,11</b>	<b>236,77</b>	<b>186,11</b>	<b>189,68</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,15	0,02	1,06	2,71						
2.2	Đất an ninh	CAN	4,86	0,01	1,95		2,02	0,44	0,27			
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,86	0,01	0,68	0,01	0,18	0,18		0,16		
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,34	0,02	1,08		0,31			0,27		
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.622,25	4,94	28,94	19,02	84,89	145,31	144,79	139,25	86,04	131,14

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
					TT. Cầu Ngang	TT. Mỹ Long	Mỹ Hòa	Nhị Trường	Hiệp Hòa	Hiệp Mỹ Tây	Hiệp Mỹ Đông	Kim Hòa
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	5,57	0,02	0,29	0,21	1,70	2,82			0,11	
	Đất cơ sở y tế	DYT	4,56	0,01	2,02	0,11	0,30	0,14	0,92	0,19	0,08	0,13
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,01	0,11	3,40	1,38	1,87	2,74	2,04	3,04	2,09	2,03
	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,87	0,04	0,33	0,49	3,74		0,66	0,18		
	Đất giao thông	DGT	597,64	1,82	15,32	8,37	23,33	53,45	54,80	76,12	18,07	23,46
	Đất thủy lợi	DTL	954,27	2,91	6,47	7,79	53,62	84,30	85,08	59,40	65,30	105,14
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,84	0,01	0,25			1,20				
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,12	0,00	0,13	0,02	0,11	0,09	0,04	0,05	0,06	0,22
	Đất chợ	DCH	6,38	0,02	0,72	0,64	0,21	0,58	1,24	0,27	0,32	0,17
2.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,93	0,02		0,23			0,14			0,17
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	278,68	0,85			19,45	23,50	21,92	19,02	14,09	23,80
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	52,64	0,16	29,69	22,96						
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,93	0,04	4,03	0,28	0,53	1,67	0,41	1,05	0,35	1,33
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,98	0,05		0,10						
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	104,98	0,32	1,64	0,27	11,30	20,89	12,12	1,12	0,20	7,24
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang	NTD	77,27	0,24	2,11	1,52	6,63	2,12	6,31	6,98	2,10	1,54

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
					TT. Cầu Ngang	TT. Mỹ Long	Mỹ Hòa	Nhị Trường	Hiệp Hòa	Hiệp Mỹ Tây	Hiệp Mỹ Đông	Kim Hòa
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	lễ, nhà hỏa táng											
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,77	0,01	0,05	0,02	0,07	0,07	0,16	0,15	0,09	0,22
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,35	0,02	0,14	0,29		0,03		1,35	0,08	
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.703,39	11,28	7,96	344,03	36,71			67,42	83,15	24,23
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,46	0,00								
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>										
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>										
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>										
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>737,64</b>	<b>2,25</b>	<b>198,06</b>	<b>539,58</b>						

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

**Bảng 39: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2016, theo đơn vị hành chính (tiếp theo)**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
					Long Sơn	Thạnh Hòa Sơn	Vinh Kim	Mỹ Long Bắc	Mỹ Long Nam	Thuận Hòa	Trường Thọ
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	<b>TỔNG DTTN (1+2+3)</b>		<b>32.836,40</b>	<b>100,00</b>	<b>3.120,31</b>	<b>2.287,62</b>	<b>3.417,44</b>	<b>2.606,94</b>	<b>4.223,16</b>	<b>1.579,63</b>	<b>2.219,31</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.932,56</b>	<b>82,02</b>	<b>2.911,47</b>	<b>2.052,84</b>	<b>2.580,45</b>	<b>1.649,64</b>	<b>2.461,61</b>	<b>1.459,95</b>	<b>2.060,35</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.887,64	45,34	1.502,99	1.176,97	1.550,69	979,80	258,34	874,76	1.799,21
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.865,21</i>	<i>30,04</i>	<i>1.064,61</i>	<i>1.083,46</i>	<i>754,51</i>	<i>816,62</i>	<i>91,89</i>	<i>131,55</i>	<i>1.703,74</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	569,83	1,74	52,32	59,85	35,97	116,10	53,03	29,86	14,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.235,08	12,90	534,48	238,93	582,76	263,75	220,31	240,57	241,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	842,53	2,57			18,27	174,30	591,20		
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.363,16	19,38	794,71	577,09	392,77	115,70	1.332,59	314,75	4,79
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,32	0,10	26,96				6,15		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.903,84</b>	<b>17,98</b>	<b>208,84</b>	<b>234,77</b>	<b>836,99</b>	<b>957,30</b>	<b>1.761,55</b>	<b>119,68</b>	<b>158,96</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,15	0,02	0,37				2,01		
2.2	Đất an ninh	CAN	4,86	0,01	0,10						0,08
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,86	0,01			0,08	0,51	0,05		
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,34	0,02	5,65		0,03				
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.622,25	4,94	116,54	168,83	131,59	62,34	163,53	71,40	128,65

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
					Long Sơn	Thạnh Hòa Sơn	Vinh Kim	Mỹ Long Bắc	Mỹ Long Nam	Thuận Hòa	Trường Thọ
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	5,57	0,02	0,05			0,02	0,24	0,01	0,13
	Đất cơ sở y tế	DYT	4,56	0,01	0,14	0,11	0,08	0,05	0,10	0,01	0,18
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,01	0,11	3,25	1,33	3,95	3,50	2,14	2,25	1,99
	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,87	0,04	1,55	0,50	0,65	0,88	1,54	0,23	1,11
	Đất giao thông	DGT	597,64	1,82	46,55	65,49	54,73	32,40	59,75	19,39	46,39
	Đất thủy lợi	DTL	954,27	2,91	63,32	100,71	71,87	25,14	99,08	49,49	77,56
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,84	0,01	1,15	0,42					0,81
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,12	0,00		0,08	0,07	0,03	0,14	0,01	0,07
	Đất chợ	DCH	6,38	0,02	0,52	0,19	0,25	0,32	0,53		0,40
2.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,93	0,02				2,45		1,94	
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	278,68	0,85	28,44	15,93	44,31	20,31	12,73	20,55	14,63
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	52,64	0,16							
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,93	0,04	0,39	0,93	0,76	0,28	0,30	0,27	0,33
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,98	0,05				17,88			
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	104,98	0,32	7,35	17,30	5,21	2,25		4,24	13,85
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,27	0,24	8,53	7,06	8,23	13,38	4,45	5,31	0,99

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
					Long Sơn	Thạnh Hòa Sơn	Vinh Kim	Mỹ Long Bắc	Mỹ Long Nam	Thuận Hòa	Trường Thọ
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(e)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,77	0,01	0,01	0,35	0,05	0,15	0,13	0,04	0,21
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,35	0,02	0,33	0,20	1,58	1,10			0,22
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.703,39	11,28	41,13	24,16	645,14	835,18	1.578,36	15,92	
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,46	0,00				1,46			
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>									
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>									
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>									
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>737,64</b>	<b>2,25</b>							

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên



## II. DIỆN TÍCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 85,79 ha: Thị trấn Cầu Ngang 1,17 ha, thị trấn Mỹ Long 9,19 ha, xã Mỹ Hòa 2,39 ha, xã Nhị Trường 1,11 ha, xã Hiệp Hòa 1,67 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 11,32 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 0,54 ha, xã Kim Hòa 0,71 ha, xã Long Sơn 1,30 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 22,60 ha, xã Vinh Kim 8,07 ha, xã Mỹ Long Bắc 11,52 ha, xã Mỹ Long Nam 13,20 ha, xã Thuận Hòa 0,45 ha, xã Trường Thọ 0,54 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 10,21 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,79 ha, thị trấn Mỹ Long 0,11 ha, xã Mỹ Hòa 0,13 ha, xã Nhị Trường 0,48 ha, xã Hiệp Hòa 0,43 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 0,24 ha, xã Kim Hòa 0,20 ha, xã Long Sơn 0,69 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 6,37 ha, xã Vinh Kim 0,52 ha, xã Mỹ Long Bắc 0,07 ha, xã Mỹ Long Nam 0,05 ha, xã Thuận Hòa 0,07 ha, xã Trường Thọ 0,05 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 11,32 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,01 ha, thị trấn Mỹ Long 4,02 ha, xã Mỹ Hòa 0,52 ha, xã Long Sơn 0,05 ha, xã Vinh Kim 1,94 ha, xã Mỹ Long Bắc 4,13 ha, xã Mỹ Long Nam 0,66 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 17,03 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,29 ha, thị trấn Mỹ Long 5,06 ha, xã Mỹ Hòa 1,60 ha, xã Nhị Trường 0,63 ha, xã Hiệp Hòa 1,04 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 0,18 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 0,37 ha, xã Kim Hòa 0,41 ha, xã Long Sơn 0,33 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 0,23 ha, xã Vinh Kim 2,57 ha, xã Mỹ Long Bắc 2,70 ha, xã Mỹ Long Nam 1,01 ha, xã Thuận Hòa 0,25 ha, xã Trường Thọ 0,35 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 47,22 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,07 ha, xã Mỹ Hòa 0,13 ha, xã Hiệp Hòa 0,20 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 10,89 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 0,17 ha, xã Kim Hòa 0,11 ha, xã Long Sơn 0,23 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 16,00 ha, xã Vinh Kim 3,04 ha, xã Mỹ Long Bắc 4,62 ha, xã Mỹ Long Nam 11,48 ha, xã Thuận Hòa 0,14 ha, xã Trường Thọ 0,13 ha.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 43,09 ha: xã Hiệp Mỹ Tây 10,00 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 10,00 ha, xã Long Sơn 8,09 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 5,00 ha, xã Mỹ Long Nam 10,00 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 40,00 ha: xã Hiệp Mỹ Tây 10,00 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 10,00 ha, xã Long Sơn 5,00 ha, xã Thạnh Hòa Sơn 5,00 ha, xã Mỹ Long Nam 10,00 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác 3,09 (Dự án chăn nuôi) tại xã Long Sơn.

### **III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI**

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 78,28 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,80 ha, thị trấn Mỹ Long 8,87 ha, xã Mỹ Hòa 1,86 ha, xã Nhị Trường 0,44 ha, xã Hiệp Hòa 1,10 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 10,91 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 0,23 ha, xã Kim Hòa 0,18 ha, xã Long Sơn 0,64 ha, xã Thanh Hòa Sơn 22,14 ha, xã Vinh Kim 7,22 ha, xã Mỹ Long Bắc 11,05 ha, xã Mỹ Long Nam 12,84 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa cần thu hồi 8,99 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,74 ha, xã Mỹ Hòa 0,08 ha, xã Nhị Trường 0,24, xã Hiệp Hòa 0,35 ha, xã Hiệp Mỹ Tây 0,18 ha, xã Kim Hòa 0,12 ha, xã Long Sơn 0,59 ha, xã Thanh Hòa Sơn 6,30 ha, xã Vinh Kim 0,39 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác cần thu hồi 11,32 ha: thị trấn Mỹ Long 4,02 ha, xã Mỹ Hòa 0,52 ha, xã Long Sơn 0,05 ha, xã Vinh Kim 1,94 ha, xã Mỹ Long Bắc 4,13 ha, xã Mỹ Long Nam 0,66 ha

+ Đất trồng cây lâu năm cần thu hồi 12,76 ha: Thị trấn Cầu Ngang 0,06 ha, thị trấn Mỹ Long 4,85 ha, xã Mỹ Hòa 1,26 ha, xã Nhị Trường 0,20 ha, xã Hiệp Hòa 0,75 ha, xã Hiệp Mỹ Đông 0,23 ha, xã Kim Hòa 0,06 ha, xã Vinh Kim 2,11 ha, xã Mỹ Long Bắc 2,39 ha, xã Mỹ Long Nam 0,85 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản cần thu hồi 45,22 ha: xã Hiệp Mỹ Tây 10,73 ha, xã Thanh Hòa Sơn 15,84 ha, xã Vinh Kim 2,79 ha, xã Mỹ Long Bắc 4,53 ha, xã Mỹ Long Nam 11,33 ha.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, tổng diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi 0,11 ha: thị trấn Mỹ Long 0,03 ha, xã Mỹ Hòa 0,06 ha, xã Hiệp Hòa 0,03 ha. Trong đó:

+ Đất ở tại nông thôn cần thu hồi 0,08 ha: xã Mỹ Hòa 0,06 ha, xã Hiệp Hòa 0,03 ha.

+ Đất ở tại đô thị cần thu hồi 0,03 ha (thị trấn Mỹ Long).

### **IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, trên địa bàn huyện Cầu Ngang không còn đất chưa sử dụng.

### **V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, các công trình dự án cần thực hiện:

**Bảng 40: Danh mục công trình, dự án thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
<b>A</b>	<b>Công trình, dự án thuộc Điều 61 Luật Đất đai</b>					
	Đất phục vụ cho mục đích an ninh	0,80		0,80	LUC, CLN	Huyện Cầu Ngang
<b>B</b>	<b>Công trình, dự án thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai</b>					
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2015 nhưng chưa thực hiện, chuyển sang tiếp tục thực hiện trong năm 2016</b>					
1	Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ KDC TT. Mỹ Long (Tổng diện tích thu hồi theo NQ31 là 9,25 ha, năm 2015 đã thu hồi hết 0,4996 ha-Mỹ Long Bắc)	8,75		8,75	HNK, CLN, NTS	Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long
2	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh	21,39		21,39	HNK, CLN, NTS	Xã Vinh Kim, MLB, TT. Mỹ Long, MLNam
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Hiệp Mỹ Tây	0,18		0,18	LUC	xã Hiệp Mỹ Tây
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Mỹ Long Bắc	0,22		0,22	HNK	xã Mỹ Long Bắc
5	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Nhị Trường	0,40	0,20	0,20	CLN	xã Nhị Trường
6	Đường Tân Hiệp từ quốc lộ 53 - Xóm Chòi, xã Kim Hòa	0,16		0,16	LUC, CLN	xã Kim Hòa
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2015)</b>	<b>16,17</b>	<b>0,35</b>	<b>15,83</b>		
1	Mở rộng Trường THCS Mỹ Hòa	0,42	0,35	0,08	LUC	xã Mỹ Hòa
2	Đường nhựa từ nhà Mười Bắc đến cầu Thanh niên	2,10		2,10	LUC	xã Thạnh Hòa Sơn
3	Đường nhựa nối tiếp từ nhà ông Chanh đến cầu Thanh niên	1,50		1,50	LUC	xã Thạnh Hòa Sơn
4	Đường đal từ lộ liên ấp đến nhà ông Lân	1,20		1,20	LUC	xã Thạnh Hòa Sơn
5	Đường nhựa từ nhà ông Hai Do đến nhà bà Hòa	0,70		0,70	LUC	xã Thạnh Hòa Sơn
6	Đường đal từ nhà ông Thạch Chane đến nhà ông Thạch Chà	0,80		0,80	LUC	xã Thạnh Hòa Sơn
7	Cầu áp Chợ trên Hương lộ 35	0,23		0,23	CLN	xã Hiệp Mỹ Đông
8	Hệ thống thoát nước làng nghề Thị trấn Mỹ Long	0,18		0,18	CLN, ODT	TT. Mỹ Long

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

9	XDM Trường Mẫu giáo Mỹ Hòa, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang	0,14		0,14	CLN, ONT	xã Mỹ Hòa
10	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh	7,20		7,20	HNK, CLN, NTS	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam
11	XD Trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu nhi huyện Cầu Ngang	1,70		1,70	HNK, CLN, ONT	xã Mỹ Hòa
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án có chủ trương chấp thuận đầu tư</b>					
1	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vu Lộ (QĐ số 753/UBND-NN ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh)					
	- Kênh chợ	2,83		2,83	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây
	- Kênh đầu trên	3,63		3,63	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây
	- Kênh Giồng Dài	2,36		2,36	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây
	- Kênh VC4	0,64		0,64	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây
	- Kênh sau cống Lạc Hòa	2,08		2,08	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây xã Thạnh H Sơn
	- Kênh Trục 1	2,13		2,13	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Kênh cặp Giồng Nam	5,45		5,45	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Kênh Tầm Vu	2,28		2,28	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Đường đaml bờ Tây cống LH	0,71		0,71	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Đường đaml Nam kênh N9-1, N9-2	1,11		1,11	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Đường đaml bờ Nam kênh N12	0,69		0,69	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- Lộ nhựa Tầm Vu Lộ	1,03		1,03	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây
	- Lộ nhựa tầm Vu Lá	0,52		0,52	NTS	xã Thạnh Hòa Sơn
	- 14 cầu giao thông	1,11		1,11	NTS	xã Hiệp Mỹ Tây xã Thạnh Hòa Sơn
2	XD cầu tại km0+260 và NC, MR đường đoạn Km0+620 - Km2+200 và đoạn Km6+200- Km12+000 HL 18 (Quyết định số 2549/UBND-NN ngày 11/8/2015 của UBND tỉnh)	0,24		0,24	LUC	xã Nhị Trường
3	Trạm biến áp 110kV Cầu Ngang và đường dây đầu nối, tỉnh Trà Vinh trên địa bàn huyện Cầu Ngang (Công văn số 1003/SCT-KTTC ngày 17/11/2015 của Sở Công thương)	0,64		0,64	LUC, HNK	xã Long Sơn
4	Đường Bến Kinh-Thạnh Mỹ-Mai Hương (Sở Giao thông vận tải và địa phương vừa mới khảo sát bổ sung theo nhu cầu cấp bách)	2,27		2,27	LUC, HNK, CLN	xã Mỹ Long Bắc, Vinh Kim

Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Cầu Ngang

5	Đường đal đi ấp Phiêu (Đề xuất của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang, vừa mới bố trí vốn bổ sung năm 2016 theo nhu cầu cấp bách)	1,14		1,14	LUC, CLN, ONT	xã Kim Hòa, Hiệp Hòa
6	Xây dựng Vườn ươm giống bán ngập	5,50		5,50	SON	Xã Mỹ Long Nam
<b>C</b>	<b>Công trình, dự án sử dụng đất thông qua nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh cần chuyển mục đích</b>					
1	Trụ sở làm việc của chi nhánh Viettel Trà Vinh	0,03		0,03	HNK, ODT	TT. Cầu Ngang
2	DA chăn nuôi bò thịt giống cao sản tập trung	3,09		3,09	HNK	xã Long Sơn
<b>D</b>	<b>Danh sách đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở</b>					
1	Tờ 05, thửa 3057	0,0157		0,0157	LUC	ấp Bờ Kinh 1, xã Mỹ Hòa
2	Tờ 04, thửa 2228	0,0162		0,0162	LUC	ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc
3	Tờ 04, thửa 2229	0,0164		0,0164	LUC	ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc
4	Tờ 04, thửa 2230	0,0189		0,0189	LUC	ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc
5	Tờ 04, thửa 2231	0,0253		0,0253	LUC	ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc
6	Tờ 04, thửa 2232	0,0292		0,0292	LUC	ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc
7	Tờ 05, thửa 84	0,1280		0,1280	CLN	ấp Lạc Thạnh A, xã Thạnh Hòa Sơn
8	Tờ 05, thửa 2435	0,0200		0,0200	LUC	ấp Lạc Thạnh A, xã Thạnh Hòa Sơn
9	Tờ 04, thửa 2746	0,0208		0,0208	LUC	ấp Thuận Hiệp, xã Thuận Hòa
10	Tờ 09, thửa 2435	0,1000		0,1000	LUC	ấp Cà Tum B, xã Vinh Kim
11	Tờ 05, thửa 67	0,1094		0,1094	LUC	ấp Thôn Rôn, xã Vinh Kim
12	Tờ 12, thửa 1787	0,0323		0,0323	LUC	ấp Là Ca B, xã Nhị Trường
13	Tờ 12, thửa 1788	0,0318		0,0318	LUC	ấp Là Ca B, xã Nhị Trường
14	Tờ 10, thửa 1392	0,0520		0,0520	HNK	ấp Ba So, xã Nhị Trường
15	Tờ 11, thửa 2017	0,0510		0,0510	LUC	ấp Ba So, xã Nhị Trường

16	Tờ 08, thửa 549	0,1000		0,1000	LUC	ấp Tri Liêm, xã Hiệp Hòa
17	Tờ 02, thửa 1426	0,2810		0,2810	LUC	ấp Hòa Lục, xã Hiệp Hòa
18	Tờ 08, thửa 1946	0,0461		0,0461	LUC	ấp Kim Hòa, xã Kim Hòa
19	Tờ 08, thửa 2008	0,0514		0,0514	LUC	ấp Kim Hòa, xã Kim Hòa
20	Tờ 04, thửa 2393	0,0159		0,0159	LUC	xã Thanh Hòa Sơn
21	Tờ 02, thửa 2239	0,0113		0,0113	NTD	xã Mỹ Hòa

## VI. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH

### 6.1 Căn cứ pháp lý

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất Huyện Cầu Ngang, dựa trên các căn cứ chính sau:

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### 6.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Tính toán chi phí bồi thường các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tái sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mả, cây cối, hoa màu, ... chưa được tính toán, việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án chi tiết của chủ đầu tư công trình, dự án của các cơ quan liên quan khác.



Tính toán các khoản thu từ giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn sử dụng. Nhưng chi phí bồi thường đất được bố trí trong và dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, chưa đủ cơ sở căn cứ lập dự án nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất khi thực hiện dự án.

***Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch (không tính chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản ở trên đất).***

Cụ thể dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2016 như sau:

**a) Các khoản chi bồi thường về đất:** 56.908 triệu đồng, trong đó:

- Chi bồi thường 8,99 ha đất trồng lúa: 6.290 triệu đồng.
- Chi bồi thường 11,32 ha đất trồng cây hàng năm khác: 7.921 triệu đồng.
- Chi bồi thường 12,76 ha đất trồng cây lâu năm: 10.845 triệu đồng.
- Chi bồi thường 45,22 ha đất nuôi trồng thủy sản: 31.652 triệu đồng.
- Chi bồi thường 0,08 ha đất ở tại nông thôn: 125 triệu đồng.
- Chi bồi thường 0,03 ha đất ở tại nông thôn: 75 triệu đồng.

**b) Các khoản thu về đất:** 14.964 triệu đồng, trong đó:

- Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất: 11.928 triệu đồng, bao gồm: chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn 10.233 triệu đồng, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị 1.695 triệu đồng.

- Thu từ giao đất hoặc cho thuê đất quyền sử dụng đất 2.815 triệu đồng, bao gồm: Đất thương mại dịch vụ 31 triệu đồng, đất dự án chăn nuôi 2.785 triệu đồng.

- Các khoản phí, lệ phí 221 triệu đồng.

**c) Cân đối các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:** -41.943 triệu đồng.

Các công trình thực hiện trong năm 2016 trên địa bàn huyện Cầu Ngang phần lớn là công trình phát triển hạ tầng: Công trình giao thông, thủy lợi: Nâng cấp tuyến đê bao Trà Vinh, xây dựng các cầu trên tuyến đê bao Trà Vinh, xây dựng tuyến đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Long, công trình hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vu Lộ,... nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển đời sống văn hóa - xã hội và nhu cầu dân sinh nên không thể tạo ra nguồn thu từ đất. Trong khi đó, trong năm 2016 trên địa bàn huyện Cầu Ngang không có nhiều công trình sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, đất ở chuyển mục đích chủ yếu từ hộ gia đình, cá nhân, không có đất ở dự án. Do đó, các khoản thu liên quan đến đất đai thấp hơn các khoản chi 41.943 triệu đồng.

## **VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 VÀ TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016**

**VÀO SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN CẦU NGANG**

**7.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016 và đánh giá tác động của kế hoạch sử dụng đất năm 2016 đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2016**

**7.1.1 Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016**

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và kết quả thống kê đất đai năm 2016 của huyện. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện như sau:

**Bảng 41: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 (ha)	Kết quả thực hiện		
				Kết quả thống kê đất đai năm 2016 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)-(4)	(7)= (5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.932,56</b>	<b>27.012,56</b>	<b>80,00</b>	<b>100,30</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.887,64	14.937,78	50,14	100,34
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	569,83	584,25	14,42	102,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4235,08	4.251,91	16,83	100,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	842,53	842,53	-	100,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6.363,16	6.370,38	7,22	100,11
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,32	25,72	8,60	74,94
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.903,84</b>	<b>5.823,53</b>	<b>-80,31</b>	<b>98,64</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,15	6,15	-	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	4,86	4,06	-0,80	83,54
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,86	1,85	-0,01	99,46
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,34	7,42	0,08	101,09
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.622,25	1.546,01	-76,24	95,30
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,57	3,88	-1,69	69,66
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,56	4,56	-	100,00
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,01	36,72	-0,29	99,22

	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,87	11,86	-0,01	99,92
	Đất giao thông	DGT	597,64	553,51	-44,13	92,62
	Đất thủy lợi	DTL	954,27	923,35	-30,92	96,76
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,84	3,19	-0,65	83,07
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,12	1,12	-	100,00
	Đất chợ	DCH	6,38	6,36	-0,02	99,69
2.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,93	4,93	-	100,00
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	278,68	272,01	-6,67	97,61
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	52,64	52,13	-0,51	99,03
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,93	12,91	-0,02	99,85
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,98	17,98	-	100,00
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	104,98	104,98	-	100,00
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,27	77,33	0,06	100,08
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,77	1,77	-	100,00
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,35	5,32	-0,03	99,44
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.703,39	3.708,89	5,50	100,15
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>				

**Nhóm đất nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 26.932,56 ha, nhưng kết quả thực hiện cao hơn 80,00 ha. Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch. Nhiều công trình, dự án được phê duyệt nhưng thiếu nguồn vốn nên chưa triển khai thực hiện. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 14.887,64 ha nhưng thực hiện kết quả cao hơn 50,14 ha so với kế hoạch.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 569,83 ha nhưng thực hiện kết quả cao hơn 14,12 ha so với kế hoạch

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 4.235,08 ha, nhưng thực hiện kết quả cao hơn 16,83 ha so với kế hoạch.

- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 842,53 ha, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 6.363,16 ha, kết quả thực hiện cao hơn 7,22 ha so với kế hoạch.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 34,32 ha, nhưng kết quả thực hiện thấp hơn 8,60 ha so với kế hoạch. Nguyên nhân, chưa thực hiện 02 dự án: Xây dựng Vườn ươm giống bán ngập, xã Mỹ Long Nam và dự án chăn nuôi bò thịt giống cao sản tập trung, xã Long Sơn.

**Nhóm đất phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 5.903,84 ha, nhưng kết quả thực hiện thấp hơn 80,31ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 6,15 ha, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016 bằng so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 4,86 ha, kết quả thực hiện thấp hơn -0,80 ha so với kế hoạch. Do chưa xây dựng công trình đất an ninh theo kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 1,86 ha, kết quả thực hiện thấp hơn -0,01ha.

- **Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 7,34 ha, kết quả thực hiện cao hơn 0,08 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 1.622,25 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 76,24 ha so với kế hoạch. cụ thể như sau:

+ **Đất cơ sở văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 5,57 ha, kết quả thực hiện thấp hơn -1,69ha so với kế hoạch. Do chưa thực hiện xây dựng trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu nhi huyện Cầu Ngang, xã Mỹ Hòa.

+ **Đất cơ sở y tế:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 4,56 ha, kết quả thực hiện với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 37,01 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,29 ha so với kế hoạch.

+ **Đất cơ sở thể dục thể thao:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 11,87 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 597,64 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 44,13 ha so với kế hoạch. Do nhiều tuyến đường giao thông chưa được tổ chức thực hiện như kế hoạch được phê duyệt

+ **Đất thủy lợi:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 954,27 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 30,92 ha so với kế hoạch.

+ **Đất công trình năng lượng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 3,84 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,65ha so với kế hoạch. Do chưa thực hiện Trạm biến áp 110kV Cầu Ngang và đường dây đầu nối, xã Long Sơn.

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 1,12 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 6,38 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,02 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 4,93 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 278,68 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 6,67 ha so với kế hoạch. Do kết quả chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn của các hộ gia đình, cá nhân thấp hơn so với kế hoạch.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 52,64 ha, kết quả thực hiện thấp hơn -0,51ha so với kế hoạch. Do kết quả chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị của các hộ gia đình, cá nhân thấp hơn so với kế hoạch.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 12,93 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,02 h so với kế hoạch được phê duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 17,98 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 104,98 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 77,27 ha, kết quả thực hiện cao hơn 0,06 ha so với kế hoạch. Thực chất trong kế hoạch năm 2016 đề ra giảm -0,06ha, do chuyển sang đất giáo dục, nhưng chưa thực hiện.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 1,77 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là

5,35 ha, kết quả thực hiện thấp hơn 0,03 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là 3.703,39 ha, kết quả thực hiện cao hơn 5,50 ha so với kế hoạch. Do chuyển mục đích sử dụng từ đất sông, rạch sang đất nông nghiệp khác theo kế hoạch, cụ thể: chưa xây dựng Vườn ươm giống bán ngập, xã Mỹ Long Nam.

**Đất chưa sử dụng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2016 là không có, bằng so với kế hoạch được duyệt.

**Bảng 42: Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo KHSDD năm 2016**

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án đã thực hiện theo KHSDD năm 2016</b>	
1	Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ KDC TT. Mỹ Long (Tổng diện tích thu hồi theo NQ31 là 9,25 ha, năm 2015 đã thu hồi hết 0,4996 ha-Mỹ Long Bắc)	TT. Mỹ Long
2	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long
3	Làm mới Nhà máy nước sạch xã Hiệp Mỹ Tây	xã Hiệp Mỹ Tây
4	Mở rộng Trường THCS Mỹ Hòa	xã Mỹ Hòa
5	Đường nhựa từ nhà Mươi Bắc đến cầu Thanh niên	xã Thạnh Hòa Sơn
6	Đường nhựa từ nhà ông Hai Do đến nhà bà Hòa	xã Thạnh Hòa Sơn
7	Đường đal từ nhà ông Thạch Chane đến nhà ông Thạch Chà	xã Thạnh Hòa Sơn
8	Hệ thống thoát nước làng nghề Thị trấn Mỹ Long	TT. Mỹ Long
9	XDM Trường Mẫu giáo Mỹ Hòa, xã Mỹ Hòa	xã Mỹ Hòa
10	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh	Xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc
11	Công trình hệ thống thủy lợi (kênh mương) phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vu Lộ (QĐ số 753/UBND-NN ngày 13/3/2015)	xã Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hòa Sơn
12	XD cầu tại km0+260 và NC, MR đường đoạn Km0+620 - Km2+200 và đoạn Km6+200-Km12+000 HL 18 (Công văn số 2549/UBND-NN ngày 11/8/2015 của UBND tỉnh)	xã Nhị Trường
13	Đường đal đi ấp Phiêu (Đề xuất của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang, vừa mới bố trí vốn bổ sung năm 2016 theo nhu cầu cấp bách)	xã Kim Hòa
14	Xây dựng Vườn ươm giống bán ngập	Xã Mỹ Long Nam



15	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Mỹ Long Bắc	Ấp Mỹ Thập, xã Mỹ Long Bắc
<b>II Công trình, dự án chưa thực hiện theo KH SDD năm 2016</b>		
1	Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn khu vực Cầu Ngang	Ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa
2	Xây dựng trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu nhi huyện Cầu Ngang	Xã Mỹ Hòa
3	Đường đal đi ấp Phiêu	Xã Hiệp Hòa
4	Đường nhựa nối tiếp từ nhà ông Chanh đến cầu Thanh niên	Xã Thạnh Hòa Sơn
5	Đường đal từ lộ liên ấp đến nhà ông Lân	Xã Thạnh Hòa Sơn
6	Đường Bến Kinh - Hạnh Mỹ - Mai Hương	Xã Mỹ Long Bắc, Vinh Kim
7	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh tại xã Mỹ Long Nam	Xã Mỹ Long Nam
8	Đường Tân Hiệp từ quốc lộ 53 - Xóm Chòi, xã Kim Hòa (giai đoạn 2)	Xã Kim Hòa
9	Xây dựng tuyến đường ấp Mỹ Quý	Xã Hiệp Mỹ Tây
10	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh tại xã Mỹ Long Nam (dài khoảng 9,5 km)	Xã Mỹ Long Nam
11	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Nhị Trường	Xã Nhị Trường
12	Trụ sở làm việc chi nhánh Viettel Trà Vinh	TT. Cầu Ngang
13	Dự án chăn nuôi bò thịt giống cao sản tập trung (Công ty TNHH MTV trang trại Đức Huy)	Xã Long Sơn
14	Cầu áp chợ trên Hương Lộ 35	Xã Hiệp Mỹ Đông, Xã Hiệp Mỹ Tây

**\* Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016**

Nhìn chung trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì việc chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp được thực hiện theo đúng định hướng đề ra, không còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất. Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Một số chỉ tiêu chưa đạt so với kế hoạch (các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp).

Nguyên nhân:

- Công tác dự báo lập kế hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn những hạn chế nhất định. Xây dựng một số chỉ tiêu chưa sát với tình hình thực tiễn (đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị).

- Kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch của các ngành còn chưa thực sự thống nhất, mỗi ngành có những số liệu điều tra, khảo sát và định hướng phát triển khác nhau. Hơn nữa, thời điểm lập và phê duyệt cũng khác nhau, do đó việc lồng ghép kế hoạch của các ngành vào trong kế hoạch sử dụng đất chưa thống nhất.

- Một số công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất đã được phê duyệt nhưng khi tổ chức triển khai thực hiện có nhiều phát sinh về quy mô, vị trí. Bên cạnh, do nhu cầu đầu tư cấp thiết của các cơ sở kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch được phê duyệt.

- Một số công trình, dự án được phê duyệt nhưng do chưa bố trí được nguồn vốn nên chưa triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

### **7.1.2. Đánh giá tác động của kế hoạch sử dụng đất năm 2016 đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2016**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện đã được phê duyệt và đưa vào tổ chức thực hiện là một trong các điều kiện thuận lợi quan trọng góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Hội đồng nhân dân huyện đã đề ra. Kết quả cụ thể trên một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

\* **Về Kinh tế:** Năm 2016, do ảnh hưởng xâm nhiễm mặn nên tình hình sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn, làm ảnh hưởng đến phát triển giá trị sản xuất trên địa bàn. Tổng giá trị sản xuất tăng 9,16% so với năm 2015.

- Sản xuất nông-ngư-lâm nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn: đạt 2.242,50 tỷ đồng, giảm 4,80% so với năm 2015.

+ Về trồng trọt: Do ảnh hưởng xâm nhiễm mặn nên tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 28.572 ha, năng suất trung bình đạt 5 tấn/ha, sản lượng đạt 144.197 tấn. Trong đó, vụ đông xuân xuống giống 5.756,87 ha, có 700 ha bị thiệt hại hoàn toàn, diện tích còn lại bị thiệt hại từ 30% đến trên 70%, do đó năng suất bình quân chỉ đạt 2 tấn/ha, sản lượng 10.360 tấn; diện tích lúa hè thu xuống giống 8.898 ha, sản lượng thu hoạch 49.170 tấn. Cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày: tiếp tục phát triển một số cây màu chủ lực như đậu phộng, bắp nếp,.. nhìn chung cây màu sinh trưởng và phát triển tương đối thuận lợi do được áp dụng khoa học kỹ thuật, chọn những giống màu năng suất cao, bên cạnh đó giá cả nông sản tương đối ổn định nên hiệu quả kinh tế cao.

+ Về chăn nuôi: Đàn giai súc, gia cầm có xu hướng phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt. Tổng đàn bò 44 ngàn con, đàn heo 105 ngàn con, đàn gia cầm 560 ngàn con.

+ Thủy sản: Tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng đạt 57.046 tấn, giảm 771 tấn so với năm 2015. Nhìn chung tình hình khai thác, nuôi trồng thủy sản vụ mùa năm 2016 tương đối khó khăn, do ảnh hưởng thời tiết mưa nắng thất thường, mặt khác giá thị trường không ổn định và sức ép cạnh tranh cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

+ Lâm nghiệp: Trạm kiểm lâm phối hợp các ngành chức năng và địa phương thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo vệ rừng. Trồng mới 109,50 ha rừng bản, cấp phát cho xã, thị trấn trồng 11.000 cây phân tán các loại; tiếp tục chăm sóc tốt diện tích rừng hiện có. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 82,73% so tổng diện tích quy hoạch trồng rừng.

- Về công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ: Giá trị sản xuất toàn ngành đạt 850 tỷ đồng, tăng 25,70% so với năm 2015, tăng chủ yếu ở các lĩnh vực như: Xay xát lúa gạo, chế biến thủy sản, sản xuất nước đá, cơ khí, may mặc,...

**\* Về xã hội:**

- Trong năm huyện tập trung đầu tư xây dựng trường mẫu giáo Kim Hòa đạt chuẩn quốc gia, tái công nhận trường chuẩn quốc gia trường Trung học cơ sở thị trấn Mỹ Long. Thực hiện tốt việc huy động học sinh đến lớp; tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.

- Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, nhất là người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Trong năm, khám và điều trị bệnh cho 254.593 lượt người, có 15.938 lượt người điều trị nội trú, khám đông y có 35.316 lượt người. Song song, công tác quản lý kinh doanh dịch vụ ăn uống cũng được tăng cường, thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh nhằm từng bước củng cố, ngăn chặn tình trạng vi phạm.

- Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi hưởng ứng các ngày lễ lớn, lễ hội dân tộc và các sự kiện quan trọng của quê hương, đất nước như: Tết Nguyên đán, chool chnam thmây, kỷ niệm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước,... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì, hỗ trợ tích cực trong công tác xây dựng nông thôn mới.

## **7.2 Tổng hợp số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2016 vào số liệu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang**

Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện đã được xử lý trong phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện. Đảm bảo theo Công văn số 4389/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “*về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016*”. Cụ thể:

- Về vị trí các công trình kế hoạch 2016 đã cập nhật đầy đủ trong bản đồ Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện.

- Về số liệu: chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016; kế hoạch thu hồi đất năm 2016 của huyện theo kế hoạch đã được phê duyệt đã được cập nhật tổng hợp vào số liệu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện. Cụ thể:

+ Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện bao gồm diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016 (theo phương án đã được phê duyệt) và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2017 đến năm 2020 của huyện.

+ Chu chuyển đất đai trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (2016-2020) của huyện Cầu Ngang được xây dựng bao gồm các chỉ tiêu đất đai có nhu cầu chuyển mục đích trong năm 2016 và từ năm 2017 đến năm 2020 trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

+ Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch (2016-2020) huyện Cầu Ngang bao gồm các công trình, dự án đã được phê duyệt theo kế hoạch 2016 và các công trình có nhu cầu sử dụng đất từ năm 2017 đến năm 2020 trên địa bàn huyện.

## PHẦN IV

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để tổ chức thực hiện tốt các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai được ổn định, và bền vững huyện cần xác định và áp dụng đồng thời các giải pháp cụ thể sau đây:

#### **I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.

- Có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất;

- Bảo vệ tầng đất canh tác khi chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp;

- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, trồng rừng ven sông, rạch và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư,...

- Khuyến khích các nhà đầu tư không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Bắt buộc các cơ sở sản xuất, làng nghề, bệnh viện,... phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí nhằm đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Điều tra, đánh giá tình hình đất xâm nhập mặn, khô hạn để kịp thời giúp người dân chủ động trong việc ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phân bố dân cư, phát triển cơ sở hạ tầng và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi một cách bền vững;

- Tăng cường các cán bộ đủ trình độ và am hiểu các vấn đề về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề môi trường; Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra môi trường;

- Ban hành các quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa xử lý các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là đối với khu vực cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, khu vui chơi giải trí, du lịch, bệnh viện, bến xe...

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng và đủ các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới, thực hiện luật bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ môi trường; doanh nghiệp dịch vụ môi trường có thể hình thành ban đầu trên cơ sở hỗ trợ của Nhà nước sau đó được đảm bảo hoạt động trên cơ sở phí môi trường.

- Thực hiện tốt các chương trình trồng rừng, bảo vệ tài nguyên đất, nước, không khí,..

## **II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **\* Giải pháp về công tác quản lý**

- Tổ chức công bố công khai phương án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cho các tổ chức, cá nhân được biết.

- Xác định, phân bổ diện tích trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt đến từng đơn vị hành chính cấp xã; quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa được quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đảm bảo khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa được.

- Thực hiện nghiêm túc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch và pháp luật. Lấy quy hoạch làm căn cứ để kế hoạch hóa việc sử dụng đất của các cấp, các ngành... Các nhu cầu sử dụng đất chỉ được giải quyết theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định Luật đất đai hiện hành.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất thì phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất,...

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các quy hoạch liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển đô thị; Trung tâm cụm xã; các khu dân cư nông thôn; khu; cụm công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

- Quản lý sử dụng đất ở phải theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả kết hợp giữa yếu tố hiện đại và sử dụng tốt không gian phù hợp với kiến trúc và bảo tồn văn hóa dân tộc. Ưu tiên diện tích đất để xây dựng hệ thống cấp thoát nước, các công trình văn hóa thể thao. Dành diện tích đất đáng kể xây dựng công viên, trồng cây xanh bảo vệ, cải thiện môi trường mỹ quan khu dân cư.



- Khu dân cư đô thị xây dựng mới hoặc chỉnh trang cần tuân theo định hướng phát triển đô thị đó là xây dựng theo mô hình mới đảm bảo tính hiện đại, văn minh đô thị và giữ gìn bản sắc dân tộc.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất, khắc phục tình trạng quy hoạch treo và mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở và đất xây dựng cơ sở hạ tầng.

**\* Giải pháp về đầu tư**

- Căn cứ vào điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các lĩnh vực trong đó chú trọng công tác quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường.

**\* Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Ban hành các văn bản pháp quy phục vụ cho việc triển khai hiệu quả các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 theo phương án điều chỉnh quy hoạch được duyệt. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, chuyển nhượng...

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng năng xuất cây trồng vật nuôi.

- Chính sách hỗ trợ khoa học kỹ thuật, vốn sản xuất, bao tiêu sản phẩm, ổn định giá thị trường các sản phẩm nông nghiệp.

- Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

- Chính sách đầu tư đồng tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất.

- Chính sách kêu gọi đầu tư bằng cách giới thiệu tiềm năng đất đai, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện tạo sự thu hút cho các nhà đầu tư. Đồng thời, giảm giá thuê đất, miễn tiền thuê đất có thời hạn trong vòng vài năm, ưu tiên cho các dự án đầu tiên... tạo mọi điều kiện để các nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh.

- Chính sách thuế phù hợp đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất.

- Chính sách đền bù thỏa đáng đối với những công trình đi qua làm mất diện tích đất của dân. Bên cạnh, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, giải quyết việc làm, ưu tiên nhận nguồn lao động tại chỗ, nhất là các hộ gia đình, cá nhân thiếu hoặc không còn đất sản xuất do việc thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng vào làm việc tại các cơ sở sản xuất, công ty, cụm công nghiệp...

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang được xây dựng theo đúng Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của huyện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tổng hợp các thông tin cũng như cơ sở dữ liệu và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp từ các phòng, ban cũng như trên địa bàn các xã, thị trấn; các thông tin và nhu cầu sử dụng đất đã thu thập được điều tra, khảo sát trên thực địa đến từng công trình và được cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện nên các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển của huyện, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, có hiệu quả cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện đến năm 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái trước mắt và lâu dài. Đồng thời, phương án điều chỉnh quy hoạch của huyện là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật.

Đến năm 2020, cơ cấu sử dụng đất của huyện Cầu ngang được phân bổ như sau:

- **Đất nông nghiệp:** Đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp là 27.005,57 ha. Trong đó: đất trồng lúa có 14.785,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác có 535,00 ha; đất trồng cây lâu năm có 4.023,18 ha; đất trồng rừng phòng hộ có 1.236,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản có 6.391,31 ha và đất nông nghiệp khác có 35,08 ha.

- **Đất phi nông nghiệp:** Đến năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp có 5.830,82 ha. Trong đó: đất quốc phòng có 20,00 ha; đất an ninh có 3,71 ha; đất cụm công nghiệp có 120,00 ha; đất thương mại-dịch vụ có 17,75 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 26,16 ha; đất phát triển hạ tầng có 1.740,57 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải có 6,76 ha; đất ở tại nông thôn có 303,00 ha; đất ở tại đô thị có 59,00 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 19,94 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có 5,98 ha; đất cơ sở tôn giáo có 105,21 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có 80,92 ha; đất sinh hoạt cộng đồng có 3,72 ha; đất khu

vui chơi, giải trí công cộng có 3,89 ha; đất cơ sở tín ngưỡng 5,35 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch có 3.308,87 ha.

- **Đất đô thị:** có 737,64 ha gồm 02 thị trấn: thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long.

- **Khu vực chuyên trồng lúa nước:** có 16.711,90 ha, phương án điều chỉnh quy hoạch đã xác định rõ khu vực có điều kiện thổ nhưỡng, nguồn nước thích hợp chuyên trồng lúa nước trên địa bàn huyện đảm bảo phát triển sản lượng và chất lượng lương thực đáp ứng mục tiêu an ninh lương thực của huyện nói riêng và quốc gia nói chung.

- **Khu vực rừng phòng hộ:** có 1.236,00 ha, rừng phòng hộ tiếp tục được chăm sóc bảo vệ và phát triển khu vực bãi bồi ven sông.

- **Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp:** có 120,00 ha, đáp ứng bố trí 03 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện (cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc; cụm công nghiệp Long Sơn và cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây).

- **Khu đô thị-thương mại-dịch vụ:** có 737,64 ha,

- **Khu du lịch:** có 105,68 ha, phát triển 03 khu du lịch sinh thái (khu du lịch sinh thái ở các xã, thị trấn: Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long và Mỹ Long Nam). Mục tiêu phát triển hình thức kết hợp du lịch sinh thái và du lịch văn hóa, lễ hội truyền thống các dân tộc.

- **Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp:** có 4.506,63 ha. Mục tiêu tiếp tục tạo điều kiện để 02 làng nghề truyền thống (bánh tét Trà Cuôn và chế biến hải sản thị trấn Mỹ Long) hoạt động hiệu quả và phát triển. Khu ở, tiếp tục phát triển hoàn thiện, nâng cao hệ thống hạ tầng ở các khu ở hiện hữu và tạo điều kiện phát triển các khu ở nhỏ lẻ xen kẽ ở các khu ở đã có, nhằm hạn chế đầu tư các hạn mục hạ tầng ở các khu ở mới.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Để phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang có hiệu lực, đạt tính khả thi cao, đồng thời hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật và tạo cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc sử dụng đất, UBND huyện Cầu Ngang kiến nghị:

- Đề nghị các sở, ban ngành và sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Cầu Ngang nhằm tạo cơ sở pháp lý để huyện chỉ đạo, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai.

- Đề nghị các ban ngành tỉnh, Trung ương cần có các giải pháp về vốn, công nghệ kịp thời phù hợp với nhu cầu phát triển của huyện, các thủ tục giao đất, cho thuê đất phải đơn giản hóa, nhất là đất công nghiệp và dịch vụ nhằm thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp để địa phương đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu, hạn mục sử dụng đất như phương án đã đề ra.

## MỤC LỤC

### ĐẶT VẤN ĐỀ

#### PHẦN I

#### SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	4
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT .....	6
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường .....	6
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	13
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....	24
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai .....	24
3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.....	26
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	35
4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước .....	35
4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại .....	42
4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới .....	49

#### PHẦN II

#### PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	50
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội .....	50
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	51
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....	52
II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	54
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội .....	54



2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng .....	57
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng .....	92
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>94</b>
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. ....	94
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	95
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	96
3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.....	96
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	96

### **PHẦN III**

#### **KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

<b>I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG.....</b>	<b>98</b>
1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã. ....	98
1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực .....	98
1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực .....	110
<b>II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>117</b>
<b>III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI .....</b>	<b>118</b>
<b>IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG .....</b>	<b>118</b>
<b>V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN .....</b>	<b>118</b>
<b>VI. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM .....</b>	<b>122</b>
6.1 Căn cứ pháp lý.....	122
6.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	122

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 VÀ TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 VÀO SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN CẦU NGANG ..... 123

7.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016 và đánh giá tác động của kế hoạch sử dụng đất năm 2016 đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2016 ..... 124

7.2 Tổng hợp số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2016 vào số liệu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cầu Ngang..... 132

**PHẦN IV**

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG..... 133

II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ..... 134

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. KẾT LUẬN ..... 137

II. KIẾN NGHỊ ..... 138

## DANH SÁCH BẢNG

- Bảng 1: Phân loại đất huyện Cầu Ngang theo kết quả điều tra năm 2016
- Bảng 2: Hiện trạng giá trị sản xuất 3 khu vực kinh tế giai đoạn 2011-2015
- Bảng 3: Bảng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011-2015
- Bảng 4: Bảng thống kê đàn vật nuôi giai đoạn 2011-2015
- Bảng 5: Bảng giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2011-2015
- Bảng 6: Bảng giá trị sản xuất ngành công nghiệp-xây dựng giai đoạn 2011-2015
- Bảng 7: Bảng giá trị sản xuất khu vực kinh tế thương mại- dịch vụ giai đoạn 2011-2015
- Bảng 8: Mật độ dân số huyện Cầu Ngang năm 2015
- Bảng 9: Tổng hợp nguồn lao động huyện Cầu Ngang
- Bảng 10: Diện tích tự nhiên phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã
- Bảng 11: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ đầu (2011-2015)
- Bảng 12: So sánh kết quả chuyển mục đích trong giai đoạn (2011-2015)
- Bảng 13: Công trình chưa thực hiện trong giai đoạn 2011-2015
- Bảng 14: Danh mục công trình đã thực hiện và chưa thực hiện theo Nghị quyết số 31
- Bảng 15: Danh mục công trình đã thực hiện và chưa thực hiện theo Nghị quyết số 32
- Bảng 16: phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 cho huyện Cầu Ngang
- Bảng 17: Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 huyện Cầu Ngang
- Bảng 18: Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2020 huyện Cầu Ngang
- Bảng 19: Công trình đất quốc phòng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 20: Công trình đất cụm công nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 21: Công trình đất thương mại-dịch vụ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 22: Công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 23: Công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 24: Công trình đất xây dựng cơ sở y tế điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 25: Công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 26: Công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 27: Công trình đất công trình năng lượng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 28: Công trình đất công trình bưu chính viễn thông điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 29: Công trình đất chợ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020
- Bảng 30: Công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020

Bảng 31: Công trình đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020

Bảng 32: Công trình đất sinh hoạt cộng đồng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020

Bảng 33: Công trình đất khu vui chơi, giải trí công cộng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020

Bảng 34: Danh mục công trình kế hoạch sử dụng đất năm 2015 chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Bảng 35: Công trình đất giáo dục và đào tạo kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Bảng 36: Công trình đất giao thông kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Bảng 37: Công trình đất thủy lợi kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Bảng 38: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2016, theo đơn vị hành chính

Bảng 39: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2016, theo đơn vị hành chính (tiếp theo)

Bảng 40: Danh mục công trình, dự án thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Bảng 41: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Cầu Ngang

Bảng 42: Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo KHSDD năm 2016